

Trình bày

tập chí văn hóa chính trị xã hội
ra ngày 1 và 15 mỗi tháng

3

TUỔI TRẺ PHẢN KHÁNG :

VIỆT-NAM, CÁC NƯỚC NHƯỢC TIỂU VÃ CUỘC
CÁCH MẠNG CÓ THỰC CỦA THANH NIÊN, Thuận Giao

PHONG TRÀO CHỐNG ĐỘC ĐOÁN CỦA SINH VIÊN
XÃ HỘI ĐỨC, Nguyễn Hồng

TẤN TẢ PHÁI NHẬT, Fukushima Junro

ẢNH HƯỞNG CỦA THUỐC KHAI QUANG

TẠI MIỀN NAM VIỆT-NAM, Bà Phạm Cao Dương

THỰC CHẤT SINH HOẠT CHÍNH TRỊ

TẠI MIỀN NAM QUA CUỘC BẦU CỬ

BẢN PHÂN THƯỞNG VIỆN, Trần Tuân Nhậm

Thơ, truyện, hồi ký của Nguyễn Sa,
Nguyễn Quốc Thái, Nguyễn Đăng Thường,
Trần Hoài Thư, Nguyễn Đa

NHẬT KÝ TẬP THỂ
TRẦN MỘC BÀN ĐẦU THẾ KỶ XX
SINH HOẠT VĂN HÓA
ĐIỀM SÁCH



SỐ 3 — RA NGÀY 1 THÁNG CHÍN 1970

- TRÌNH BẦY Con đường mới của cuộc cách mạng thế giới ?
Tuổi trẻ phản kháng
- NGUYỄN HỒNG Phong trào chống độc đoán của sinh viên xã hội Đức
- FUKASHIRO JUNRO Tân Tả phái Nhật
- THUẬN GIAO Việt-nam, các nước nhược tiểu và cuộc cách mạng có thực của thanh niên
- Ghi nhận**
- TRẦN TUẤN NHẠM Thực chất sinh hoạt chính trị tại miền Nam qua cuộc bầu cử bán phần Thượng Viện
- Vấn nghệ**
- TRẦN HOÀI THƯ Người Mẹ
- NGUYỄN QUỐC THÁI Năm hăm đại liên
- NGUYỄN Đ. THƯỜNG Bây giờ trên quê hương chúng ta
- NGUYỄN KHẮC NGŨ Nghệ thuật Việt-nam : Tranh mộc-bản đầu thế kỷ XX (5)
- NGUYỄN ĐA Nhìn
- NGUYỄN SA Đông du-ký (3)
- Nhật ký tập thể**
- NGUYỄN ĐỒNG Nghệ thuật xuống đường
- HOÀNG HÁI NGUYỄN Tuổi trẻ Việt-nam : tuổi Nhất chi Mai chết-để nói nên lời
- Tài liệu**
- bà PHẠM CAO DƯƠNG Ảnh hưởng của thuốc khai quang tại miền Nam Việt-nam
- Điểm sách**
- TRẦN ĐỖ DŨNG *Việt lý tổ nguyên của Kim Định*
- N.T.H. *Sinh hoạt văn hóa*

GIÁ BẢO DẠI HẠN

Giá mỗi số : 50\$

Sáu tháng : 550\$ — Một năm : 1.050\$

- Cao nguyên và miền Trung, thêm cước phí máy bay 50\$ một năm
- Ngoại quốc, đường thủy, thêm cước phí 80\$ một năm.
- Thư bảo đảm, bưu phiếu, xin đề tên : Bà TĂNG HOÀNG XINH.
- Bưu chỉ phiếu xin gửi về trường mục số : SAIGON T/M 48-78 của Bà Tăng Hoàng Xinh.

Trình bày

SỐ 3 — NGÀY 1 THÁNG CHÍN 1970

Con đường mới của cách mạng thế giới?

Trong những năm gần đây, bên cạnh cái hiện tượng « Mỹ hóa » khiêu khích và dễ sợ nhất của thế giới ngày nay, người ta còn phải đặc biệt chú ý tới một hiện tượng mới mẻ này : đó là sự bộc phát mạnh mẽ của những phong trào phản kháng của thanh niên, sinh viên, trí thức. Hiện tượng ấy không chỉ giới hạn trong ranh giới của một số quốc gia, của một hình thái xã hội hay là của một nền văn hóa nào, mà hình như càng ngày càng có khuynh hướng lan rộng ra khắp thế giới. Nó có thể nở ra ở một nước kỹ nghệ, giàu có vào bậc nhất như là Hoa-kỳ, thì nó cũng đã bùng dậy tại một xứ nghèo « mặt rệp », còn chưa được mở mang của châu Á, châu Phi. Nó đồng đặc nói « không » với cái kiểu mẫu xã hội « cơ giới » Tây phương, sản phẩm của chủ nghĩa tư bản, thì nó cũng biểu lộ sự chống đối với những chế độ xã hội xây dựng trên sự độc đoán về mặt ý thức hệ (Tiệp, Ba-lan,...). Nó hiện diện trong những xứ sở đã lâu đời chịu ảnh hưởng của các tôn giáo phương Đông, nó cũng không chịu vắng bóng tại những quốc gia mà truyền thống Thiên Chúa giáo bấy lâu vẫn còn ghi đậm...



TRÌNH BÀY



Tạp chí văn hóa chính trị xã hội — ra ngày 1 và 15 mỗi tháng.
Chủ nhiệm kiêm chủ bút : Thế Nguyên.
Tổng thư ký : Diễm Châu.

Biên tập : Lý Chánh Trung, Thanh Lăng, Đỗ Long Vân, Phạm Cao Dương
Nguyễn Sa, Nguyễn Văn Trung, Thảo Trường, Nguyễn Khắc Ngữ, Trần Tuấn
Nhậm, Diễm Châu, Ngô Kha, Nguyễn Quốc Thái, Tôn Thất Lập, Thế Nguyên,
Hoàng Ngọc Biên, Nguyễn Đồng, Nguyễn Nguyên, Trần Đỗ Dũng, Hoàng Ngọc
Nguyễn, Du Tử Lê, Nguyễn Tử Lộc.
Quản lý : Tăng Hoàng Xinh.
Tòa soạn : 291, Lý Thái Tổ — Saigon.

Tuổi trẻ ngày nay dường như không bằng lòng với bộ mặt hiện tại của cả thế giới: cái thế giới chia cắt, đầy hận thù của những chiến tranh lạnh vì nóng, của những mâu thuẫn ý thức hệ, những chênh lệch giàu nghèo, những khác biệt chủng tộc, cái thế giới «chó má» với những nước lớn bóc lột và thường trực đe dọa những nước nhỏ, với một thiểu số áp bức và một khối không lồ những kẻ bị áp bức, cái thế giới tiêu diệt và đè nén nhân tính của những xã hội đã bị «cơ giới hóa», cái thế giới vô luân, tàn bạo với những chế độ chính trị độc đoán, cai trị bằng roi da và tù đầy,...

Tùy từng hoàn cảnh của từng quốc gia, đối tượng và phương thức hành động của những phong trào này có thể khác nhau (đối với các thanh niên Hippies ở Mỹ, để râu để tóc, ăn mặc sặc sỡ là một cách phản kháng lại chiều hướng phi nhân của xã hội Mỹ ngày nay: cái xã hội đã hoàn toàn bị vật chất và kỹ thuật chế ngự; trong khi đó, đối tượng của các phong trào phản kháng của thanh niên, sinh viên ở châu Á, châu Phi lại là những chế độ dân chủ trá hình cũng sự can thiệp thường trực của thế lực ngoại bang). Tuy nhiên, xuyên qua những biểu lộ của tất cả các phong trào đó trong mấy năm gần đây về một số vấn đề trên thế giới (hầu như đều có cùng một thái độ đối với cuộc chiến tranh ở V.N., đối với yêu cầu dân chủ ở Tiệp, vấn đề da đen ở Hoa-kỳ, cùng bày tỏ sự ngưỡng mộ trước cái chết của «Che», biểu tượng của một «kẻ tử đạo» đã quên mình cho công cuộc giải phóng toàn cõi châu Mỹ La-tinh,...), người ta cũng đã dần dần nhận ra được nơi những người tuổi trẻ đầy nhiệt tình đó ý hướng đồng nhất về một cuộc cách mạng mới cho toàn thế giới mà họ đang theo đuổi. Cuộc cách mạng ấy có phải chỉ là một giấc mộng đẹp của một thời đề yêu và đủ để chết cho tình yêu đó hay quả thực nó sẽ có thể có khả năng làm biến đổi cái bộ mặt bất nhân, tàn bạo của thế giới ngày nay, đem lại sự giải phóng cho các dân tộc và sự giải phóng toàn diện cho hết mọi con người? Có điều chắc chắn rằng, qua những phong trào phản kháng ấy của thanh niên, có một sự thật càng ngày càng lộ rõ: đó là ngày nay, các chiều bài ý thức hệ không còn làm ai tin được nữa, kể cả những người trẻ tuổi, và, mọi mưu toan thống trị, bất cứ dưới hình thức nào và bất cứ từ đâu đến, đều sẽ bị cả thế giới nguyên rủa và chống lại.

Chủ đề của số báo này là trình bày cùng bạn đọc một loạt bài nhằm tìm hiểu những phong trào chống đối hiện nay của thanh niên, và chiều hướng của một cuộc cách mạng lớn thế giới mà những phong trào này đã gợi ra. Tuy nhiên, vì khuôn khổ giới hạn của tờ báo và cũng vì tính chất đa dạng của các tổ chức đó, chúng tôi đã không thể nào trình bày hết được trong một số ngay chỉ là những nét tiêu biểu nhất của phong trào. Chúng tôi sẽ còn tiếp tục loạt bài này trong những số tới.



TUỔI TRẺ PHẢN KHÁNG

*Phong trào chống độc đoán
của sinh viên xã hội Đức*

NGUYỄN HỒNG

Cuộc cách mạng xã hội Đức đầu thế kỷ này, với phong trào nổi dậy của các thủy thủ ở Kiel, những cuộc đình công và nổi loạn của các công nhân trong các trung tâm kỹ nghệ, bởi một ý thức quốc gia hẹp hòi, đã bị dập tắt ngay từ lúc khởi sự, và phải đợi đến cuối thế kỷ mới trở lại bột phát dữ dội. Ngày 13 tháng Tám 1961 là ngày đánh dấu một giai đoạn quyết liệt của tư tưởng chống độc đoán nơi các sinh viên Đức, bởi vì tư tưởng đó đã dứt khoát với một đời sống được coi là phi lý, dứt khoát với cái lối bảo hộ chó má của những thứ uy quyền đang thống trị trong guồng máy quốc gia, trong các hệ thống giáo dục và trong giai cấp chủ nhân — tư tưởng đó đã khởi sự sửa soạn cho hành động. Thanh niên sinh viên Đức bắt đầu nhìn vào cuộc cách mạng của Cuba, vào những nấc thang đầu tiên của cuộc chiến tranh mà Hoa-kỳ đã gây ra cho nhân dân Việt-nam khi ủng hộ chế độ phong kiến của ông Diệm, vào những cuộc đấu tranh giành cấp ở Congo, vào cuộc cách mạng ở Algérie, và đã tìm ra những đường hướng mới

cho cuộc đấu tranh của mình. Trước những phong trào quần chúng nổi dậy chống chế độ độc tài thối nát, ăn cướp của nhân dân mà Hoa-kỳ đã nhân danh tự do để tiếp tục ủng hộ, và trước công cuộc củng cố kinh tế và tách rời đường lối Staline ở Cộng hòa Dân chủ Đức, ý thức hệ chống cộng ở Tây Đức đã biến đổi và khuôn mẫu bạn - thù của những năm 30 không còn được tha hồ khai thác để che dấu cho sự suy sụp của nền dân chủ ở Cộng hòa Liên bang Đức nữa, đồng thời giới trưởng giả Đức cũng khó mà tiếp tục dùng vật chất đóng góp cho đường lối phát-xít, dưới chiêu bài chống cộng. Sinh viên không thể đồng lõa với các chính trị gia để đem ý niệm tự do kéo xuống ngang hàng với một vài thứ thực phẩm, nghĩa là họ quyết liệt không chấp nhận coca-cola như một chất liệu của tự do chính trị. Rất sớm, họ đã nhận ra việc chính quyền tán thành và đôi khi hỗ trợ cho họ trong những cuộc tấn công Bức Tường, đào các hầm cho những người «anh em bên kia» tìm ánh sáng, hay viết lên tường những khẩu hiệu đòi tự do,

chỉ là bịp bợm : rất sớm, họ đã thất vọng khám khá ra là Bức Tường đã được xây với sự thỏa thuận của Hoa-kỳ, (cũng như lối chia đất mà thế giới đã kinh nghiệm từ Téhéran, Yalta và Potsdam) nhằm có dịp đặt vấn đề hiệp ước quân sự, do đó, tạo điều kiện cho binh lực Hoa-kỳ dễ dàng dẹp tất các phong trào giải phóng tại các quốc gia trong thế giới thứ ba. Sự lừng khừng tinh quái của giới chính trị lãnh đạo Tây Đức không thể kéo dài quá ngày 13 tháng Tám 1961: họ đã phải công khai cho cảnh sát đẩy lui bằng vũ lực các thanh niên sinh viên quá khích xuống đường kéo nhau đến đòi phá Bức Tường. Chiếc mặt nạ đã rơi xuống, để lộ bộ mặt phản động của cả một chế độ — chế độ thù lại. Nhân dân Tây Bá Linh thấy rõ sự phụ thuộc của đời sống mình vào chính quyền Bonn, nghĩa là vào các cường quốc Tây phương, và đã khởi sự lên tiếng. Những sinh hoạt chính trị ở Đại học đã bắt đầu được đòi hỏi một cách quyết liệt hơn. Sinh viên *Freie Universität* (F.U : Đại học Tự do Berlin) đã liên tiếp đi từ việc đòi chính quyền mở những cuộc tiếp xúc với Đông Đức, cải cách chế độ giáo dục, thể thức bầu cử, phản đối việc ưu đãi các người của cựu chế độ quốc xã trong guồng máy nhà nước, đến việc đòi lạc quyền giúp các người tỵ nạn và sinh viên Algérie, tỏ thái độ đoàn kết với các sinh viên Đông Đức, phản đối lối bỏ rơi các người tỵ nạn Trung hoa ở Hồng Kông. Trong các cuộc hội thảo triết học ở đại học, trong các nhóm công tác của *Hiệp hội Sinh viên Xã hội Đức* (SDS : Sozialistischer Deutscher Studentenbund) và của *Hội Biện Luận* (Club Argument), anh em thanh niên đã đi tìm một giải thích hợp lý cho hoàn cảnh xã hội và chỗ đứng của tuổi trẻ trong xã hội đó. Khi đem áp dụng ý niệm về

phân tâm học vào những hiện tượng xã hội như đường lối phát-xít, xã hội tiêu thụ, những lối hoạt đầu chính trị, một vài nhóm sinh viên — nhất là các nhóm thành lập ở Munich và Berlin — đã có một thái độ dứt khoát tách rời khỏi chính quyền và sẵn sàng « dẫn thân bằng đời sống », sẵn sàng « chối bỏ » mọi qui ước trong xã hội.

Tiếp theo những hành động phản kháng nhẹ nhàng lúc đầu, còn nằm trong chủ trương của *Konvent* (Hội đồng Sinh viên Đại học Tự do) hay *A.St.A* (Allgemeiner Studentenausschuss, Ủy ban Sinh viên) như việc muốn quyền tiên giúp người Algérie, như chiến dịch chống kỳ thị chủng tộc ở Phi châu, hoạt động của sinh viên chống bọn hoạt đầu trong xã hội đã dần dà mang một tính chất cấp tiến quá khích, và sau những chiến dịch Bích chương năm 1964 ở Stuttgart — một trong những hình thức nổi loạn cần thiết — sinh viên thật sự đã có những hoạt động hoàn toàn chính trị. Giữa lúc đảng chính phủ và bọn thù lại quốc gia đang sửa soạn cho chế độ chuyển chế bằng những nỗ lực nhằm cho thông qua những đạo luật đặc biệt, thì thanh niên sinh viên Đức, bằng vào những biến cố xảy ra trong các thành phố lớn và vào những cuộc chiến tranh giải phóng trong thế giới thứ ba, cố tìm cách giải thích những biến cố trên toàn thế giới để vạch một con đường hành động. Một tờ báo sinh viên, tờ *Anschlag*, số tháng Mười Một 1964 viết : « Sự bất khả trong việc hòa giải chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa xã hội đã được các người cộng sản Trung hoa ngày nay soi sáng một cách đặc biệt (...) Vậy việc sống chung với đế quốc không thành vấn đề nữa, mà phải đánh chủ nghĩa này ở những điểm yếu nhất và bằng những phương tiện sẵn có của chúng ta, để có thể tiến đến gần mục đích

này: một thế giới không nghèo đói và không chiến tranh».

Tuy nhiên, thiếu kinh nghiệm cụ thể về những cuộc chiến tranh nhân dân, những cuộc đấu tranh giai cấp, sinh viên Đức đã khởi sự hoạt động bằng một ý hướng nhân loại thuần túy; bằng tình cảm họ bày tỏ đoàn kết với những người chiến đấu ở châu Mỹ La-tinh, ở Phi châu, ở Việt-nam, và bằng lý trí họ đã kích động về các cơ cấu xã hội tư bản.

Giai đoạn sửa soạn hành động của sinh viên Đức chấm dứt cuối năm 1964 khi Quốc hội Berlin tổ chức đón Moise Tshombé, Thủ tướng Congo, một chính trị gia thối nát mà họ cho là công cụ của bọn doanh nghiệp Hoa kỳ và Bỉ, kẻ mà chính báo chí tư bản cũng công nhận là đã nhúng tay vào vụ ám sát Lumumba. Tất cả các thành phần phản chống đối thiên tả đều tuyên bố sẵn sàng biểu tình trước phi trường Tempelhof để phản kháng cuộc viếng thăm này. Và ngày hôm đó đám cảnh sát hãy còn thiếu kinh nghiệm mà chính quyền đã cho phái tới sẵn sàng hành động, đã chỉ có thể lừa được các sinh viên bằng cách mời Tshombé ra cửa sau, chứ không đủ sức giải tán hơn hai ngàn người biểu tình rầm rộ quanh «cổng trường Cầu hàng không». Chính quyền đã tỏ ra coi thường cuộc biểu tình, nghĩa là coi thường tiếng nói và bác bỏ việc tham dự của dân chúng vào những quyết định chính trị, bởi vậy họ bắt buộc phải có một hình thức hành động khác: tấn công những hàng rào cảnh sát đầu tiên và tiến nhanh về Tòa Thị sảnh. Ngày hôm đó, sau khi nhân viên công lực đã dùng đến chó để tái lập uy quyền quốc gia, Thị trưởng Willy Brandt phải quyết định đóng vai trò vị cha già của nhân dân, tiếp một phái đoàn các sinh viên Phi châu và Đức, và dành cho tên bù nhìn của chế độ đế quốc ở Congo một

cuộc tiếp rước lạnh nhạt. Biện cố tiếp đón một nhân vật ngoại quốc chỉ vì muốn thành phố Berlin được biết là «thủ đô Tây Bá-linh» đã cho thanh niên Đức thấy là những cuộc biểu tình không thể đem lại gì, nếu họ không đi xa hơn, buộc nhà cầm quyền, buộc các đảng phái hay phe nhóm công khai phát biểu ý kiến, cụ thể là tìm cách chia rẽ họ — nếu không, các báo chí «tự do» và các phe phái ở Berlin sẽ sẵn sàng xếp họ vào hàng ngũ những thiếu số «xách động», bị «giật dây», điều mà báo chí phản động tư bản đã cố làm. Biện cố trên còn cho họ thấy rõ vai trò của cảnh sát, mối liên hệ buồn bã của những chế độ phong kiến phát xít đối với sự hỗ trợ rộng lớn về quân sự và kinh tế của phe tư bản và hơn hết là trở ngại của những phong trào giải phóng trước «sức mạnh» của phe tư bản này.

Vào dịp kỷ niệm thứ hai mươi, năm 1965, ngày đánh bại phát xít Đức Át A định tổ chức một cuộc hội thảo công khai với sự có mặt của giáo sư von Friedeburg và các nhà báo Kramer-Badoni và Erich Kuby, về đề tài: *Sự Phục hưng hay bước khởi hành mới: Cộng hòa Liên bang Đức hai mươi năm sau*. Mặc dù đã phải bỏ giảng đường Đại học Tự do để qua Trụ sở của Sinh viên Đại học Kỹ thuật, cuộc hội thảo vẫn bị Viện trưởng dùng quyền «hành chánh» để đòi kiểm duyệt. Ngày 5 và 6 tháng Năm 1965, Phân khoa Triết học đã cùng với các nhóm sinh viên khác nhau như nhóm *Sinh viên Tự do* (Liberaler Studentenbund), nhóm *Sinh viên xã hội «chính thức»* (Sozialdemokratischer Hochschulbund), *Hiệp hội sinh viên xã hội Đức* (SDS, xã hội cực tả), *Nghiep đoàn sinh viên* (Gewerkschaftliche Studentengemeinschaft), *Sinh viên tin lành* (Evangelische Studentengemeinde), *Sinh viên Đức Do thái* (Deutsch-

Israelische Studentengemeinschaft), *Sinh viên Nhân quyền* (Humanistische Studentenunion) và *Hội Biện luận* (cực tả không cộng-sản), phân phát truyền đơn kêu gọi toàn thể sinh viên biểu tình phản kháng. Lời kêu gọi đã lôi kéo được một số rất đông sinh viên, sau khi thỉnh cầu của phái đoàn đến gặp Viện trưởng đề đòi lại quyền được «mời bất cứ ai đến trình bày về một chủ đề gì vào bất cứ lúc nào, và bàn cãi với người đó» bị Viện trưởng bác bỏ.

Một tuần lễ sau, thỉnh nguyện đã biến thành quyết nghị chính thức, với hơn ba ngàn chữ ký. Nhiều bích chương phản đối đã được các nhóm sinh viên lẻ tẻ dán khắp nơi, đứng tên nhiều nhóm, kể cả nhóm sinh viên Hoa kỳ ở F.U. Thế nhưng trên truyền thanh truyền hình, vị Viện trưởng vẫn lên tiếng cho rằng đòi hỏi của sinh viên «hoàn toàn không thực tế», và «trách nhiệm duy trì trật tự ở đại học chỉ tùy thuộc vào ông». Sau cuộc hòa giải thất bại giữa A.St.A và Viện trưởng, sau khi Konvent đưa ra một kiến nghị giải thích rõ qui chế đại học, quyền tự do và độc lập của các người dạy cũng như người được dạy, và đòi được xác nhận những quyền lợi của sinh viên, mà vẫn chỉ được trả lời một cách mơ hồ, ngày 18 tháng Năm 1965 sinh viên đã họp ở Viện Otto-Suhr và quyết định bãi khóa.

Các sinh viên phản kháng lần này đã bắt buộc giới hành chánh thư lại đại học lên tiếng trước đám đông, và do đó, đã thành công trong việc gây tin tưởng trong giới sinh viên đối với cuộc đấu tranh. Bởi vì khi những người cầm đầu hành chánh đại học lên tiếng, nhất định họ phải đề lộ những lý luận vô lý và phản dân chủ của mình. Các sinh viên lãnh đạo phải tìm cách gây tin tưởng nơi toàn thể sinh viên, bởi vì phần lớn báo chí

«dân chủ» dưới tay tài phiệt Axel Springer đã hết lòng đã kích nhử, đòi hỏi dân chủ của sinh viên, và kêu gọi tái lập «an ninh và trật tự» vô điều kiện.

Qua những cuộc hội thảo sinh viên và những nhóm công tác, các sinh viên đã đi từ những nội dung phê bình lý thuyết, như phân tích chủ trương phát xít, phân tích đường lối New Deal ở Hoa kỳ, nghiên cứu những khuôn mẫu kinh tế chính trị của phe tư bản, phân tích những phương pháp vận dụng bằng báo chí và quảng cáo, điều tra về chính sách đế quốc hiện tại, đến những vấn đề xã hội cụ thể thế có thể *thực tiễn* dân chúng, và họ quyết định từ bỏ ý thức tiện nghi của một đời sống học hành yên ổn để xuống đường.

Một năm sau cuộc biểu tình chống Tshombé, nghĩa là cuối năm 1965, giữa lúc một số sinh viên đang khởi sự phân tích những nguyên nhân của cuộc chiến tranh ở Việt Nam và tìm ra những chứng cứ về sự can thiệp thô bạo của Hoa kỳ, giữa lúc cơ quan của tài phiệt Springer (xưa nay vẫn im lặng trước những sinh hoạt chính trị liên quan đến cuộc chiến tranh Việt nam, để có thể tiếp tục tạo ra nơi dân Đức hình ảnh một anh chiến sĩ G.I. dũng cảm đang cô đơn chiến đấu cho tự do của thế giới) khởi sự hướng dẫn báo chí Tây Đức mở nhiều chiến dịch tuyên truyền ủng hộ Hoa kỳ trong cuộc chiến tranh này, như chiến dịch gọi «Chuông Tự do» cho các bà mẹ Hoa Kỳ trong dịp Giáng sinh 65 thì một số sinh viên giữa đêm đã lên lút đem dán khắp các đường phố những bích chương tố cáo những kẻ đang can thiệp ở Việt-nam và những ai đang hỗ trợ tinh thần cho những kẻ trên. Những anh em sinh viên trong SDS, bởi

hoàn cảnh lịch sử của nước Đức sau
 chiến tranh, vốn có một tính thần nghiêng
 về chủ thuyết, gắn liền với những
 niềm lý tưởng, khoa học — điều
 mà Marx đã có mô tả khi viết :
 « Nhưng nào họ còn tìm kiếm khoa
 học và chỉ đặt ra những hệ thống,
 nhưng nào họ còn ở chỗ bắt đầu của
 cuộc đấu tranh, thì trong sự khốn
 cùng họ chỉ thấy có sự khốn cùng
 mà không nhận ra được cái khía
 cạnh cách mạng sẽ làm đảo lộn cả
 xã hội cũ » — nên thoát đầu chủ
 nghĩa xã hội nơi họ quả là có thiện
 cảm với giai cấp vô sản nhưng mặt
 khác lại cũng đặt tin tưởng vào
 tiến trình khách quan của lịch sử.
 Và Chiến dịch Bích chương do đó
 đã gây ra nhiều tranh luận trong
 giới sinh viên mà phần lớn đều cố
 tìm ra một sự hòa hợp giữa lý
 thuyết và hành động để tiến tới
 « giáo dục bằng hành động » trong
 những điều kiện của xã hội tư bản.
 Trong thời gian này, Rudi Dutschke,
 một sinh viên ban chính trị và xã
 hội học ở F.U., đang trở thành
 lý thuyết gia của cuộc đấu
 tranh của sinh viên Đức. Những
 buổi họp tìm đường hướng
 hành động cho SDS thường dựa
 theo những tài liệu chính trị của
 các sinh viên trẻ tuổi với vẻ mặt
 suy sưa và cương quyết này.
 Nhiều buổi chiếu phim và hội thảo



RUDI DUTSCHKE

thông tin lại được tổ chức trong
 khu Đại học để trình bày những sự
 thật về cuộc chiến tranh của Mỹ
 ở Việt-nam, mặc dù Viện trưởng đã
 nỗ lực tìm cách tạo nhiều thứ thủ
 tục rắc rối để ngăn cản. Báo chí tài
 phật, sau chiến dịch tục tiêu « Chuông
 Tự do » cuối năm 65, nay một lần
 nữa lại đứng lên mở chiến dịch
 đã kích sinh viên và chiến dịch này
 đã lên đến tột điểm hôm 28 tháng
 Giêng 1966 khi người ta dùng bom
 tấn công một buổi hội thảo về Việt-
 nam tại Trụ sở Sinh viên Đại học
 Kỹ thuật. Trước hành vi bạo động
 bên ngoài đến, và trước luận điệu
 vô nhân và phi lý của báo chí cho
 rằng « tự do của Bá-linh đang được
 (Mỹ) bảo vệ ở Việt-nam », nhiều
 hiệp hội sinh viên đã quyết định
 đem hoạt động ra khỏi Đại học
 xuống đường. Họ tổ chức một cuộc
 biểu tình chống chiến tranh Việt-
 nam, ở trung tâm thành phố, vào
 ngày 5 tháng Hai 1966. Tối hôm
 trước đó, bốn sinh viên trong SDS
 đã bị bắt khi đi dán những bích
 chương tố cáo các nhà lãnh đạo
 chính trị Cộng hòa Liên bang Đức
 đang biến mình thành những kẻ
 đồng lõa tích cực trong hành động
 diệt chủng của Hoa-kỳ ở Việt-nam.
 Bốn sinh viên đó vẫn bị giữ khi
 cuộc biểu tình vĩ đại này giải tán
 để tiến về trước Ngôi Nhà Hoa-kỳ.
 Ở đây cả ngàn sinh viên quyết
 định ngồi xuống đất để phản kháng.
 Ngày hôm đó cảnh sát đã can thiệp
 một cách dữ dội, và có rất nhiều
 người bị thương bên phía sinh
 viên. Và cũng ngày hôm đó, lần
 đầu tiên, sáu quả trứng thối đã từ
 đám đông liệng vào võ tung tóe trên
 mặt tiền tòa nhà « Tự do » của Hoa-
 kỳ. Chính quyền một lần nữa đã
 công khai đứng về phía đường lối
 của Hoa-kỳ, khi Thị trưởng Tây
 Bá-linh và Viện trưởng Đại học
 mỗi người đều gửi một bức thư lễ
 phép xin lỗi viên Tư lệnh quân sự
 Hoa-kỳ. Hai ngày sau cuộc hội thảo

ngày 6 tháng Hai 1966 về vấn đề «soi sáng bằng hành động» của một nhóm sinh viên SDS, đảng Dân chủ Thiên Chúa giáo (CDU) đã tổ chức một cuộc phản biểu tình gồm 150 thị dân Bá-linh. Đảng viên phản biểu tình đã đánh những người bằng quan không đồng ý với họ và kéo lê những người này nhét lên cầu thang quay ở nhà ga xe điện hầm, đuổi qua «phía bên kia». Ngày 16 tháng Hai 1966, Hội đồng Đại học ra thông cáo cấm mọi cuộc hội họp chính trị trong phạm vi Đại học Berlin, và A.St.A lại lên tiếng phản đối nhà trường đã xâm phạm những nguyên tắc nội bộ của F.U. dành quyền sử dụng một số phòng cho việc giáo dục chính trị. Giáo sư Sontheimer, Hội viên đặc trách về Giáo dục Chính trị, đứng lên phê bình Hội đồng về vụ xâm phạm trên, và trước khi ông kịp đưa đơn từ chức, người ta đã mời ông ra khỏi ghế ngồi của ông. Bấy giờ, hơn bao giờ hết, sinh viên mới hiểu được một cách cụ thể ý nghĩa chữ «hoàn cảnh đặc biệt của Bá-linh» mà người ta cứ đem nói hoài bằng một giọng điệu hăm dọa. Hơn bao giờ hết, sinh viên đã hiểu được ý nghĩa của tự do dân chủ một chiều ở Bá-linh cũng như ở F.U., và hiểu được rằng người ta chỉ có thể lên tiếng trong chiều hướng tự do dân chủ đó thôi. Trong SDS — *Information über Vietnam und die Länder der Dritten Welt*, số 1, tháng Năm 1966, sinh viên viết: «Tư tưởng dân chủ thực sự chỉ có thể tìm thấy sức nặng của mình khi nó ngổ lỏi đúng nơi chốn, khi nó công nhận là không còn gì để bàn cãi với Tòa Bạch cung... mỗi chiến thắng của nhân dân Việt-nam đều có nghĩa là một chiến thắng đối với nền dân chủ của chúng ta...» Ngày 22 tháng 6 1966, vào buổi chiều, sau khi chủ tịch A.St.A bị ông Viện trưởng lên án là xuyên tạc sự thật (đối với những cái tờ «bóp họng» của

Đại học) và tất cả đại diện sinh viên đều tẩy chay lễ ghi danh ở Đại học, hơn ba ngàn sinh viên đã tụ họp dưới các cửa sổ phòng nhóm của Hội đồng Đại học để bàn cãi những vấn đề đang được chính Hội đồng duyệt xét bên trong. Chiều hôm đó, sinh viên đã cử đại diện đòi một cuộc bàn cãi công khai trước mặt toàn thể sinh viên giữa Hội đồng Đại học và anh em sinh viên, về những biện pháp mà Hội đồng sẽ quyết định, và khi các giáo sư từ chối, sinh viên đã tràn vào tòa nhà, khởi sự ngồi tại chỗ. Mặc dù viện trưởng đã hứa sẽ tiếp một số đại diện sinh viên và yêu cầu những sinh viên khác trở về, anh em vẫn cứ ở lại họp, cùng với một số giáo sư và phụ khảo, đến quá nửa đêm. Quyết định cấm hội họp chính trị trong phạm vi F.U. hồi mười giờ tối hôm đó đã được rút lui, cuộc chiếm trường cũng chấm dứt sau quyết định thiết lập một hội đồng hỗn hợp phụ trách việc cải cách giáo dục và sau khi sinh viên đưa ra một bản nhận định giải thích: «Chúng tôi không phải chỉ tranh đấu để được học lâu hơn hay để được quyền tự do phát biểu tư tưởng mình... mọi quyết định liên quan đến chúng tôi phải được thực hiện một cách dân chủ và với sự tham dự thực sự của chúng tôi.. Chúng tôi nhất định đương đầu với tất cả những kẻ nào, bằng cách này hay cách khác hành động bất chấp tinh thần Hiến pháp...» Sinh viên đã rút lui, thế nhưng tỉ lệ và thành phần hội đồng hỗn hợp lại được chấp nhận theo quan điểm của Hội đồng Đại học cũ. Sự kiện này cho thấy là con đường tranh đấu của anh sinh viên Tây Đức sẽ còn kéo dài xa hơn nữa.

Những cuộc phản kháng trước 1966 và đầu 1967 của sinh viên chỉ nhằm bảo vệ những hình thức dân chủ. Sau những cuộc bùng nổ dữ dội, sinh viên lại đến trường học. Thế nhưng để có thể tiếp tục kiểm soát sinh viên, đặc biệt là để ngăn chặn

được chừng nào hay chừng ấy các cuộc biểu tình và hội thảo về vấn đề Việt-nam, mà mỗi ngày giới chức đại học lấy làm khó chịu thấy sinh viên tham gia đông đảo hơn, nhiều biện pháp phản dân chủ, phản tự do, đi ngược lại cả qui chế đại học khởi sự được áp dụng, đe dọa trực tiếp tương lai của sinh viên. Đến cuối tháng 6 đã cho toàn thể sinh viên biết muốn thành công mỗi người phải tham gia trực tiếp, đại diện sinh viên chỉ là những người nói thay cho anh em, không hành động thay cho anh em được. Bởi thế nên ngày 26 tháng Mười Một 1966, sau khi viện trưởng Hans-Joachim Lieber cố né tránh các vấn đề mình bạch đặt ra trong cuộc bàn cãi với sinh viên về những vấn đề giáo dục đại học, một nhóm đồng sinh viên đã cho phân phát và lên đài micro đọc nguyên văn tờ truyền đơn tố cáo những điều kiện làm việc, những qui tắc thi cử, lối đào tạo những «thằng ngốc chuyên môn hóa» ở F.U., sự vô trách nhiệm của Hội đồng Đại học đối với phong trào đòi hỏi tự do của sinh viên, tuyên bố «không mong đợi gì ở cuộc đối thoại này» và thành lập Ủy ban lâm thời tranh đấu cho tổ chức tự trị đại học. A.St.A tuy không chấp nhận hình thức phản kháng này, cũng giải thích nó như hậu quả mỗi thất vọng của sinh viên trước «sự bất lực của giới Đại học đối với những vấn đề cải tổ giáo dục». Báo chí tài phiệt được dịp lên án nhóm tranh đấu trong SDS là Vệ-binh Đỏ, và tiếp theo một loạt bài tố cáo của các tờ báo «tự do» như Morgenpost, Der Abend, viện trưởng Lieber đã vô ý hù dọa sinh viên trao cho ông danh sách hội viên SDS — điều mà không ai có thể thỏa mãn được.

Trong những ngày sau, Chiến dịch tài giảm binh bị tổ chức biểu tình chống chiến tranh Việt-nam, là theo những con đường do cảnh sát chọn. Vào giờ khởi hành, một nhóm lớn khoảng hai nghìn người ào tiến ngược về phía Kurfürstendamm và bị một trận đòn của cảnh sát phải rút lui về những con

đường tiếp cận. Sau cuộc biểu tình, vài trăm người đã tụ lại trước tiệm cà phê Kranzler, trưng biểu ngữ kêu gọi đoàn kết, lãnh thêm một trận đòn cảnh sát và tám mươi người trong số đã bị bắt.

Ngày 17 tháng Mười Hai 66, sau khi A.St.A gửi thư chào mừng tân thị trưởng Henrich Alberz kèm theo lời than phiền những hành động dã man của cảnh sát, sinh viên lại tổ chức một cuộc biểu tình theo hình thức «đi dạo», nghĩa là sinh viên sẽ phân tán đi tản bộ khắp các ngã đường khi cảnh sát tới đề rồi vài phút sau lại họp lại ở một địa điểm công cộng. Kết quả, tới hơn nửa số bị bắt đều là các người đạo phở, gồm đàn bà, trẻ con, và hai nhà báo.

Nhà trường tiếp tục tăng thêm nhiều biện pháp áp bức kìm hãm các sinh viên tham gia hoạt động chính trị. Sau biện pháp tăng đầm phụ từ 135 lên đến 160 D.M. được loan báo hôm 10 tháng Giêng 67, làm cho các sinh viên Sư phạm bãi khóa ba ngày liền và quyết định không đóng một số tiền nào cả, sau quyết định cúp tiền dành cho các cơ quan sinh viên tự trị, mà ông thị trưởng Alberz gọi là «cúp vôi nước», nhằm công khai cấm chỉ sinh viên có những phát biểu chính trị, ngày 10 tháng Giêng nhóm sinh viên Bá Linh trong Hiệp hội quốc gia sinh viên Đức (V.D.S.) đã tổ chức một cuộc hội họp không chính trị ở giảng đường Đại học Kỹ thuật để phản đối việc tăng học phí — sau khi dự định biểu tình đã bị cảnh sát từ chối. Cuộc hội họp đã khoác màu sắc chính trị, bất buộ như vậy, khi sinh viên được tin sáu anh em tranh đấu bị bắt ngoài đường trong lúc dán biểu ngữ phản đối Thủ tướng Kiesinger. Chính quyền tiếp tục ngăn chặn các cuộc hội họp của sinh viên và bắt bớ bất hợp pháp. Ngày 26 tháng Giêng, mười lăm nhân viên cảnh sát được lệnh xâm nhập lục soát trụ sở sinh viên SDS, đặt tại một ngôi nhà không ai đứng tên ở Frankfurt am Main lấy cớ có bốn giáo sư thừa

đã bị công khai mại lộ sau vụ truyền đơn nói về « Những thằng ngốc chuyên môn hóa » mà kỳ thực là đề cướp tập danh sách các hội viên SDS — trước mặt luật sư của anh này và cả viện trưởng Lieber. Buổi họp sáng hôm sau ba ngàn sinh viên F.U. và một số giáo sư lên lỉnh đỏi trả tập phiếu nói trên và mở một cuộc điều tra đã đưa đến quyết định tở chức hai cuộc biểu tình hôm sau nữa, buổi sáng ở Viện John-F. Kennedy và buổi chiều ở trung tâm thành phố. Lần này, báo chí « tự do », từng đòi chính quyền trục xuất « hai mươi lăm tên sinh viên gây rối chuyên nghiệp », đã phải rất dè dặt, và ông thị trưởng Alberz, kẻ chủ trương « khóa vòi nước », sau khi bị chính các nhà báo Mỹ cật vấn, đã phải tuyên bố lấy làm tiếc về vụ tịch thu danh sách sinh viên SDS và đồng ý cho phép cuộc biểu tình ở Kurfürstendamm ngay chiều hôm đó — cuộc biểu tình đã qui tụ ba ngàn người.

Đầu tháng tư 1967, nhân cuộc viếng thăm chính thức của Phó Tổng-thống Hoa-kỳ ở Tây Bá-linh A. St.A đã phổ biến một truyền đơn kêu gọi mọi người tiếp đón « bằng những lời hoan hô đáng giá cho vị đại diện cường quốc đang bảo vệ nền tự do Bá-linh ở Việt-nam... » Tối hôm 5 tháng Tư 1967, trước ngày Humphrey đến, một số sinh viên SDS đã bị bắt trong một ngôi nhà ở Bá-linh khi anh em đang chế những hộp khói và những bọc chất « cèo đựng bột mì và bột gạo. Phòng báo chí cảnh sát lập tức ra thông cáo cho biết các sinh viên thuộc nhóm « Kommune » và đang âm mưu dùng bom để ám sát Phó Tổng - thống Hoa - kỳ, và báo chí vồ lấy thông cáo đó để tung những tin phản động tố cáo sinh viên và tố cáo luôn cả Tòa Đại sứ Trung-hoa « đã cung cấp bom để giết Humphrey ». Trong dịp này, cùng với báo chí, và để làm giảm bớt cường độ của những cuộc « đón tiếp » sinh viên dành cho Phó tổng thống Hoa-kỳ (rất ngoạn mục nhưng vẫn

nằm trong vòng hợp pháp), các đảng tại quyền và ông Thị trưởng đã gởi một danh sách sinh viên phản kháng buộc nhà trường trừng phạt những kẻ « gây rối » và duyệt xét vấn đề đại diện SDS. Cùng lúc ông thị trưởng yêu cầu A.St.A tách khỏi những sinh hoạt của nhóm « Kommune », và Ủy ban này đã trả lời bằng cách lên tiếng tố cáo cảnh sát đã nhân biến cố trên « xúi giục dư luận quần chúng chống một nhóm đối lập với những nguồn tin đã được tự ý cắt bỏ », và tố cáo ông Thị trưởng đã ngoan cố nhân danh thị dân Berlin « hết lòng ủng hộ sự can thiệp của Hoa-kỳ ở Việt-nam ».

Ngày 19 tháng tư 67, trong buổi họp do A.St.A tổ chức trong tòa nhà của Hội đồng Đại học — bàn về đường lối loan tin của báo chí, hành động chống đối Humphrey, vấn đề cúp tiền, vụ « danh sách đen » cảnh sát gởi qua và viện trưởng đã vui lòng nhận đề « tái lập trật tự », vụ Hội đồng Đại học đặt về vấn đề đại diện SDS, vụ nhà trường cấm báo F.U. Spilgel của sinh viên tường trình các buổi hội thảo vì sự bị chỉ trích — giữa lúc nhiều người đang phát biểu ý kiến thì lúc 9 giờ tối, sinh viên được biết là Hội đồng Đại học đã quyết định cấm sinh viên phổ biến nội dung mọi cuộc hội thảo nghiên cứu ở Đại học. Hơn thế nữa, viện trưởng còn cho chủ tịch A.St.A biết các sinh viên bỏ giảng đường để qua giải khát bên khu Henry-Ford, trong giờ nghỉ, nếu không lập tức trở về sẽ bị trừng phạt. Các sinh viên đồng một loạt khởi sự cuộc ngồi tại chỗ thứ nhì trong lịch sử F.U để phản đối, và sau khi đến gặp các sinh viên không phải để tham dự tranh luận mà để hăm dọa cho gọi cảnh sát đến giải tán, ông Viện trưởng rút về trước khi, vào lúc nửa đêm, năm mươi cảnh sát tiến vào tòa nhà hăm dọa một toán sinh viên ngồi thụ động mặc cho cảnh sát kéo lê từng người ra ngoài. Ngày hôm sau Viện trưởng cho chính thức gọi hai chủ tịch A.St.A và Konvent đến để

thành báo những biện pháp quen thuộc của ông, là đập vào một số sinh viên SDS, được coi như dẫn đầu sinh viên phản kháng.

Ngày 26 tháng Năm 1966, qua một biên kiến nghị được Konvent chấp thuận bằng cách bỏ phiếu, cơ quan đại diện chính thức của sinh viên đã lên án « chính phủ Hoa-kỳ, cũng như các chính phủ tận tâm với chính phủ này, đã gây ra những tội ác đối với nhân dân Việt-nam và với chính nhân dân Đức. »

Trước đó, bằng vào những tờ truyền đơn do nhóm « Kommune I » phổ biến mang chữ ký SDS, kêu gọi dân chúng, bằng một hình thức trào phúng, đốt các cửa tiệm lớn, Hội đồng đại học đã triệu tập một ủy ban duyệt xét và giải tán ban đại diện SDS mà Karl Dietrich Wolf một sinh viên luật khoa, là chủ tịch Peter Gang (1) là Phó chủ tịch, mặc dù ủy ban điều khiển của Hiệp hội này đã trực xuất một số anh em trong nhóm « Kommune I », vì đã có những hành động cá nhân. Hội đồng sinh viên phản đối vụ giải tán này.

Ngày 1 tháng Sáu 1967, trước ngày viếng thăm của nhà vua độc tài ở Iran, A.St.A đã cùng với một số bạn bè trong Liên minh Iran tổ chức một cuộc hội họp thảo luận về chính sách độc tài ở xứ này, với sự góp mặt của nhà văn Bahman Nirumand, (1) quốc tịch Iran, tác giả cuốn Iran, khuôn mẫu một quốc gia đang mở mang. Trưa ngày hôm sau, một cuộc biểu tình lớn diễn ra ở tòa thị sảnh Schöneberg, vào lúc hai cảnh sát đã khoan tay để cho một nhóm người Iran tới tới của Vua này vác gậy gộc tấn công anh em biểu tình tay không. Tối hôm cùng ngày, nhiều ngàn sinh viên đã biểu tình chống Vua Iran trước Nhà Hát, và cảnh sát đồng loạt cũng như thường phục đã áp dụng chiến thuật cắt đường rút lui để tấn công đã man vào sinh viên. Sau cái chết của sinh viên Benno Jansorg (bị tên cảnh sát Karl

Heinz Kurras bắn bằng súng lục), và sau vụ bắt giam tạm bảy tháng trời sinh viên Fritz Teufel (dựa theo những lời khai mâu thuẫn bịa đặt của hai cảnh sát viên) mà các giới chức Đại học đã cùng với chính quyền quốc gia và báo chí cổ tình đổ thừa cho tinh thần quá khích của những sinh viên tay không, anh em sinh viên nhận ra là thật sự mình đã bị bỏ rơi.

Đứng trước đe dọa chia rẽ sinh viên với dân chúng, hậu quả của một nền thông tin tư bản, sinh viên đã nỗ lực vượt qua bức tường thù hận bằng cách phân phát hàng ngàn truyền đơn nhằm tạo một thứ phản-thông-tin trong đám bình dân, chống lại những xảo thuật của báo chí Springer. Chủ trương này đòi hỏi phân tán lực lượng thành nhiều nhóm công tác nhỏ, đánh dấu một giai đoạn phản kháng mới, nhằm điều tra để chặn kịp thời những lối xuyên tạc vô liêm sỉ của các ủy ban điều tra của Quốc hội. Kinh nghiệm của hình thức đấu tranh này, cùng với cuộc hội thảo bảy ngày trong tất cả các phân khoa, đã giúp anh em sinh viên F.U thấy rõ sự cần thiết lập một trung tâm văn hóa riêng cho sinh viên và họ đã tổ chức một thứ phản-đại học, đại học phê bình, (do các sinh viên tự tổ chức lấy) đào tạo sinh viên cho những hoạt động chính trị có trách nhiệm được rất đông các giáo sư chính trị học, thần học, triết học, trong số có giáo sư Herbert Marcuse, hỗ trợ. Từ chiến dịch nói chuyện giữa đường phố, trước công các nhà máy, các anh em sinh viên đã đi đến chỗ đòi trưng dụng cơ quan doanh nghiệp Springer — chủ nhân ông của mười tám tờ báo, chiếm một phần ba số ấn bản của cả nước. Ngày 28 tháng Mười 67, trong một căn phòng tráng lệ của khách sạn Atlantic ở Hambourg,

(Xin xem tiếp trang 83)

Tân Tả phái Nhật

FUKASHIRO JUNRO

Tân Tả phái xuất hiện :
Vào tháng Chín năm 1969 danh từ «Tân Tả phái» đột nhiên bắt đầu được thông dụng trong báo giới Nhật - bản. Trong lúc ngày Thủ tướng Sato Eisaku viếng thăm Hoa-kỳ vào tháng Mười Một để tự động gia hạn Hiệp ước An ninh chung Nhật-Mỹ tới gần, các lực lượng khác nhau chống đối hiệp ước an ninh đã tìm cách dồn mọi năng lực vào mục tiêu tháng Mười Một này. Ngày 10 tháng Chín, nhiều phe nhóm sinh viên Tả phái chống đối hiệp ước an ninh đã tập hợp tại Công viên Hibiya ở Tokyo để thành lập Tổ chức Zenkoku Rengo (Tổng đoàn Sinh viên Toàn quốc Nhật-bản), và tám nhóm sinh viên như vậy đã gia nhập tổ chức này. Chính vào dịp này mà báo chí và các đài truyền hình Nhật-bản đã đồng thời loan báo sự khai sinh «Tân Tả phái».

Tuy nhiên, người ta vẫn còn cái cảm tưởng là, mặc dầu danh từ nọ đã trở thành một khẩu hiệu rất kêu, nó vẫn thiếu cái thực chất. Nền tảng lý thuyết của nó vẫn chưa được tinh hóa, nhưng ấn tượng chung do từ «Tân Tả phái» tạo ra là ấn tượng của một phong trào Tả phái khởi sự trong những năm 60 đối nghịch với các lực lượng của Tả phái «cũ» mà những đại diện chính yếu là Đảng Xã hội Nhật - bản, đảng Cộng sản Nhật-bản và Sohyo (Đại Hội đồng các Nghiệp đoàn Nhật-bản). Tuy vậy, các nhóm sinh viên tham dự tổ

thề coi như đại diện toàn thể «Phái Tả mới», bởi lẽ có một vài nhóm sinh viên Tả phái (cổ nhiên là thành phần của Tân Tả phái) đã tẩy chay cuộc tập hợp ở Hibiya. Hơn nữa, lại còn có thêm những thành phần mới của Tân Tả phái liên tiếp nổi dậy trong các phong trào hòa bình của các công dân thường cũng như trong các nghiệp đoàn rộng lớn.

Có thể nói là Tân Tả phái Nhật-bản có ba dòng chính. Dòng thứ nhất gồm các tổ chức chính trị Tả phái chống đảng Cộng-sản Nhật. Tuyệt đa số của dòng này là các sinh viên Đại học trong tổ chức và hành động. Dòng thứ hai là phong trào các công dân chống chiến tranh quy tụ chung quanh tổ chức Beheiren (*Betonamu ni Heiwa wo — Shi min Rengo*), Liên đoàn Công dân cho Hòa bình tại VN. Dòng thứ ba là Ủy ban Thanh niên chống Chiến tranh (*Hansen Seinen linkai*) gồm có số các công nhân trẻ, tổ chức này đã nổi dậy từ những nghiệp đoàn lao động lớn đã có từ trước.

Ba nguồn ảnh hưởng này giằng nhau trong việc chống đối hiệp ước an ninh Nhật - Mỹ và chống đối chiến tranh tại VN, và họ thường phối hợp hành động để theo đuổi những mục đích chung. Tuy nhiên có nhiều tổ chức sinh viên trong đó này đã chia rẽ, và đôi khi họ xô sát với nhau dữ dội không kém gì với các sát. Những cuộc đụng độ này đã đưa tới kết quả là có những người chết và bị thương. Nhìn lại 2 năm

qua, người ta thấy rõ là những lực lượng chống lại chính quyền, những lực lượng đã bày tỏ sự chống đối dữ dội nhất đối với chiến tranh tại VN, đối với các căn cứ Mỹ tại Nhật, đối với cuộc cải cách Đại học và bất cứ sự tự động gia hạn hiệp ước an ninh nào, không phải là Đảng Xã hội Nhật-bản hoặc Đảng Cộng sản Nhật, mà chính là những người hoạt động tích cực của Tân Tả phái.

Tân Tả phái khác với Tả phái Cũ về nhiều phương diện quan trọng. Trước hết, về phương diện quốc nội, Tân Tả phái xung khắc với Đảng Cộng sản Nhật tức là đảng đã từng lãnh đạo các phong trào nhân dân triệt để cấp tiến của Nhật-bản hậu chiến. Về phương diện quốc tế, Tân Tả phái chống đối mạnh mẽ kiểu xã nghĩa thực hành ở Liên bang Xô-viết. Như vậy, Tân Tả phái có thể coi như là một phong trào chống - chính quyền với những nét tiêu biểu độc nhất trong lịch sử chính trị và xã hội Nhật-bản.

Phong trào Sinh viên chống đảng Cộng sản Nhật :

Trong những năm 60 phong trào sinh viên ở Nhật-bản gồm có những phe nhóm ly khai nhau rồi lại hòa hợp liên tiếp. Những thay đổi trong việc sắp hàng này thông thường đến nỗi những người giỏi thích phong trào sinh viên bắt buộc phải viết lại những ghi nhận của họ về phong trào sinh viên mỗi năm một. Lúc này, những người đó thường mô tả phong trào sinh viên hoặc có « Sáu Phái cộng Sáu Dòng » hoặc « Chín Phái cộng Tám Dòng. » Những nhân vật như Lenin, Trotsky, Rosa Luxemburg, Palmiro Togliatti và Mao Trạch Đông hiện diện

rất trội vượt trong những hệ thống tư tưởng cách mạng của các sinh viên đó, nhưng những hệ tư tưởng đó hiếm khi được suy tưởng đến nơi đến chốn và ngay cả một chuyên viên cũng khó mà phân loại và giải nghĩa được những lý thuyết của mỗi nhóm. Tuy nhiên, tất cả những nhóm đó đều có một điểm chung : họ đều không chấp nhận những chiến lược hàm ngụ trong lý thuyết cách mạng của Đảng Cộng sản Nhật. Họ đều nhắm vào việc lật đổ tổ chức sinh viên toàn quốc do Đảng CS Nhật kiểm soát (Zengakuren). H. t thấy họ đều thù nghịch với Đảng CS Nhật.

Phong trào Sinh viên chống Đảng CS Nhật có thể phân ra ba nhóm tùy theo lối suy tưởng của họ. Nhóm thứ nhất bao gồm những chi phái chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của lý thuyết Trotsky. Trường phái tư tưởng này cho rằng, vì là kết quả của « lý thuyết Xã hội chủ nghĩa trong một nước » của Stalin, nên đường lối xã nghĩa đang được thực hành tại Liên bang Xô-viết và Trung hoa hiện nay là một hình thức phản bội giai cấp Lao động và đã khiến cho các quốc gia này chỉ còn là những chế độ độc tài thối nát. Đảng CS Nhật cũng bị phê bình tương tự, mặc dầu Đảng này theo đuổi một đường lối tự lập và độc lập, tách biệt với đường lối của cả Liên-sô lẫn Trung quốc. Bởi đó, không có một nhà nước xã hội nào hiện hữu được sinh viên phái này nhìn nhận là thật sự xã hội cả; mặc dầu họ rất có thiện cảm với Bắc Việt và Cu ba.

Nhóm thứ hai gồm có những chi phái cho thấy rõ ảnh hưởng của hệ tư tưởng Mao Trạch Đông. Nhóm

này lý luận rằng những lời dạy của Lenin và Mao Trạch Đông chứa đựng những nguyên tắc dẫn đạo để sản sinh ra cuộc cách mạng thế giới và nên đọc tài vô sản tại Nhật-bản. Đầu trong năm 1964 đảng CS Nhật đã phái một nhóm dưới quyền lãnh đạo của Tổng bí thư Miyamoto Kenji qua Trung quốc, nhưng người ta thấy rõ là 2 đảng CS Nhật và Trung-hoa đã không thể đưa ra một tuyên ngôn chung và những cuộc thảo luận của họ đã đi tới chỗ thất bại. Kể từ đó, Akahata, cơ quan của đảng CS Nhật, đã phê bình đảng C.S. Trung quốc (dầu không bao giờ gọi rõ tên) là giáo điều và mắc phải bệnh « cường quốc chủ nghĩa ». Dường như những cuộc thảo luận năm 1964 đã thất bại là vì Tổng bí thư Miyamoto đã bác bỏ luận đề của Chủ tịch Mao Trạch Đông là đảng C.S. Nhật phải phát động một cuộc cách mạng vũ trang, và đồng thời đã duy trì lời kêu gọi trước kia của ông là hai đảng C.S. Trung quốc và Nga-sô cần phải thành lập một mặt trận tranh đấu chung chống lại Mỹ. Kể từ ngày đó, đảng C.S. Nhật đã thôi không ủng hộ đảng C.S. Trung quốc, và đã theo đuổi một chính sách tự quyết và độc lập. Kết quả là, những đảng viên còn ủng hộ Đảng CS Trung quốc hoặc rời bỏ đảng CS Nhật hoặc bị đảng này trục xuất. Liên hệ giữa phong trào sinh viên phái Mao Trạch Đông và các đảng viên đã rời bỏ đảng C.S. Nhật rất khăng khít. Thêm nữa, những thành phần phân tích cực hoạt động trong các tổ chức gọi là thân hữu, các sinh viên Trung-hoa theo học ở Nhật và con cái của các thương gia Trung-hoa hải ngoại tại Nhật đều

gia nhập nhóm này, tiếp tục một cuộc tranh đấu rất mãnh liệt trong các khu đại học và ở các đường phố.

Nhóm thứ ba là nhóm chịu ảnh hưởng nhiều nhất bởi những quan điểm của Palmiro Togliatti, Tổng bí thư đảng Cộng sản Ý. Nói một cách giản dị, nhóm này tin rằng chủ nghĩa đế quốc hiện đại của Nhật-bản đặc biệt có một và hiện đang bành trướng độc lập với các xứ khác, và bởi đó cần phải phát động ngay một cuộc cách mạng xã nghĩa tại Nhật-bản và cuộc cách mạng đó cần phải hoàn thành một lần cho xong. Nói cách khác, nhóm này chủ trương điều mà họ gọi là « Cách mạng một giai đoạn » Dĩ nhiên quan điểm này bị đảng C.S. Nhật bác bỏ. Đảng này lý luận rằng chính chủ nghĩa đế quốc của Mỹ hiện đang kiểm soát Nhật-bản ngày nay và tư bản độc quyền của Nhật-bản là nô lệ của chủ nghĩa đế quốc của Mỹ. Và bởi đó, đảng C.S. Nhật chủ trương giai đoạn đầu tiên phải là hoàn thành « cuộc cách mạng dân chủ nhân dân » ngã về « độc lập và dân chủ thực sự ». Trong giai đoạn thứ hai, cuộc « cách mạng dân chủ nhân dân » phải được phát triển để trở thành một cuộc cách mạng xã hội. Sự mâu thuẫn trong việc ước định của họ về tình trạng căn bản (vấn đề chủ nghĩa đế quốc của Nhật là bản xứ hay chỉ là một phụ thuộc của Mỹ) để ra một mâu thuẫn về những mục đích cách mạng: một nhóm tin ở một cuộc « cách mạng một giai đoạn » và nhóm kia thì tin ở một cuộc « cách mạng hai giai đoạn ».

Mỗi một nhóm trong ba dòng tả khuynh chống đảng CS Nhật này có một thượng tầng kiến trúc riêng về tổ chức cai trị. Như thế, phe ở trung tâm, thường gọi là Chukaku-ha của Liên đoàn Sinh viên Mác-xít

Nhật (Nippon Marukusushugi Seinen Domei) thuộc về đồng Trotsky, là tổ chức sinh viên nằm dưới tổ chức chính trị của Ủy ban toàn quốc của Liên đoàn những người Cộng sản Cách mạng của Nhật (Nippon Kaku-meiteki Kyosanshugi Domei Zenkoku linkai). Cứ g tương tự, Liên đoàn Mác-xít—Lê-nin-nít Nhật-bản (Nippon Masukusu-Rénin Shugisha Domei) được ủng hộ bởi Mặt trận Giải phóng Sinh viên (Gakusei Kai-ho Sensen), tức là tổ chức theo đường lối của Mao Trạch Đông. Khi các sinh viên thuộc các phe nhóm khác nhau này tham dự những cuộc biểu tình, họ thường đội kiểu nón sắt phân biệt phe nhóm của họ. Bài học đầu tiên mà các phóng viên sẵn tin về phong trào sinh viên đó phải học là làm sao có thể nhận ra 18 kiểu nón có màu sắc và dấu hiệu khác nhau. Hơn nữa lại có một số khá lớn các sinh viên cấp tiến, nhóm « những người Cấp tiến không phe nhóm », không thuộc về bất cứ nhóm nào trong ba nhóm lớn kể trên. Những người Cấp tiến không phe nhóm đó đa số thường là những người trẻ tuổi làm việc trong ngành nghiên cứu, các sinh viên đại học cao cấp và các giảng sư phụ tá trẻ tuổi trong các đại học. Trong các cuộc tranh chấp ở đại học họ thường là những người điều hợp các phe phái tranh chấp, với tư cách là những người tổ chức các Hội đồng tranh đấu Sinh viên (Zengaku Kyoto Kaigi) và như những thấu kính hội tụ lại những « năng lực » tranh đấu của các sinh viên trẻ. (...) Khi cảnh sát bắt đầu săn đuổi và bắt bớ các sinh viên cấp tiến, khi mọi phe phái bị những áp lực thật sự và nghiêm trọng, các nhóm sinh viên thấy cần phải tập hợp với nhau nếu muốn tiếp tục hiện hữu. Trong những trường hợp như vậy, những người Cấp tiến không phe phái một lần nữa lại đóng vai trò hàn gắn; và họ đã thật sự can thiệp hồi tháng Chín năm rồi khi 8 phe nhóm sinh viên thành lập tổ chức Zenkoku Rengo. Cảnh sát đô thị Tokyo ước lượng

là có khoảng 12.000 sinh viên tích cực hoạt động trong các tổ chức sinh viên chống đảng C.S. Nhật; nhưng các tổ chức này có thể triệu tập không dưới 40.000 người trong những cuộc biểu tình lớn.

« Beheiren » :

Thành phần cấu tạo chính thứ nhì của Tân Tả phái là tổ chức Beheiren. Phong trào này thật khó giải thích. Người sáng lập và cũng là lãnh tụ của phong trào là Oda Makoto có nói : « Đây là một phong trào rất phức tạp. Không thể định nghĩa nó một cách dễ dàng được. Chính tôi cũng không biết thật chính xác nó là cái gì nữa. Những người tham dự những cuộc biểu tình do Beheiren tổ chức gồm cả những trẻ em 3 tuổi và các công nhân trên 70 tuổi. Chúng tôi có những người Mác-xít tham dự và những người Mác-xít. Chúng tôi có những lãnh tụ tôn giáo và những người chủ trương tự do phóng khoáng. Chúng tôi cũng có cả những sinh viên thật cấp tiến ».

Chính Oda cũng không phải là một người thường. Trong lúc còn là sinh viên, anh đã đi chu du khắp thế giới không có lấy một xu nhỏ. Anh đã cho xuất bản một cuốn tường thuật về những cuộc du hành của anh, cuốn « Tôi đi coi hết mọi sự » (Nandemo Miteyaro). Cuốn sách này chỉ trong chiều hôm sớm mai đã trở thành một cuốn sách bán chạy nhất (best-seller). Sau này khi làm giáo sư Anh ngữ cho một trường luyện thi vào đại học, anh đã viết những cuốn tiểu thuyết mà các phê bình gia chê nhưng lại được rất nhiều người ủng hộ cuồng nhiệt. Ngay sau khi anh khởi sự phê bình nền văn minh hiện đại, anh đột nhiên nổi tiếng lẫy lừng và bước vào hàng những nhà phê bình xã hội cao nhất của Nhật-bản. Bốn năm trước, khi anh 32 tuổi, anh đã tổ chức phong trào Beheiren với sự hỗ trợ của một vài người bạn văn sĩ và giáo sư đại học ngay sau khi Hoa-kỳ khởi sự dội bom xuống Bắc Việt. Vào lúc đó 1500 công dân

Nhật đã tham dự cuộc biểu tình ở Tokyo do Beheiren bảo trợ. Tiếp theo đó, những hoạt động của Beheiren đã trở thành đầu đề câu chuyện của mọi người vì cái mới mẻ của những ý kiến ở đằng sau những hoạt động ấy. Ngày nay, Beheiren đã thu hút được sự chú ý của các tầng dân Nhật, những người đã chán chường và mệt mỏi vì những thứ kiểu cách lễ nghi của những phong trào hòa bình do Phái Tả cũ phát động. Chẳng hạn Beheiren đã quyền tiền đề đăng một quảng cáo chống chiến tranh trên tờ *New York Times*, đã bảo trợ những cuộc nói chuyện (teach-in) thâu đêm và đã gửi thuốc men tới Bắc-Việt. Beheiren cũng khiến cho quốc tế chú ý vì đã giúp đỡ cho những lính đào ngũ Mỹ trốn khỏi Nhật. Beheiren bành trướng tới mức độ vào ngày 15 tháng 6 năm 1969 đã có thể tổ chức một cuộc biểu tình (chống chiến tranh V.N. và chống hiệp ước an ninh chung Nhật-Mỹ) ngay giữa Tokyo với sự tham dự của mấy chục ngàn người. Các công dân thuộc đủ mọi tầng lớp giai cấp, gồm cả những đoàn viên của những nhóm cấp tiến lẫn nhóm bảo thủ, đã tham dự cuộc biểu tình này, chứng tỏ sự đồng ý của họ đối với những khẩu hiệu của Beheiren phản kháng chiến tranh V.N. và hiệp ước an ninh Nhật-Mỹ. Đoàn biểu tình đã cẩn thận tránh mọi sự bạo động và xô sát với cảnh sát và tuân hành rất trật tự qua các đường phố ở Tokyo. Gần như hết mọi nhật báo đều nói rằng cuộc biểu tình đã gợi ra một ấn tượng mạnh mẽ và ca ngợi sự hiểu biết của những người biểu tình. Cuộc biểu tình này đã gây một xúc động lớn đối với phe Tả cũ (đảng Xã hội Nhật, đảng Cộng sản Nhật và Tổ chức Lao động Sokyo), là vì những tổ chức này thấy rõ ở đó cái tươi trẻ và sự hăng hái hiện thiếu vắng một cách thật ý nghĩa ở chính các phong trào quần chúng của họ.

Nếu phải kể ra những tính chất tiêu biểu của Beheiren thì trước hết ta phải nhấn mạnh đó là « một phong trào chứ không phải là một tổ chức ». Bởi đó, mặc dầu ở khắp

nước Nhật có 240 nhóm Beheiren, nhưng vẫn không có một danh sách đoàn viên nào cũng như không có một tổ chức toàn quốc nào. Không có ai là chủ tịch cả. Bất cứ người nào đồng ý với ba khẩu hiệu « Hòa bình cho VN », « VN của người VN » và « Chặn đứng việc Chính phủ Nhật cộng tác vào chiến tranh VN » (một khẩu hiệu thứ tư, « Chống Hiệp ước An ninh » đã được thêm vào hồi tháng Hai) đều có thể thành lập ở bất cứ nơi nào và vào bất lúc nào một nhóm Beheiren của mình. Người đó được tự do rời bỏ bất cứ lúc nào. Tất cả mọi sự đều dành cho mỗi cá nhân tự do quyết định. Có những nhóm Beheiren ở các trường trung học cấp 2, ở các đại học và trong số những học sinh trung học cấp hai thì trượt vào đại học và đang sửa soạn đề thi lại. Có những nhóm Beheiren được tổ chức theo địa phương, có thể là tỉnh hay đô thị. Lại cũng có những Beheiren tổ chức cho từng xưởng may hay từng xí nghiệp nhỏ.

Tính chất tiêu biểu thứ hai của Beheiren là sự tin tưởng ở « Làm nhiều hơn nói » (...) Hễ ai có lập trường nào thì phải cụ thể hóa bằng hành động thay vì nói. Hơn nữa, người đó phải gánh lấy tất cả trách nhiệm về những kết quả do những hành động của mình gây ra. Đó là lẽ lối của Beheiren.

Tính chất tiêu biểu thứ ba của Beheiren là sự đặt nền tảng trên ý thức công dân. Cứ theo những sự giải thích của phong trào này thì người Nhật - bản ngày nay, là công nhân, sinh viên hay tu chức, đều có một ý thức công dân rất mạnh mẽ. Như vậy, mục đích của Beheiren là phát triển một phong trào khai thác cái ý thức công dân chung này và tạo ra một tình trạng triều dâng xã hội bằng cách sử dụng năng lực công dân. Tóm lại phong trào Beheiren tìm cách thực hiện chức năng kích thích sự thay đổi xã hội mà không mong muốn chút quyền hành chính trị gì cho mình.

**Ủy ban Thanh niên
chống Chiến tranh :**

Ủy ban Thanh niên chống Chiến tranh (Hansen Seinen Iinkai) được tổ chức vào tháng 8 năm 1965, sau khi Beheiren ra đời được 6 tháng. Vào lúc đó, cường độ chiến tranh V.N. gia tăng mạnh mẽ và hiệp ước Nhật — Đại hàn sắp sửa kết thúc. Đảng xã hội Nhật và tổ chức lao động Sohyo và Liên đoàn Thanh niên Xã hội (Shakaishugi Seinen Domei), ngành thanh niên của Đảng Xã hội, đã quyết định đề cao « sức mạnh tranh đấu » bằng cách kết hợp các công nhân trẻ và sinh viên với nhau trong Ủy ban Thanh niên chống Chiến tranh nơi năng lực trẻ trung của họ có thể được sử dụng một cách hữu ích. Phù hợp với mục đích này, các tổ chức sinh viên chống đảng C.S. Nhật được phép tham dự ủy ban như những quan sát viên. Kết quả là toàn thể các dòng tả khuynh (ngoại trừ đảng C.S. Nhật) đều chảy vào một Ủy ban Thanh niên chống Chiến tranh. Ủy ban Thanh niên chống Chiến tranh dần dần lớn mạnh cho tới ngày nay đã có 490 nhóm ở khắp nước Nhật và số đoàn viên đã tới khoảng 20.000 người. Ủy ban này đã trở thành một nguồn năng lực vô giá cho đảng Xã hội Nhật phải đương đầu với một tình trạng trong đó một mặt đảng này phải cạnh tranh với những phong trào và tổ chức quần chúng của đảng CS Nhật và đảng khác phải đối phó với sự chuyển biến từ từ qua tình trạng bảo thủ đã thấy rõ trong các nghiệp đoàn chịu ảnh hưởng của tổ chức Sohyo. Tuy nhiên, sự tập trung

những năng lực chống chính quyền của Ủy ban Thanh niên chống Chiến tranh càng mạnh mẽ bao nhiêu, các mâu thuẫn trong nội bộ Ủy ban càng hiện rõ bấy nhiêu. Việc này là do sự kiện các công nhân trẻ liên kết với các sinh viên triệt đề cấp tiến lao đầu vào những cuộc va chạm với cảnh sát và do đó nâng những hoạt động của họ lên những mức bạo động. Hơn nữa, các công nhân trẻ tuổi này giờ đã chỉ trích hết sức gay gắt chính các nhà lãnh đạo của các tổ chức nghiệp đoàn lao động đã khai sinh ra họ. Mỗi giấy kết hợp các công nhân trẻ và các sinh viên ngày càng khẳng khít mau chóng sau những cuộc biểu tình tung ra ở Haneda để chống lại cuộc viếng thăm (Nam) VN của Thủ tướng Sato hai năm trước. Bởi đó, Ủy ban Thanh niên chống chiến tranh đã bắt đầu kết hợp với những nhóm sinh viên chống đảng CS Nhật trong những cuộc giao tranh ngày càng dữ dội hơn liên hệ tới những vấn đề như tranh đấu để ngăn chặn không cho hàng không mẫu hạm chạy bằng nguyên tử lực (chiếc USS Enterprise) ghé các hải cảng Nhật, chống lại việc mở một bệnh viện của Quân đội Mỹ tại Tokyo và chống lại việc xây dựng một phi trường quốc tế mới ở Narita. Kể từ đầu năm ngoái, con số các công nhân trẻ tuổi thuộc Ủy ban Thanh niên chống Chiến tranh bị cảnh sát bắt giữ đã gia tăng rõ rệt.

Như vậy Ủy ban Thanh niên chống Chiến tranh đã trở thành một đứm con không mong muốn. Những người sinh ra nó, đảng Xã hội

Nhật và tổ chức Sohyo, chỉ còn có hai lối thoát. Họ có thể tổng khứ đứa con này ra khỏi gia đình; hoặc có thể giữ đứa con đó trong gia đình và ra sức rèn nắn lại đứa con khủng khiếp đó. Có những người trong đảng Xã hội Nhật đã lý luận một cách hoàn toàn phù hợp với luận lý rằng cần phải trục xuất Ủy ban Thanh niên ra khỏi một chính đảng đã cam kết bảo vệ một nền dân chủ theo thể thức nghị viện. Lý luận đối đáp lại thông thường nhấn mạnh rằng không thể nào sửa đổi được bộ mặt của Phái Tả cũ nếu không có sự tiếp sức của Tân Tả phái: Dĩ nhiên điều đó chỉ có nghĩa là đảng Xã hội Nhật không đủ sức để tiến hành cuộc tranh đấu của mình chống lại hiệp ước An ninh nếu không có sức mạnh của Tả phái mới. Hơn nữa, nếu đảng Xã hội Nhật quyết định tạo lập một mặt trận tranh đấu chung với đảng Cộng sản Nhật (vấn cương quyết khước từ Tân Tả phái như một nhóm «Trốt-kít và phiêu lưu cực tả»), đảng Xã hội Nhật rất có thể sẽ mất hết thể chủ động trong những phong trào quần chúng đối với đảng C.S. Nhật. Bởi đó không có gì đáng ngạc nhiên khi đảng Xã hội Nhật, đứng trước một lựa chọn khó khăn, đã không

thể định được một đường lối vững chắc đối với Ủy ban Thanh niên chống chiến tranh.

Ủy ban Thanh niên chống chiến tranh cũng không có một hiến chương hoặc một chương trình hàng động chỉ có một số những nguyên tắc hàng động mà thôi: đó là «độc lập», «độc sáng» và «nhất trí». Mỗi khi phát động một cuộc biểu tình, Phái Tả cũ thường phải huy động đoàn viên các nghiệp đoàn lao động bằng cách trả cho họ một món tiền hàng ngày; nhưng các công nhân thuộc Ủy ban Thanh niên chống Chiến tranh thì không chịu nhận những món tiền thuê mướn như vậy. Tổ chức được mở rộng cho hết mọi thanh niên tham gia. Không ai hỏi nhau vì ý thức hệ của mỗi người. Và bởi lý Ủy ban Thanh niên chống Chiến tranh dành hết mọi sự cho sáng kiến của từng cá nhân, tổ chức này cũng gần giống như phong trào Beheiren vậy. Tóm lại, có thể nói là hướng đi mà các lực lượng chống lại quyền bính cố hữu trong những năm 70 vạch ra sẽ chịu ảnh hưởng nghiêm trọng bởi sự việc Phái Tả cũ có thể hấp thụ được hay không cái năng lực trẻ trung này.

FUKASHIRO JUNRO



Việt-nam, các nước nhược tiểu và cuộc cách mạng có thực của thanh niên

THUẬN GIAO

Tạp chí *Newsweek*, trong một số gần đây đã « khám phá » một thuyền hương bài Mỹ đang lan tràn trong dân chúng Việt-nam. « Những cuộc biểu tình gần đây của sinh viên học sinh có những dấu hiệu chống sự hiện diện của người Mỹ tại Việt-nam và có sự xáo trộn giữa những người xuống lương và các quân cảnh Mỹ, đã lược *Newsweek* viện dẫn làm bằng chứng hùng hồn nhất.

Tuy nhiên, có hai điều thiếu sót mà tạp chí Mỹ này phạm phải :

— Trước hết, họ đã quên khuynh hướng bài Mỹ đã mạnh mẽ ở những biểu tình trong những năm 1966, 1968, tại những đô thị lớn của Việt-nam như Saigon, Huế, Đà-nẵng.

Tại Huế, Phòng đọc sách Hoạ-y đã là mục tiêu của một cuộc tấn công cần quét tất cả những dư孽 của một nền « văn hóa gọi lại ».

— Thứ hai, những cuộc biểu tình chống Mỹ của thanh niên cần phải được nhìn, và được đặt, trong bối cảnh rộng lớn của một phong trào phản kháng của Thế giới Đệ Tam trước sự thành hình của những chủ nghĩa tân đế quốc

đang vây hãm những triển vọng phá vỡ vòng nghèo đói của những nước chậm tiến tại Á, Phi và châu Mỹ La-tinh.

Tuy ít có ai lại không ghi nhận sự lan rộng của phong trào sinh viên trên khắp thế giới, nhưng những cuộc biểu tình qui mô, tương đối đều đặn, lại khéo được các phương tiện truyền thông đại chúng quảng bá tại các nước « tiến tiến » đã làm cho nhiều người quên đi những cuộc xuống đường, tuy rải rác ở những quê hương nghèo nàn, cần cỗi và cô thế như thân phận nhược tiểu, nhưng ngày càng làm rõ rệt sứ điệp của những người trẻ tuổi thuộc phần đất được gọi là « Thế giới Đệ Tam » : sự tuyệt vọng trước những trật tự hiện tại và những phản kháng đòi hỏi sự tiêu diệt những thế lực phản động trong và ngoài nước đang giam hãm những nước tân độc lập mãi mãi trong vòng chậm tiến.

Một lần nữa, ưu thế của những người nước giàu mạnh trên thế giới lại được minh chứng : nhiều tác giả biên khảo, bình luận, phân tích những động lực và mục tiêu tranh đấu của sinh viên Âu Mỹ, và để làm cho tròn

công việc, người ta đã quảng diễn cái « lý thuyết nổi loạn » này với cả những trường hợp của những nước Á Phi chậm tiến. Một kinh nghiệm chua cay về khuynh hướng mở rộng dễ dãi này là vấn đề phát triển kinh tế tại những nước mới giành độc lập và đang ở trong vòng nghèo đói. Những người bạn cố vấn từ các cường quốc đến tưởng rằng có thể đem cái kinh nghiệm phát triển của nước mình mà ứng dụng cho những nước kém mở mang kinh tế. Về phần những người lãnh đạo các xứ này, thiếu phương tiện nghiên cứu và kinh nghiệm để rút tỉa, cùng thiếu luôn cả khả năng tự quyết định với những người cố vấn khổng lồ bên cạnh, họ đành phải thiết lập thêm một Bộ Kinh tế do nước cường quốc bảo hộ điều khiển — ngoài Bộ Kinh tế mà « chủ quyền quốc gia » đòi hỏi. Kết cuộc là sau gần ba mươi năm thử thách, chỉ có một số rất ít quốc gia đạt được con đường « xuất tiến » của Walt Rostow.

Bởi thế, nghĩ rằng sinh viên các nước chậm tiến xuống đường bởi vì « khoảng cách thể hệ », vì bản năng hiếu động nổi loạn vô cơ, vì lạc loài trước một xã hội kỹ thuật hóa cao độ... là những cái tin nguy hiểm, nhất là với những người tại những xứ chậm tiến mong muốn giải quyết nỗi bất mãn của những người trẻ tuổi của mình.

Trong hoàn cảnh chật vật của

những nước chậm tiến, một chỗ ngồi tại Đại học đối với người thanh niên là một hứa hẹn — tuy không hoàn toàn chắc chắn — một tương lai bảo đảm: một địa vị chỉ huy bậc trung nếu làm việc với Nhà Nước hoặc một công việc kiếm được một đồng lương tương đối dư dả tại các xí nghiệp tư. Đã lọt được vào Đại học, mối quan tâm lớn nhất của người sinh viên là làm sao cho có tiền để theo đuổi mấy năm Đại học và làm sao cho không phải lao đao quá trước một Đại học đầy ganh đua. Đó là một phần lý do tại sao tại những nước chậm tiến, hầu như phong trào sinh viên bộc phát rất chậm và cho đến nay vẫn không đủ sức mạnh để phải mang tiếng là « khởi thiêu số ».

Ta khó mà nghĩ rằng sinh viên tại các nước nghèo đói lại phân vân, thắc mắc về sự thiếu cảm thông giữa hai thế hệ già trẻ, ta cũng không thể nghĩ, rằng họ còn có thì giờ để bận tâm đến những vấn đề có tính cách triết lý như tương quan giữa cá nhân trước một xã hội ngày càng đông đảo, vô tình, tàn nhẫn, máy móc.

Đi tìm động lực tranh đấu của những người trẻ tuổi tại những nước kém mở mang của khu vực Thế giới Đệ Tam, do đó, ta phải khởi đầu bằng cách xét đến những khía cạnh vật chất nhiều hơn.

Cho đến nay, nỗi hy vọng bùng bùng của những ngày mới giành được độc lập đã tàn lụi như mây khói.

Chủ quyền quốc gia và nền độc lập như phẩm giá bản thân, phát triển kinh tế để thoát ly kiếp sống dơ dáy là những bảo đảm sinh tồn tương xứng với cái phẩm giá đó. Những đế quốc Âu Mỹ đã chịu trả cho những người da đen, da vàng «phẩm giá», và những người dân nhược tiểu, nhận chân được sự bế tắc của một nền kinh tế chậm tiến, đã trông mong nhiều vào những lời hứa giúp đỡ, viện trợ của các nước vốn đã giàu mạnh nhờ một thời bóc lột mình.

Cái hy vọng sau ngày độc lập đó đã vẽ ra một tương lai huy hoàng cho các nước chậm tiến: một đảng dân chủ được thiết lập, phát triển, một đảng kinh tế, nhờ viện trợ và sự gia tăng khai thác tài nguyên quốc gia, sẽ bộc phát mạnh. Dân chúng các nước chậm tiến, do đó, sẽ được đổi là đang phát triển, và ắt hẳn họ sẽ được chia sẻ những cơ hội phát triển mà quốc gia đang hưởng thụ, và đang cho dân chúng hưởng thụ.

Cho đến nay, đã có nhiều người lừng lững tỉnh khỏi giấc mơ đẹp dễ đó để nhận chân thực tại của những quốc gia tuy độc lập nhưng dân chủ vẫn xa vời và họa nội loạn vẫn còn đe dọa, những xã hội đã tiêu diệt chế độ phong kiến nhưng những bất bình đẳng còn chưa chát hơn bởi một nền hành chánh tham nhũng dung dưỡng sự hình thành và phát triển của chế độ tư bản, một nền văn hóa đã hết lệ thuộc nhưng vẫn chưa có cơ hội «tìm về dân tộc» bởi

sự tấn công của những nền văn hóa — những nền văn hóa đang thời khủng hoảng — của các nước đồng minh bảo hộ.

Sự tan rã của giấc mơ này, nhiều tác giả đã đồng ý, nguyên do là sự can thiệp của các cường quốc lãnh đạo cả hai khối Cộng sản — Tự do, một sự can thiệp được mong đợi và tiếp đón ngày đầu và càng mất kiểm soát những ngày sau. Các cường quốc, với sự phân chia thế giới ra làm hai khối và khởi đầu cuộc chơi «chiến tranh lạnh», đã vội vàng đổ «viện trợ» vào những nước nghèo đói mà không kịp chờ họ mở cửa đón tiếp. Sự can thiệp của những nước này dần dần đã phát hiện trên đủ mặt: quân sự, chính trị, kinh tế, kinh doanh, văn hóa,... với tin tưởng có thể lập những «đô-mi-nô» ngăn chặn được nhau. Cổ tình hay vô ý, các nước này đã biến thành những loại «tân đế quốc» mà theo tác giả Conor Cruise O'Brien, đã đội lốt dưới những mỹ ngữ «cộng đồng thịnh vượng liên bang, liên minh phòng thủ...»

Không nhận viện trợ, người ta bị quan về khả năng bảo toàn an ninh, phát huy dân chủ và phát triển kinh tế của những nước tân độc lập. Nhận viện trợ và mở cửa cho sự xâm nhập của những thế lực phi chính thức của ngoại quốc, người ta bỗng thấy mình tuyệt vọng hơn bao giờ hết.

Sự thiết tha duy trì ổn cố tại những nước «đô-mi-nô» hay những nước vệ tinh đã khiến các cường



*Cuộc biểu dương Hòa bình nhân kỷ Đại hội SVHS Thế giới kỳ I
tại Saigon (11-7-1970)*

quốc có thái độ tích cực khi ủng hộ và duy trì những chính phủ « mạnh ». Theo Thượng Nghị sĩ Frank Church, 60 phần trăm của viện trợ Hoa-kỳ là quân nhu, khí giới, đạn dược... giúp cho các chính phủ tại những nước kém mở mang « duy trì chế độ ». Những ủng hộ hầu như không điều kiện, khó tránh được và đã không tránh được hai hậu quả tất nhiên: những người cầm quyền yên trí ở địa vị của mình bắt đầu xem thường nguyện vọng của dân chúng — các phe phái đối lập đã không thể chọn được con đường tranh đấu chính trị ôn hòa và phải tìm đến những sách lược của Mao.

Trước sự nổi dậy có vũ trang đó, nhà cầm quyền càng lúc càng phải phát triển quân đội và oai các tướng lãnh — Đó là mệnh lệnh của chế độ quân phiệt. Đồng thời, tình trạng bất ổn đã làm cho cường quốc bảo hộ « xích lại gần hơn » với những người cai trị, và sự thiết lập một chế độ cố vấn ở mọi ngành, mọi cấp có ý nghĩa vừa tạo chính sách vừa kiểm soát của các nước « trung tâm » với nước « vệ tinh » của mình. Đó là những dấu hiệu của sự mất chủ quyền và mất dân chủ của những nước chậm tiến.

Ta còn phải kể đến cuộc xâm lăng của tư bản ngoại quốc. Từ chế độ thực dân cũ đã suy tàn

nhưng những chính quyền tại các nước chậm tiến, hoặc vì quá tin ở những lý thuyết phát triển kinh tế đặt nặng vai trò của đầu tư ngoại quốc, hoặc vì chịu áp lực của những giới tư bản, tài phiệt quốc tế liên kết với tư bản quốc nội, đã phải chấp nhận một sự du nhập bừa bãi của hàng hóa và kỹ nghệ ngoại quốc. Những nước kém mở mang chẳng những phải duy trì cái chế độ kinh tế tư bản mà thực dân để lại mà còn phải lãnh lấy cái tương quan cách biệt ngày càng khời rộng giữa nước giàu và nước nghèo, người có tiền của và kẻ vô sản.

Bởi sự « phát triển » kinh tế với sự du nhập của tư bản ngoại quốc không đặt trên ưu tiên quyền lợi quốc gia, sự « phát triển » này chỉ phục vụ quyền lợi của những công ty ngoại quốc và các tay sai bản xứ của chúng.

Tóm lại thì các nước vùng Trung Đông, tuy mang tiếng giàu có về dầu lửa, vẫn bị xếp ở những hàng đầu trong khu vực chậm tiến. Ấn-độ nhận viện trợ đủ phía vẫn loay hoay không kềm chế được sự gia tăng của dân số cho phù hợp với « suất số phát triển ». Châu Mỹ La-tinh trong vòng đai của Hợp chúng quốc Hoa-kỳ vẫn chưa mở mang được nền nông nghiệp, còn khoan xây dựng kỹ nghệ.

Cuộc tấn công văn hóa, xét về phương diện công phá nền tảng dân tộc của những nước chậm tiến, cũng tàn nhẫn không kém.

Các nước này khó mà bồi đắp nền văn hóa của mình khi các cường quốc « văn minh », với đủ phương tiện truyền thông đại chúng, sẵn sàng phổ biến tận tay tận mắt những phim ảnh, sách báo của mình. Kết cuộc là quốc gia lại phải tiếp nhận một số trí thức vọng bản và những kẻ học đòi vong thân.

Nếu dân chúng của những xứ thuộc Thế giới Đệ Tam đang dần dần nhận thức sự « bất ổn » trong tương quan giữa nước viện trợ và nước nhận viện trợ, phản ứng của họ lại rất yếu ớt, thụ động trước hình thức lệ thuộc mới này.

Có người tin rằng các cường quốc Âu Mỹ, vì những nhu cầu phát triển của cả khu vực tiền tiến lẫn chậm tiến, đã phải chấp nhận một chính sách can thiệp mạnh mẽ.

Có người, đắn đo giữa cái lợi của viện trợ kinh tế cùng hỗ trợ quân đội tiêu diệt « phiến loạn », đã chép miệng chấp nhận những cái tệ hại khác cũng phát xuất từ những cái lợi đó.

Có người lý luận rằng chủ quyền quốc gia không hề bị xâm phạm « thật sự » bởi còn có một chính phủ « dân cử » và một lãnh thổ « rõ rệt ». Những người này còn có thể ca tụng những tiến bộ kỹ thuật xứ người và sự phát triển đô thị mà các nước đại tư bản đem lại.

Vấn đề giản dị là chủ nghĩa đế quốc mới đã rất tinh vi, khéo

che đậy những lỗ hổng để có thể bị kết án. Phần khác, đa số dân chúng quá mệt mỏi với cuộc đấu tranh giải phóng giành độc lập một vài thập niên trước đây, thất vọng vì những liều thuốc cho vấn đề chậm tiến không hiệu quả, hoặc quá mệt mỏi với công cuộc mưu sinh vật chất và chưa thấy tận thực dân là một hiểm họa trước mắt, nên đã không còn hào khí của những ngày mà phong trào giải thực bưng bưng trên khắp các đại lục da vàng, da đen.

Có lẽ chỉ có thành phần nông dân là chống đối, bởi những áp bức trực tiếp. Tuy nhiên, những người này lại dễ bị xâm nhập bởi những siêu cường đối lập.

Trong khung cảnh ngao ngán đó của những nước chậm tiến, thành phần thanh niên, sinh viên đã xuất hiện như một thế lực chính trị, tuy không chặt chẽ, tuy không đông đảo, nhưng đủ khả năng đóng vai trò báo động những người dân nhược tiểu trước tình thế mới.

Trong những tháng vừa qua, các sinh viên Phi-luật-tân, trước đây có tiếng là thụ động, đã đặt Tổng thống Ferdinand Marcos và chế độ của ông ở trong một tình trạng rối ren chưa có một vị Tổng thống tiền nhiệm nào gặp phải. Sau những vụ biểu tình đẫm máu trên các đường phố Manila và Quezon City, các sinh viên trong tháng Ba đã đột kích dinh Malacanang của Marcos giữa lúc ông này đang triệu tập một phiên

họp khẩn cấp. Tại đây, sinh viên đã bắt buộc Tổng thống nhận những lỗi lầm của cảnh sát trong việc đàn áp biểu tình, ép ông phải từ bỏ tham vọng làm Tổng thống thêm một nhiệm kỳ thứ ba. Những gì có ý nghĩa trong phong trào sinh viên Phi-luật-tân là sự ủng hộ và phối hợp tốt đẹp với những tổ chức nghiệp đoàn lớn; chính sự phối hợp này khiến cho sinh viên Phi có một hậu thuẫn rất chính danh khi thuyết phục được Marcos chấp nhận từ cải tổ này đến cải tổ khác, cụ thể nhất là sự tái duyệt tương quan đối ngoại đối với Hoa-kỳ, mở rộng sự giao thiệp với những nước Cộng sản, ban hành một chính sách kinh tế mới có tính cách hạn chế sự thao túng của tư bản ngoại quốc và gia tăng ảnh hưởng của nền sản xuất trong nước.

Tại Indonesia, sinh viên đang tuyên chiến một mất một còn với tệ trạng tham nhũng, nền tảng lớn của tình trạng chậm tiến. Nhiều cuộc biểu tình liên tiếp nhằm vào những nhân vật lớn trong chính phủ có nhiều thành tích bần thủ, những công ty quốc doanh bẽ bối, bất lực, những công ty ngoại quốc làm giàu quá đáng mà không chia xẻ với bản xứ sự phát triển của mình. Điều cần ghi nhận thêm, chính sinh viên Indonesia là những người góp công trong việc bảo vệ chế độ Suharto trong những ngày đầu xứ này từ giã con đường thân Cộng. Và đối với sinh viên, vị Tổng thống tuy

vô biên này đã có một thái độ rõ rệt: Suharto đã lập những ủy ban đặc biệt điều tra tham nhũng và tường trình thường xuyên trước Quốc hội công việc làm của ủy ban đó.

Sinh viên Đại-hán, một thời đã nổi tiếng với vụ lật đổ nhà độc tài Lý thừa Văn, đã luôn luôn nêu cao sự oán ghét các chế độ chuyên chế. Họ đã liên miên biểu tình bạo động cuối năm ngoái để chống lại mưu định sửa đổi Hiến pháp của Phác chính Hy, nhằm mục đích cho phép ông ứng cử Tổng thống thêm một nhiệm kỳ nữa. Tuy Quốc hội cuối cùng đã chấp thuận cho Phác thỏa mãn mưu định đó, những vụ biểu tình đẫm máu của sinh viên đã tố cáo thêm một lần nữa bằng cách náo nhúng những người cầm quyền tại những nước « độc lập » được cường quốc bảo hộ duy trì địa vị của mình.

Sự trở lại lãnh đạo chính trường của bà Bardjanaike cùng với chính sách mới của Tích-lan, cứng rắn với phe hữu, trên thế giới cũng như trong nước, và thân cận với những nước không liên kết và Cộng sản, đã nói lên sự thất vọng mệnh mông của khu vực nghèo đói Trung Á trước những Phòng Văn hóa Hoa-kỳ, cùng những biểu tượng dân chủ khác mà Hoa-kỳ đang muốn truyền bá vì « công ích » : bánh mì, pho-mát, gạo Mỹ... Giọng lên tiếng nói đó cho cả những nước Ấn-độ, Hồi-quốc, Tích-lan... là

những sinh viên đã tiếp đón Phó Tổng thống Mỹ Spiro Agnew bằng cà chua, trứng thối khi ông này làm một vòng viển du thiện chí.

Sinh viên tại Trung Đông không thiện cảm gì hơn với các cường quốc, nói rõ ra, Hoa-kỳ và Nga-sô. Trong thâm tâm của họ, chính Hoa-kỳ và Nga - xô đã gây ra và duy trì cuộc xung đột tử nhục giữa những quốc gia Ả-rập và Do-thái. Một trong những biến cố gần đây nhất là thỏa thuận ngưng bắn ở mặt trận kênh Suez và Jordan. Sự vui mừng của những người trẻ tuổi trên đường phố Le Caire cũng như Tel Aviv đã xác nhận nỗi mong ước hòa bình của họ, hơn là quyết tâm dùng võ lực (của các cường quốc) để lao vào một cuộc chiến mà người ta cố tạo cho có vẻ thần thánh. Cũng cách đây không đến một năm, các sinh viên Lybia đã ủng hộ một cuộc cách mạng quan trọng của giới quân nhân trẻ, lật đổ chế độ quân chủ phong kiến và áp dụng một chính sách kinh tế mới, có mục đích kiểm chế sự doanh thương trục lợi của ngoại quốc (khai thác các mỏ dầu) và tẩy chay hàng hóa ngoại quốc. Chính cuộc cách mạng này đã làm cho các vương quốc lân bang như Saudi Arabia, Yemen phải chấn động và lưu ý đến bản thân.

Tại Phi châu, được cảm hứng nhiều bởi cuộc « cách mạng tháng Năm » của sinh viên Pháp, các sinh viên của đại lục da đen này

đó, các quốc gia chậm tiến khó có triển vọng tồn tại với một cuộc xâm lăng của một đế quốc khác.

Nhận thức được hiểm họa — dù một nhận thức chưa được cục bộ — và lên tiếng báo động và chống đối, đó là vai trò đúng đắn nhất của sinh viên. Hãy cho họ quyền được chống lại sự tham nhũng, chính sách kinh tế của Nhà Nước và sưu cao thuế nặng, nhưng đừng bắt họ, hay thách thức họ hãy kể tên những người tham nhũng, đưa ra một chính sách kinh tế hay hơn và hãy làm sao cho giảm giá sinh hoạt. Họ có quyền chống đối mọi chế độ quân phiệt, cảnh sát, bởi vì tinh thần yêu chuộng tự do, dân chủ, kính trọng nhân phẩm con người, đừng thách thức họ hành động sao cho lay chuyển những chế độ phản động đó, bởi thách thức như thế cũng như khuyến khích họ tìm vào hàng ngũ « phiến loạn ».

Tại Việt-nam, sau cuộc đảo chánh 1-11-63, người ta nói nhiều đến hai chữ « cách mạng » và Hoa-kỳ, bắt mạch được nguyện vọng « cách mạng » của dân chúng, đã bắt đầu tính chuyện thực hiện và viện trợ cho một cuộc cách mạng « không Cộng sản ».

Cuộc cách mạng do Hoa-kỳ nhập cảng, cũng như chính sách viện trợ của họ, được khoản trắng cho một số người được gọi là « lãnh tụ thanh niên ». Hoa-kỳ tin rằng với phương tiện vật chất

hàng hậu của họ và sự tham gia của giới thanh niên sinh viên Việt-nam, một công cuộc cải tạo xã hội sẽ được thực hiện, vừa làm sáng sủa khuôn mặt thành thị thôn quê Việt-nam, vừa thu hút được sinh viên vào một cuộc « cách mạng » ôn hòa, không cho họ có dịp bất mãn để có những phản ứng hoặc tiêu cực hoặc tích cực chống đối.

Vào những năm 1965, 1966, sau những thất vọng liên tiếp với cuộc đảo chánh 1-11, các sinh viên đã bắt đầu xét lại về thân phận quê hương và thân phận của mình. Chiến tranh cao độ làm người ta lo sợ, nhưng vẫn không tránh được, phải tham gia, phải nhìn thấy và phải trốn tránh. Cuộc cách mạng do Hoa-kỳ đưa đến là liều thuốc ru ngủ lớn nhất.

Các đoàn thể thanh niên thi đua thành lập, không khác gì sự ra đời của đảng phái mỗi khi nhu cầu dân chủ được Hoa-kỳ khuyến khích. Những cuộc hội thảo và trại công tác được tổ chức cuối tuần lôi cuốn được một số thanh niên, trên những xe GMC của chính phủ, cùng ca hát những bài đoàn ca « vui tươi » Việt-nam và ngoại quốc trên con đường ra « công trường », mà một người đã thần thánh hóa « đường về quê hương ». Lúc nào cũng có USAID sẵn sàng ủng hộ gạch cát xi-măng đầu nấu ăn gạo bánh mì, lúc nào Asia Foundation cũng sẵn sàng tài trợ cho tổ chức, miễn sao phải lập một ngân sách

rõ rệt, để trình đúng kỳ hạn và tường trình công tác của mình, lúc nào những tổ chức thanh niên của Mỹ cũng sẵn sàng góp cổ vắn cho những người thanh niên Việt-nam thi hành cuộc cách mạng đó.

Mãi cho đến cuộc tổng công kích Mậu Thân, ảo tưởng hay nguy tín cách mạng mới tan vỡ, và một phần đông các thanh niên vẫn nhìn phong trào công tác xã hội với vẻ dửng dưng, nghi ngờ, mới thấy chỗ đứng của mình có thể hiện mình được.

Bởi vì người ta không thể thực hiện một cuộc cách mạng, dù cách mạng không Cộng-sản, mà lại chấp nhận tình trạng chính trị, xã hội hiện tại. Cách mạng là thay đổi toàn diện, không phải là tô điểm, sơn phết lên cái cũ. Xét trên một bình diện khác, nếu ta cần một cuộc cách mạng không Cộng-sản, ta cũng cần một cuộc cách mạng không Hoa-kỳ. Cách mạng thể hiện cho một nguyện vọng thay đổi của nhân dân, và chính nhân dân sẽ quyết định thời điểm và phát động cuộc cách mạng đó.

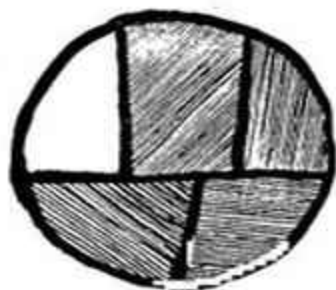
Một cuộc cách mạng nhân dân sẽ đến sớm hay chậm tùy sự chín mùi của ý thức dân chúng. Qua phong trào sinh viên hiện tại, chúng ta đã thấy những người trẻ tuổi Việt-nam không chấp nhận vai trò là một công cụ của Nhà Nước để đi lính thay vì công cụ của nhân dân để làm sáng tỏ nhu cầu cách mạng.

Điểm khởi hải trong chính sách Nhà Nước là chấp nhận sự trưởng thành của người thanh niên về thể chất để bắt họ đi lính, nhưng lại không chấp nhận sự lớn dậy của họ trong ý thức chính trị.

Cơn gió sinh viên đã thổi trở lại trên Việt-nam, một cơn gió không có nhãn hiệu của một đế quốc nào, một cơn gió dướm cả một ước vọng khát khao của một dân tộc nhược tiểu muốn phá vỡ những thế lực phản động, phi tự do, phi dân chủ. Góp tiếng nói của đại lục da vàng da đen, họ sẽ khởi đầu một tiếp nối cho cuộc cách mạng chưa thành, giấc mơ của những người châu Á châu Phi.

THUẬN GIAO





ghi nhận:

Thực chất sinh hoạt chính trị tại miền Nam qua cuộc bầu cử bán phần Thượng Viện

TRẦN TUẦN NHẬT

Quan sát cuộc bầu cử bán phần Thượng Viện tại miền Nam V.N hiện nay, người ta nhận rõ sự tẻ nhạt, thiếu hào hứng ở cả hai phía, cử tri cũng như các ứng cử viên. Sự tẻ nhạt, thiếu hào hứng này không chỉ có ý nghĩa như là một so sánh với bầu không khí 3 năm trước đây trong một cuộc bầu cử tương tự, mà còn là nhận thức về một yêu cầu tối thiểu trong một cuộc bầu cử bình thường ở một xã hội bình thường. Nhận định như vậy đã rõ rệt là hiện chúng ta đang sống trong một tình trạng xã hội bất bình thường với một sinh hoạt chính trị cũng bất bình thường. Nhận ra sự bất bình thường ấy hẳn nhiên là điều quan trọng, nhưng thiết yếu vẫn là phân tích rõ rệt tính chất của sự bất bình thường để nếu không dự liệu được số phận mình sẽ bị đưa đẩy tới đâu thì ít ra cũng sẽ không ngỡ ngàng trước những kết quả tất nhiên của nó.

Về phía cử tri, tức là cái khối dân tại miền Nam V.N sẽ được lôi vào tham dự trò chơi dân chủ

kỳ này, người ta đã « đứng xem » cuộc tranh cử một cách thờ ơ, không thích thú. Hiện tượng đó đã thường được giải thích như là sự mất tin tưởng vào hiệu năng của các cuộc bầu bán. Và sự mất tin tưởng ấy lại cũng thường được giải thích rằng trong những năm gần đây, cái trò chơi này đã được diễn đi diễn lại quá nhiều đến nhàm chán rồi; rằng những bộ mặt dân cử đã khiến người dân tởm quá rồi sau khi đắc cử, nghĩa là sau khi lớp sơn phấn bôi phết trong cuộc tranh cử đã rửa nát; rằng sau mỗi lần bầu bán như vậy đời sống người dân vẫn chẳng thay đổi được gì trong cái chiều đi xuống gần với đời rách, cực khổ, chết chóc; và rằng đến nay thì cái lòng tin cuối cùng của người dân đã vung phí hết và chỉ còn trước mắt những thực tế phũ phàng của việc lo kiếm sống, lo chết chóc, lo « kiếm ước », lo quân dịch, không còn hơi dẫu mà nghĩ tới bầu với bán nữa. Nếu không còn vì những cái tự ái vụn vặt như tự ái tôn giáo, tự

ai địa-phương, hoặc vì một vài cảm tình cá nhân nào đó, hay mối bận tâm của những đồng bào bình dân về cái thể cử trị chưa được cắt góc có thể gây khó dễ cho việc đi lại của mình, thì không hiểu còn được mấy người sẽ làm cái việc gọi là hành sử quyền công dân. Và đối với những người hành sử quyền công dân trong những tình thần ấy, thì việc theo dõi vận động tranh cử, tìm hiểu bộ mặt ứng cử viên thật là thừa, là quá vô ích.

Nếu quả thật đó là tâm trạng chung của người dân ở đây thì cũng không có gì khó hiểu. Nếu có điều gì khó hiểu, chính là cái hiện tượng tẻ nhạt, thiếu hào hứng ở phía các ứng cử viên. Phân tích hiện tượng này, có lẽ sẽ cho chúng ta hiểu rõ hơn bộ mặt chính trị, xã hội ở đây để từ đó hiểu rõ hơn thân phận và số phận mình.

Bộ mặt chính đảng :

Điều đáng chú ý đầu tiên là, nếu năm 1907, có rất nhiều chính đảng thành lập liên danh ra tranh cử và không phải một mà là hai ba liên danh, với những lãnh tụ trụ cột của đảng, thì năm nay chỉ có 6 trong số 16 liên danh ứng cử với danh nghĩa chính đảng. Trong số 5 liên danh tranh cử với băng hiệu đảng phái thì hầu hết lại có tính cách chấp vá từ 1/3 đến 2/3 người ngoài đảng, trừ hai liên danh tạm coi được là thuần

thành cán bộ của đảng tranh cử. Nhưng, trong hai liên danh này, thì một chỉ gồm những cán bộ hạng xoàng, chưa có tên tuổi, hầu như khi đưa người ra tranh cử, người ta đã biết rõ không thể đắc cử, do đó sợ đưa cán bộ lãnh đạo cao cấp thì sẽ mất mặt khi thất cử, mà không tranh cử thì lại sợ mất uy tín đảng. Liên danh thứ hai trong số này, lại đã từng được mệnh danh là «đội lập tiền chế», đội lập của Nhà Nước, mà ai cũng cho rằng nếu có được một số phiếu nào thì hoàn toàn chỉ là trông nhờ vào bàn tay phù thủy của Nhà Nước mà thôi. Còn lại 4 liên danh kia, nhìn vào những thành phần chấp vá, người ta thấy ngay ngoài nhu cầu tài phiệt, những chính đảng này đã phải cầu viện đến yếu tố tôn giáo và địa phương.

Hiện tượng này tỏ rõ chính đảng không có một vai trò đáng kể nào trong sinh hoạt chính trị hiện nay. Tất nhiên chính đảng chỉ không có một vai trò trong sinh hoạt chính trị khi đã không đáp ứng nổi yêu cầu lịch sử. Không đáp ứng yêu cầu lịch sử có thể vì không có khả năng đáp ứng hoặc không muốn đáp ứng. Khi một chính đảng không có khả năng đáp ứng yêu cầu lịch sử thì hoặc vì bất tài bất lực đã không nhận thức được yêu cầu lịch sử, hoặc vì từ bản chất, chỉ là một tập hợp phân động, ngược chiều tiến của lịch sử. Khi một chính đảng không muốn đáp

ứng yêu cầu lịch sử, thì tất nhiên không thể có một kết luận nào khác là một tập đoàn phản động và cơ hội, khoác danh chính trị để chờ nước đục thả câu.

Thật sự khi một chính đảng đưa người ra tranh cử, mà chỉ ra với tính cách góp mặt cho vui, hoặc dựa vào thế lực Nhà Nước, hoặc nhờ cậy vào tự ái tôn giáo, tự ái địa phương, thì gọi đó là những chính đảng, e rằng đã lạm dụng danh từ, và do đó, nếu nó có mang tất cả những bản chất nêu trên thì cũng không có gì đáng ngạc nhiên.

Cũng về bộ mặt chính đảng, người ta còn nhận thấy một hiện tượng đặc biệt nữa là, hầu như ở trong hầu hết các liên danh đều có một, hai cán bộ Việt-quốc. Gạt ngoài cái giải thích có tính cách khôi hài vui chơi như là một kế hoạch rải người ra tranh cử, cũng không thể chỉ coi đây là hiện tượng phân hóa chia rẽ giữa các cán bộ lãnh đạo đảng phái, mà chủ yếu, phải coi là biểu tượng một sự phá sản của các đảng phái chính trị ở đây. Nếu có một số tập hợp mệnh danh chính đảng còn khai thác được yếu tố tôn giáo, hay địa phương để may mắn trên chính trường, thì những tập hợp thuần túy chính trị, nhưng chỉ có « vang bóng một thời », hiển nhiên đã hết đất dụng võ, và ngày nay giá trị của nó chỉ còn đủ để một số cán bộ lãnh đạo xài như một món đồ trang sức.

Công thức chung :

Nhìn vào các liên danh tranh cử kỳ này, người ta thấy một công thức chung là : *Phật giáo + Công giáo + Cao đài + Hòa hảo + Việt gốc Miên + người Thượng*. Công thức chính này kèm theo một công thức phụ có tính cách địa phương : *Nam + Trung + Bắc*. Tất nhiên sự phân phối theo công thức ấy giữa mỗi liên danh không hẳn đều nhau, sự khác biệt là do mỗi liên danh đều dựa vào một nguyên tố nòng cốt nào đó. Chính vì công thức này, mà các nhân vật có tính cách tiêu biểu cho một tôn giáo, một địa phương, hoặc một sắc tộc nào đó trở nên đắt giá trong việc chèo kéo vào liên danh, dù đó không phải là một nhân vật chính trị và cũng chẳng bao giờ có thể là một nhà chính trị.

Người ta thường giải thích hiện tượng đó như là dấu hiệu sự đoàn kết của mỗi liên danh. Nếu nhìn riêng lẻ mỗi liên danh thì người ta có thể dễ dàng chấp nhận sự giải thích ấy, nghĩa là dễ dàng có cảm tưởng có sự đoàn kết thật. Nhưng khi nhìn chung lại, thấy hầu hết các liên danh đều theo một công thức như vậy, thì rõ ràng cái giải thích gọi là đoàn kết tôn giáo, sắc tộc địa phương đó trở thành khôi hài. Ở mỗi liên danh, nó tỏ cáo rõ rệt tính chất trao đổi, tạm bợ để kiếm phiếu trong việc tranh cử. Về phương

diện xã hội, nó tổ cáo một hiện tượng phân hóa trầm trọng, không những phân hóa chia rẽ giữa các tôn giáo, địa phương, sắc tộc (vì thế nên mới cần đủ mặt các tôn giáo, địa phương, sắc tộc để kiểm phiếu), mà còn phân hóa ở ngay chính mỗi tôn giáo, địa phương, sắc tộc (khi ở mỗi liên danh tranh cử, chống đối nhau có khi bôi nhọ lẫn nhau, đều có mặt các nhân vật danh xưng màu sắc tôn giáo, địa phương, sắc tộc như nhau).

Cũng trong cái công thức chung này, người ta thấy yếu tố nòng cốt là tôn giáo, yếu tố phụ là địa phương để kiểm phiếu. Nhìn một liên danh, định tính của nó là một định tính tôn giáo, kể cả những liên danh mang bằng hiệu chính đảng; rồi sau đó người ta xét tính chất địa phương để «*xem nó có hòa hợp quần bình*» không. Tính chất này tổ cáo hai hiện tượng: thứ nhất, lòng tự ái tôn giáo vẫn là yếu tố kích động mãnh liệt chi phối chính trường; thứ hai, người dân không tha thiết gì với sinh hoạt chính trị.

Khi mà người dân chỉ tham dự sinh hoạt chính trị bằng tự ái tôn giáo và khi người làm chính trị còn khai thác lợi dụng lòng tự ái tôn giáo để vào chính trường thì không những tai hại cho chính trị mà tai hại cho cả tôn giáo như thế nào, thực tế bi đát của đất nước này trong những năm vừa qua đã nói quá

hiều. Cái tình cảnh sa đọa chính trị lẫn sa đọa tôn giáo ấy phải chăng chỉ là kết quả tất nhiên của một sa đọa toàn bộ cơ cấu xã hội? Có điều chắc chắn rằng, qua tính chất của các liên danh tranh cử, hiện tượng sa đọa đó đã được tổ cáo ở mức độ thật trầm trọng.

Khi người dân không tha thiết với các sinh hoạt chính trị, mà chỉ tham dự như là một thỏa mãn tự ái tôn giáo, thì có nghĩa rằng các sinh hoạt chính trị ấy đã không thật sự tác động trên đời sống của họ. Con người, từng được mệnh danh là những «*động vật chính trị*», mà lại không chịu sự tác động của một sinh hoạt chính trị, thì chỉ vì sinh hoạt đó không liên quan đến đời sống họ. Nhưng một sinh hoạt chính trị như sinh hoạt bầu cử để cử đại diện cho dân, thì không thể không liên quan tới đời sống của người dân, cho nên chỉ có thể hiểu là người dân đã tự ý thức rằng mình chỉ là những bung xung cho một trò chơi của một thiểu số có nếp sống với những đặc quyền hoàn toàn tách rời cộng đồng nhân dân, do đó họ không thiết tha tham dự nữa.

Yếu tố tài phiệt :

Trong việc thành lập các liên danh tranh cử, người ta còn đặc biệt lưu ý tới sự chi phối của giới tài phiệt. Hầu như ở mỗi liên danh đều phải có ít nhất một nhà tài phiệt, thường thường là người

Việc gốc Hoa. Yếu tố tài phiệt quan trọng và cần thiết đến mức độ, nghe nói có nhiều liên danh, khi thành lập phải hy sinh cả đồng chí để nhận mấy ông tài phiệt, hoặc phải hy sinh hết cả danh dự cá nhân, phe nhóm hay đoàn thể để gánh lấy những cái dơ dáy của bộ mặt tài phiệt.

Trừ trường hợp chỉ ứng cử để chơi, mà không nhằm đắc cử, tất nhiên không có ai lại ngây thơ mà tin rằng chỉ trông vào những phương tiện Nhà Nước dành cho mà đủ để tranh cử, dù luật bầu cử có nhấn mạnh đó là phương tiện tranh cử duy nhất để tạo sự đồng đều trong việc tranh cử. Như vậy, việc các ứng cử viên phải bỏ thêm tiền ra để làm phương tiện tranh cử đương nhiên là cần thiết. Và, nếu trong một liên danh 10 người, cần một số có nhiều phương tiện để cùng đóng phần đóng góp cho một số khác không có khả năng đóng góp, cũng không phải là điều đặc biệt. Điều đặc biệt trong kỳ tranh cử này là yêu cầu tài phiệt trở thành quá gay gắt một cách bất thường, đến độ những người lập liên danh phải chấp nhận một cách đắt giá. Nói cách khác, nếu việc chấp nhận sự hiện diện của một số tài phiệt trong liên danh như là một yêu cầu tìm tài chánh làm phương tiện tranh cử, thì rõ rệt nhu cầu tài chánh đã lên quá cao trong cuộc tranh cử kỳ này.

Hiện tượng này chỉ có thể có hai giải đoán: hoặc cần đáp ứng những yêu cầu đặc biệt tranh cử, hoặc chính giới tài phiệt muốn

lũng đoạn cơ quan lập pháp bằng cách tung tiền ra «mua mắ ông chính trị gia» làm bùng xung cho họ tranh cử.

Giải đoán thứ nhất không phải không hữu lý khi nhận định rằng khối cử tri hiện nay hoàn toàn thờ ơ với việc bầu cử, thành ra những phương tiện vận động thông thường nhằm giới thiệu ứng cử viên với cử tri trở nên vô ích vì không có tác dụng. Chính vì thế các liên danh tranh cử dĩ phải xoay qua việc khai thác tự ái tôn giáo, sắc tộc, địa phương như đã phân tích ở phần trên. Nhưng việc khai thác những tự ái này cũng gặp khó khăn, vì chính những khối tôn giáo, sắc tộc, địa phương ấy lại cũng phân hóa, đó là chưa kể việc đi tới những cử tri ấy như là những phần tử của tôn giáo, sắc tộc hay địa phương, không phải là chuyện dễ dàng giản dị, mà phải qua trung gian của những nhân vật tiêu biểu hoặc lãnh đạo tinh thần. Nói cách khác, trong trường hợp này, không thể áp dụng đường lối vận động thông thường để giới thiệu trực tiếp ứng cử viên với cử tri, mà là phải vận động với những nhân vật trung gian có ảnh hưởng trên từng nhóm cử tri. Nếu không tin ở tài đức của mình để có thể lung lạc được những nhân vật trung gian ấy, thì cách giản dị nhất là tung tiền để mua. Khi «mua» được những nhân vật trung gian như vậy, thì những nhân vật ấy sẽ nói với khối cử tri trong vòng ảnh hưởng của họ bỏ phiếu cho.

Giải đoán này chẳng ích lợi gì cho sự phê phán về

Cách và khả năng của các cử viên, đồng thời cũng đẹp mặt gì cho những kẻ liên danh là lãnh đạo tinh thần giáo, sắc tộc hay địa phương. Tự nhiên đẹp mặt hay không, không phải là điều kiện để ngăn cản những điều thí thẫm, đồn đãi của người ngoài phố.

Giải đoán thứ hai cũng không phải là hoàn toàn vô căn cứ. Tuy nhiên nếu cho rằng hiện tượng nhập của tài phiệt, chủ yếu là các tài phiệt đã tung tiền lung lạc những các người làm chính trị để được tham dự tranh cử, như là mưu toan lung đoạn cơ quan lập pháp vì quyền lợi của giới phiệt, thì e rằng không chính xác. Bởi lẽ, nếu thế, thì nhóm phiệt đó phải đứng chung với nhau trong một, hai hay ba liên danh, rồi « mua » mấy ông chính làm bình phong là đủ, và như vậy lại có thể có một phương diện không lỗ, càng dễ dàng cho việc tranh cử. Lại nữa, nếu quả có vấn đề mua bán cho quyền lợi với tài phiệt nói chung, thì cần họ phải vào hẳn nghị trường? Vậy theo tinh thần giải đoán thứ hai này, chỉ có thể hiểu là trao đổi giữa cá nhân những người làm chính trị ở mỗi liên danh. Một đảng muốn mua danh mà khi đã có dư tiền bạc, một ông muốn bán cái nhãn hiệu « chính khách » của mình để có hương tiện ứng cử. Và như vậy không may thất cử thì vẫn không mất gì mà có khi còn có lợi nữa.

Phân tích các yếu tố thành lập các liên danh trong kỳ tranh cử lần này, chúng ta sẽ dễ dàng hiểu được vì sao ngay chính các liên danh tranh cử cũng kém phần hào hứng sôi nổi. Bởi vì thật sự, trong kỳ bầu cử này, phương thức vận động ngấm ngấm mới là chủ yếu và có tính cách quyết định. Sự tranh cử đó đã thật sự khởi diễn từ lúc thành lập các liên danh bằng cách chèo kéo vạy cánh, điều đình, dàn xếp với các nhóm thế lực. Khi lập xong liên danh, thì phần lớn vấn đề coi như đã được giải quyết, nếu còn gì quan trọng sau đó cũng chỉ là những vận động ngấm ngấm để, hoặc mua chuộc thêm thế lực, hoặc nhằm củng cố những ảnh hưởng có thể có, tất nhiên phần lớn là với những nhân vật có ảnh hưởng trên một số cử tri nào đó. Nói cách khác, tất cả những công việc quan trọng, có tính cách quyết định cho việc tranh cử đã chỉ diễn ra một cách âm thầm, còn những vận động ồn ào bề ngoài thực ra chỉ như là một hình thức cho đủ lệ.

Tất nhiên, trên cương vị người dân, thì cái hiện tượng hào hứng hay không hào hứng ấy của các liên danh tranh cử chẳng có gì quan hệ. Điều quan hệ duy nhất là thực chất của tình trạng chính trị xã hội do cái hiện tượng đó tố cáo. Điều cần ghi nhận ngay là hiện nhiên cuộc tranh cử hiện thời đã phơi trần bộ mặt một thứ trò chơi riêng tư của một thiểu số giàu sang quyền thế trong xã hội. Đó là chuyện tranh quyền, tranh lợi

hoàn toàn riêng tư của một thiểu số đang được xã hội ưu đãi, đang nắm giữ trong tay những đặc quyền đặc lợi giữa một xã hội thối nát bất công và vô luân. Vì không ai muốn nhường ai trong cái quyền ăn trên, ngồi trước nên người ta tranh giành nhau, dàn xếp với nhau, và để có cái vẻ « đi theo hướng tiến của lịch sử », cũng là để tránh cái phản ứng cuối cùng của tầng lớp dân bị trị cùng khổ, người ta diễn trò chơi dân chủ, để mượn tay chính lớp nạn nhân bị trị, một tuyệt đại đa số trong xã hội, hợp thức hóa quyền thống trị của họ. Đều du khí người dân tham dự trò chơi của họ, trước đây họ thường dùng những chiêu bài vì nước vì dân, lý tưởng này, lý tưởng nọ. Người dân đã từng bị hoa mắt vì những chiêu bài ấy, và đã tham dự trò chơi với niềm phấn khởi tin tưởng. Đó là những thời kỳ huy hoàng của các sinh hoạt chính đảng. Nhưng sau mỗi kỳ bầu cử như vậy, người dân càng ngày càng nhận rõ hơn thân phận mình, thân phận bung xung của lũ nạn nhân bị lừa gạt làm vật bảo chứng cho quyền thống trị của những kẻ thống trị mình, khoác chính nghĩa cho chính những kẻ đàn áp bóc lột mình. Và tất nhiên trong khi đó thì chính mình mất đi phương tiện cuối cùng là kêu ca, phản kháng. Đó là lý do chính yếu khiến người dân không còn hào hứng tham dự các cuộc tranh cử nữa. Và đó cũng là lý do chính yếu khiến những cái gọi là đảng

phái chính trị ở đây không có thể bén rễ trong nhân dân đưa tới hậu quả không thể dùng chiêu bài chính trị tranh cử được nữa. Vì biết nhân dân không có thể bị lừa gạt, vì biết nhân dân đã nhận rõ bộ mặt thực của mình, đám người thiểu số này quyết sang khai thác một khía cạnh khác lòng tự ái tôn giáo và địa phương. Họ biết rằng, lúc này, chỉ có vì tự ái tôn giáo, tự ái địa phương, người dân mới chịu khó tham gia trò chơi dân chủ để hợp thức hóa quyền thống trị của họ. Đó là lý do giải thích vì sao công thức chính đề lập liên danh kỳ này mang tính chất tôn giáo và yếu tố phụ là tính chất địa phương.

Nhận rõ như vậy, chúng ta không ngạc nhiên nữa khi được thấy kết quả của cuộc bầu cử. Và nếu sau khi cái tự ái tôn giáo, tự ái địa phương đã được ve vuốt bằng kết quả cuộc bầu cử, thì cũng đừng có thất vọng lắm khi thấy cái thân phận khốn của bị đất của mình vẫn không có đổi khác. Nhất là đừng có oán trời, oán đất, trách cho số phận bất hui của mình vì đã để mất một cơ phương tiện tự vệ cuối cùng là sự phản kháng khi hợp thức hóa của kẻ thống trị mình. Bởi đó là cái gì bắt buộc mình phải trả sau khi đã tham dự trò chơi dân chủ theo một qui luật đúng ra chỉ dành riêng cho một thiểu số ưu đãi trong xã hội mà thôi.

TRẦN TUẤN NHẠ



văn nghệ :

Người Mẹ

TRẦN HOÀI THU



Ngày mẹ đến thành phố này, mẹ đứng giữa con đường phố, một tay cầm sắc quần áo, một tay che mắt chói rất trên đầu. Tóc mẹ pha màu bạc trắng. Đôi mắt mẹ đã hơi mờ, và gương mặt mẹ là cằn khô, sau bao ngày lênh đênh đất khách quê người. Mẹ đứng đợi, ngơ ngác nhìn đám người ở mức qua lại và xe cộ thả khói bụi mù. Đây là một thành phố lạ lùng đời mẹ. Mẹ lại bắt đầu bước. Mồ hôi đã chảy trên vầng trán mẹ. Tiếng còi xe giục giã đằng sau mẹ, mẹ ngơ ngác chạy vào lễ hội bóng thầy cảnh sát, mẹ quẹt ô hời tiến về phía ông ta. Mẹ hỏi:

— Bầm thầy, thầy chỉ giùm tôi, ở nào cho thuê phòng ngủ, loại rẻ nhất.

Thầy cảnh sát nhìn mẹ, có vẻ ngạc nhiên:

- Bà đi đâu mà thuê phòng ngủ?
- Tôi ở miệt vườn lên.
- Miệt vườn là đâu?
- Tôi ở Lục Tỉnh. Cần-thơ đó

Thầy cảnh sát cười cho sự nhà quê của mẹ:

— Ở đây, người ta không gọi là miệt vườn. Bà nói người ta không biết đâu. Sao ở Cần-thơ bà lại ra đây. Bà không có bà con gì sao?

Mẹ lắc đầu, buồn bã:

— Bầm thầy, tôi đi tìm con tôi.

— Con bà đi đâu mà bà tìm?

— Nó đi lính. Nó đi nhảy dù. Ba bốn tháng nay, tôi không được tin tức gì của nó cả. Người ta nói tiêu đoàn nó ra Đông-hà, Gio-linh gì đó.

Thầy cảnh sát nhún vai:

— Bà đi một mình hả?

— Dạ.

— Làm sao bà tìm được. Bà tưởng dễ tìm lắm à? Gio - linh, Bến-hải, người ta đánh nhau toí bời. Người ta đánh cả sư đoàn. Bà không nghe báo chí nói sao?

— Tôi không biết, thầy ạ.

Và mẹ khóc tấu tức. Đám người hiếu kỳ đã vây quanh mẹ. Một người đàn bà nói:

— Tội nghiệp cho bà lão. Bà đi tìm con.

Một người khác vỗ vào vai mẹ:

— Lính tráng bây giờ như chim

trời cá nước, làm sao mà tìm được, bà nên về đợi thì hay hơn.

Mẹ lau nước mắt:

— Tôi nhớ nó quá. Nó là con trai độc nhất của tôi. Tôi nghiệp ông già nó mất khi nó mới lên ba... Nó đi hoài đi mãi, không gởi cho tôi một lá thư. Tôi bán hết ruộng vườn, tìm nó cả tháng nay.

Cuối cùng, người ta cũng chỉ cho mẹ con đường dẫn về một phòng ngủ hạng tồi nhất. Mẹ chào mọi người, bước đi một nhọc. Thành phố trong giờ tan sở trở nên rộn rã hơn bao giờ. Mắt mẹ như hoa lên dưới cơn nắng đang bủa xuống thành phố. Thêm một thành phố mẹ đến, mà nơi nào, mẹ nhìn được thằng con trai yêu dấu của mẹ? Con trai của mẹ, mẹ gọi thăm. Mẹ như thấy được gương mặt, cặp mắt đen, chiếc mũi cao, và cái miệng hay cười của con. Mẹ thấy lại những ngày tháng xa xưa, hai mẹ con sống dùm bọc nhau dưới mái nhà tranh trong khu vườn rộng. Mẹ không còn gì nữa hết, trừ ra thằng con trai của mẹ. Giòng máu mà mẹ mang nặng đẻ đau, mẹ bỗng mẹ ấm, mẹ cưng chiều. Giòng máu mà mẹ phải cố gắng tàn tảo, cuốc đất trồng rau, thức khuya dậy sớm. Con trai của mẹ. Thằng bé hiền khô, mặc quần sà-lon hở lỗ rốn, chạy nhảy chơi đùa, quần quanh cùng mẹ, vói vỉnh kẹo bánh lúc mẹ đi chợ về, giúp đỡ mẹ hái những trái măng cầu xiêm, măng cụt trong vườn. Con trai của mẹ bây giờ không thuộc vào mẹ nữa, mà thuộc về chính phủ. Những gì mẹ ấp ủ, nâng niu, ở con của mẹ,

bây giờ đã trở thành những góa nước mắt khổ đau này. Mẹ không thể sống thiếu con. Cũng như mẹ lìa đời, mẹ sẽ không thể nhìn gương mặt con lần chót. Mẹ đã già quá rồi. Miệt vườn bom liên miên. Người chết cũng mỗi lúc một nhiều ở khu nghĩa địa. Mỗi lần nghe tin một thằng Ba chết, mẹ càng lo âu hơn con. Buổi chiều mẹ ngồi tựa cửa mẹ nhìn ra vườn, ra cánh đồng nứt nẻ. Ở đó, đã để lại mồ nước mắt của cha. Cha đã phải lủ, cực khổ, tưởng chừng đến con là con sung sướng. Những buổi chiều mẹ buồn vì nhớ con, mẹ không nấu nồi cơm gạo vườn, mẹ không bắt cơm, nghẹn ngào. Mẹ hái rau sấu riêng để dành cho con cho đến trái sấu riêng phải vắt ra sau Vườn sai quá. Sân thì cỏ mọc Lối đi, cỏ dại xâm chiếm. Nhà tranh như bỏ hoang. Sáng chỉ còn mỗi một mình bóng mẹ thui vào ra. Mẹ cũng chẳng buồn thêm gà vịt. Mẹ cũng chẳng dọn về quận cho được an ninh. Bỏ tối, mẹ thắp nhang, cầu Trời Phật. Mẹ qui, lạy ba lạy. Mẹ mắt, van xin, cầu nguyện Đức Phật Âm. Mẹ khóc lóc một mình. Nhang đã ngập chân nhang. Mỗi nhang cắm trên lư, là một nỗi của mẹ về con. Mẹ đi ngủ trên chõng tre, cần từng trướng chỉ, gió đồng lọt vào khe vách; và mỗi có tiếng súng nổ liên thì một lần tim mẹ bỗng đứng đập mạnh. Mẹ thấy con thức giấc ngủ. Mẹ gọi con trở dậy.

bài trong buổi sáng trời lạnh. M^ợ đốt lửa trong bếp, để mẹ và con cùng sưởi ấm trong tiết mùa Đông. Mẹ lại thấy con trở về, máu me dầm dề áo trận, nhìn mẹ khóc lóc, rồi bỏ mà đi. Khi ấy mẹ trở dậy, mẹ nhìn ra ngoài trời. Đêm tối đen mờ mịt. Tiếng cóc nhái vang lên buồn bã. Tiếng súng thỉnh thoảng dội về âm u. Mẹ không thể ngủ thêm nữa. Mẹ lại ra trước bàn thờ cầu nguyện Trời Phật, cho con trai của mẹ được bình an. Trong đêm, mẹ bị đau, mẹ trần trố và ho luôn. Mẹ ôm ngực mà ho. Gió ngoài đồng lại thổi vào lạnh lẽo hơn bao giờ.

Mẹ đã bán hết cả ruộng vườn và chỉ để lại phần hương hỏa. Hàng xóm láng giềng đến khuyên lơn mẹ, mẹ vẫn không nghe. Bà chín Mập nói:

— Thằng Hai bây giờ biết đâu mà tìm. Tôi tin rằng nó vẫn còn sống sót để trở về, chị Hai nghe lời tôi, đừng bán ruộng vườn nữa.

Mẹ khóc:

— Cám ơn chị Chín, bây giờ tôi đã già quá rồi. Tôi cũng sắp kẻ lờ rồi. Mong gặp nó lần chót, tôi yên tâm dễ chết.

— Bây nà, chị Hai. Chị ăn ở phúc hụ vậy, làm sao Trời Phật không phù hộ cho chị, cho nó được.

— Tôi lo quá, chị Chín. Tôi phải đi. Tôi phải tìm nó. Tôi nhớ nó quá. Tôi để lại phần ruộng vườn hương hỏa nhờ chị coi dùm, nghe chị Chín.

Mẹ đi, con chó Mực lẻo đẻo theo

sau. Một đôi, mẹ quay lại, thấy nó buồn rầu nhìn mẹ. Hình như nó biết người chủ của nó sắp từ giã nơi chốn thân yêu này. Nó sủa gâu gâu. Mẹ đuổi nó vào. Nó vẫn lăm lăm theo sau mẹ đến con lộ. Mẹ ngồi xuống, vỗ về đầu nó:

— Mực, con ở lại coi nhà coi cửa nghe không. Bà đi, bà đi tìm thầy Hai. Thầy Hai của mày, mày biết không.

Đôi mắt con Mực như nhắm lại, và nước mắt của Mực như trào ra ở hai bên khoé. Tội nghiệp con thú vật. Một lát, mẹ đón xe hàng

từ miệt dưới lên. Mẹ phải hối hả, đến nỗi quên cả chiếc khăn sạt trùm đầu trên vệ đường. Mẹ lên Sài Gòn, mẹ vào trại quân, mẹ hỏi han đủ thứ. Mẹ khóc lóc kể lể. Người ta cũng thấy mẹ tội nghiệp, nên mới bày vẽ ít nhiều. Những người lính trẻ, như con, nói tiểu đoàn thằng Hai về tận biên giới, Tây-ninh Sóc-trăng gì đó. Máy ông sĩ

quan thì khuyên mẹ trở lại vườn. Máy ông nói, bà không thể ra mặt trận được, và lại, binh chủng nhảy dù là binh chủng di chuyển rày đây mai đó. Mẹ van xin mấy ông cho biết chỗ đóng quân của con. Mẹ đã khóc hết nước mắt. Thế rồi mẹ đi ra bến xe, hỏi xe về miền biên giới. Trên xe buổi sáng hém ấy, mẹ hỏi thăm một người lính ngồi bên cạnh:

— Ông à, ông có biết Nguyệt văn Hai không?



— Thưa bà, lính nào ?

— Tôi không rõ lắm, dường như là nhảy dù. Tôi thấy nó đội mũ đỏ, mang áo rằn ri.

— Thế thì đúng là nhảy dù rồi.

Anh ta lại cười :

— Lính bây giờ lưu lạc mỗi người mỗi nơi, làm sao mà biết được.

Anh lại kể những trận đánh ghê hồn. Giọng anh ta tỉnh bơ, như thể coi chuyện đánh nhau như một câu chuyện làm ruộng, làm vườn. Anh kể những lần chạm địch, đâm dao găm, bên kia chặt mã tấu. Người chết bị băm xác, bị cắt đầu. Trục thẳng không thể đáp xuống di tản thương binh. Súng địch pháo rầm trời, không ngóc đầu lên được. Anh ta kể những lần trở về, thiếu đồng đội, thiếu bạn bè, cầm chén cơm nuốt mà muốn khóc. Mẹ hỏi thăm tiểu đoàn của con đóng quân. Anh ta nói :

— Chắc đang hành quân ở biên giới. Đạo này biên giới đánh nhau lớn lắm. Bà không thấy các đoàn xe tiếp vận chạy rầm rầm kia sao ?

Qua cửa xe, mẹ thấy những đám bụi đỏ bốc mịt mù. Những chiếc xe dũ dần nối đuôi nhau, lao về vùng chiến trận. Trên xe, đám lính ngồi chen chúc dưới trưa nắng gắt. Quang cảnh trở nên tấp nập, sửa soạn hơn bao giờ hết. Mẹ thấy họ, mẹ bỗng nhớ con. Không biết bây giờ con ở đâu, hỏi con trai yêu dấu của mẹ. Biên giới, mẹ biết biên giới là đâu, hỏi trời. Phải miền biên giới, nơi mà cha con đã có lần vượt qua, và trở lại với những vòng hoa của người dân bà xứ lạ ? Mẹ nhắm mắt. Ngực

mẹ bỗng nhói đau. Con bệnh gì lần con buồn lo, như làm mẹ cảm thấy yếu đuối hơn bao giờ. Mẹ cảm thấy sắp đến ngày nhắm mắt. Nhiều đêm tức ngực, dễ chừng không thở nổi, mẹ đã mở cửa sổ, mở mắt nhìn dăm dăm lên trần nhà lặn lẽo. Lúc đó mẹ như một thầy ma. Con ở đâu, để mẹ gặp. Con đi đâu, để mãi hoài, đi biệt. Con không trở về, để mẹ nhìn con lần cuối thấy mặt mũi, thấy nụ cười của con.

Mẹ xuống bến xe, lò dò thăm hỏi. Không ai biết đơn vị của con đóng. Biên giới, biên giới đó ở đâu. Biên giới nào mà xa xôi mịt mù như vậy. Dưới cơn nắng thiêu đốt, mẹ ngược nhìn về phương trời xa. Con đường dẫn ra biên giới không ở trong tầm mắt mẹ. Mẹ còn đương ngo ngắc. Đoàn xe cơ giới và chở quân lại tiếp tục gào thét, chạy qua. Khói làm mắt mẹ cay. Tiếng động làm tai mẹ vang lên như nhức nhối. Mẹ cầm chiếc khăn lông mới mua lau mồ hôi chảy trên trán. Không biết có người lính nào bà con ở trên đoàn xe đó không ? Mẹ tiến ra lề đường, nhìn lên. Lạy Trời Phật, nếu có con, con sẽ nhận ra mẹ. Con sẽ la lên. Nhưng không, chỉ là một đám lính ngồi đứng bất động, đang nhìn xuống đường phố. Một chiếc xe nhà binh chạy chậm chậm đằng sau. Mẹ khoát tay vẫy vẫy. Người tài xế ló đầu ra khỏi cửa :

— Bà làm gì thế ?

— Thưa ông cho tôi đi nhờ.

— Đi đâu ?

— Ra biên giới.

Người tài xế cầu nhà :

— Bà này khùng. Bà muốn ra đánh giặc sao ?

Rồi hấn vọt xe, để lại một đám bụi mù.



Giờ đây mẹ đã đặt chân đến bao nhiêu thành phố. Mẹ sẽ đi, đi mãi, để tìm con. Mẹ tin Trời Phật sẽ thương mẹ. Một mình mẹ, sẽ ra miền biên giới. Nhưng biên giới nào bây giờ ?! Đến mỗi thành phố, mẹ vào tại bình, quán ăn, thăm hỏi. Gặp một người lính trẻ như con mẹ phải sưng sờ trong giấy lát.

Bà già tội nghiệp có mỗi thằng

con độc nhất. Thiên hạ đã xót thương ngậm ngùi dùm mẹ. Nhưng làm sao họ chỉ được cho mẹ cái miền biên giới xa xôi, mịt mùng kia, nơi con mẹ đang lặn lội lao đao. Ôi, cái miền biên giới, biết chừng nào mẹ sẽ đặt chân đến, khi số tiền dành dụm càng lúc càng vơi dần. Rồi đến một ngày, mẹ phải chống gậy đi ăn xin từng người. Chắc ngày đó không bao xa. Bây giờ, đứng giữa công viên của thành phố này, mẹ đã nghe thấy từng hồi còi cấp cứu, vang động cả một hoàng hôn.

TRẦN HOÀI THU

SÁCH BÁO MỚI

Chúng tôi đã nhận được :

— KHAI PHÁ, tập 1, Đặc san văn nghệ của một nhóm cây bút trẻ miền Nam : Lưu Nhữ Thụy, Nguyễn Lệ Uyên, Nguyễn Hải Chí, Hà Nghiêu Bích, Tô Đình Sự, Hoàng Đình Huy Quan, Huy Thanh, Phan Thụy Ngọc Biển, Trần Nh. Hạnh, Ngô Tấn Thiện..., dày 114 trang, giá 70đ.

— MỘT CHỨT LỬA, thơ Huyền Giang, tác giả xuất bản, dày 60 trang, bản đặc biệt không đề giá bán.

— RÃ RỜI, thơ Trần Đình Thái, do Cơ sở Xuất bản Văn hóa ấn hành, dày 52 trang, bản đặc biệt không đề giá bán.

Tạp chí Trình Bầy trân trọng cảm tạ các tác giả và xin ân cần giới thiệu cùng bạn đọc,

nằm hăm đại liên

Hãy chui vào
chui vào, chui vào
nằm yên lặng co quắp
như dề, như giun
như bóng tối
bóng tối đã tóc
bóng tối đã mắt
bóng tối đã mơ tưởng,
hãy chui vào
nằm ôm súng ngủ
ngủ suốt mùa đông
ngủ suốt mùa xuân
ngủ suốt mùa mưa
mẹ trôi qua mi bóng bệnh mái nhà rêu xanh
em trôi qua vắng trán lạnh buốt như giòng suôi
bạn bè trôi qua tóc chập chùng
những toa tàu
những toa tàu
nức nở nhả khói,
hãy chui vào
nằm ôm súng ngủ
như ôm ấp giấc mơ
một đêm tinh cầu xanh xao
mặt bà con đầy máu
mặt em đầy máu
mặt anh đầy máu
lũ lượt ngu ngơ trên những vĩa hè

Sáng sớm mặt trời mọc trong trí tưởng
anh thả mắt chạy lang thang quanh lỗ châu mai
hít bầu trời thênh thang
uồng bóng chim bay
thờ hơi lá động
ăn tiếng nắng rơi,
thôi nằm yên đó nghe con
thôi nằm yên đó đi anh
nằm yên lặng co quắp
nghe bóng đêm xào xạc
trong tim
trong sớm
trong chiều
đầu gối lên tay
chân co lên ngực
nghe bóng đêm xào xạc
còn giun, còn kiến, còn cỏ cây
làm cha làm mẹ
làm bạn bè
làm em
cha mẹ ở đâu ?
em ở đâu ?
bạn bè ở đâu ?
trong lỗ chiều môn ?
trên đỉnh đầu ruồi ?
trên nấc nhẹ ?
trên nấc nặng ?
trong hướng tác xạ ?
trong tầm sát hại ?

Hãy chui vào
nằm xoay ngang xoay dọc
ngiêng bên phải
ngiêng bên trái

đứng lên
ngồi xuống
anh tìm kiếm tương lai
trên nóc hầm, dưới đất
trong cơ bầm
trong buồng đạn
bao giờ thấy
bao giờ có
bấy ra như món hàng
cho em thấy
em thấy chưa em
em thấy cho vững dạ yêu anh

Bây giờ là mùa xuân ?
là mùa thu ? là mùa hạ ? là mùa đông ?
mây trắng đầy trời
chim vắng trên trời
người chết đầy đời
hãy vào đây với ta
vào đây với ta trời ơi, cây ơi, mây ơi, chim ơi
vào đây với ta nằm ôm súng ngủ
yên lặng co quắp !

NGUYỄN QUỐC THÁI

NGUYỄN ĐĂNG THƯỜNG

*bây giờ trên quê hương
chúng ta*

bây giờ trên quê hương chúng ta có những
người đại hàn những người thái những người
mỹ những người phi luật tân những người
tân tây lan

bây giờ trên quê hương chúng ta có những
người mặc quần áo hippie
có những người ngồi trong nhà hàng maxim's

bây giờ trên quê hương chúng ta có những
người lính cụt tay cụt chân có những người
con gái bán bar có những người đàn bà bỏ xứ
theo chồng

có những đứa trẻ hút thuốc salem có những
đứa trẻ không biết nói cảm ơn có những đứa
trẻ chửi đụ má

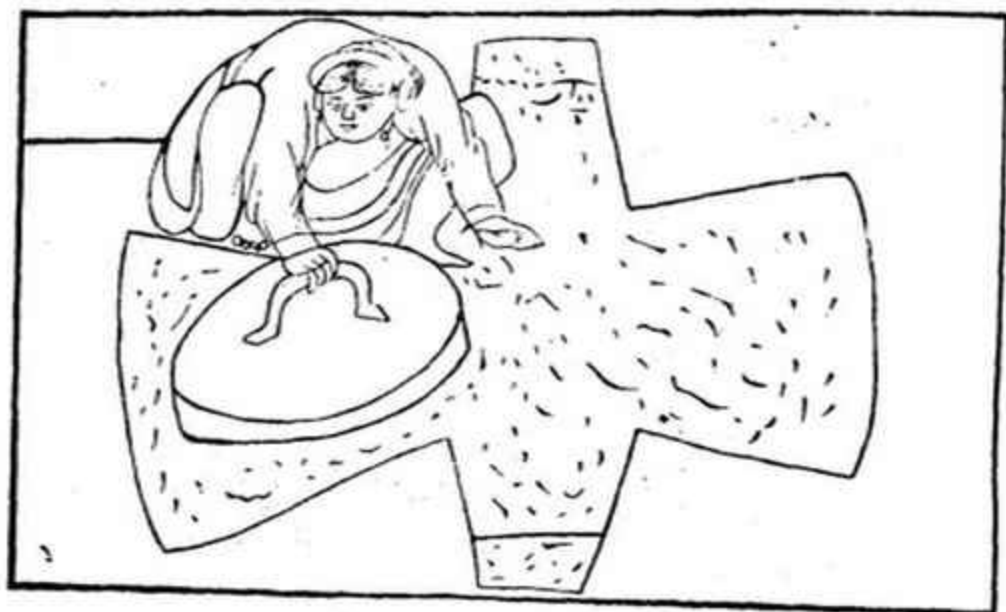
có những đứa trẻ
những con chó đốm lang thang

bây giờ trên quê hương chúng ta có những tờ
báo playboy

có những bà già sáu mươi lăm tuổi đi bán
bánh mì có những đứa con trai chết trận có
những người không tật nguyền ăn xin những
thằng mù ca hát

TRANH MỘC-BẢN ĐẤU THỀ-KÝ XX

Sưu tập : NGUYỄN KHẮC NGŨ



Hình trên : NỀN BÔNG
Hình bên phải : ĐI CHỢ



NGUYỄN ĐÀ

nhìn

tôi đã nhìn không thôi
khuôn mặt người lữ hành gấp nép vào cửa toa xe
tôi đã nhìn không thôi
nụ cười giầy mới của trẻ thơ đùa trên bãi cát
tôi đã nhìn không thôi
con chim sâu váy đỏ cúi nhặt những màu trưa
tôi đã nhìn không thôi
dáng dấp một người đi đồ dài trên phố nhỏ
tôi đã nhìn không thôi
bầu trời xám đựng đầy ngày tháng mưa dầm

nhưng chưa bao giờ
tôi được nhìn tôi
dù trong giấc mơ dù trong ảo giác

ôi vì em nhìn tôi hoài không thôi

NGUYỄN ĐÀ

Đông du ký

(Xin xem từ T.B. I)

NGUYỄN SA

3.

Chiếc sân rộng đưa tới cánh cửa lớn đứng đằng sau những cột đá hoa cương cao vút, mở ra một tiền cảnh bát ngát và lặng lẽ. Trước giới Thạch ngồi ở đó, ở chỗ chính giữa đại sảnh nằm trong cánh tả của tòa nhà, cách chỗ tôi ngồi chừng sáu thước.

Chỗ ngồi đó, tôi đã chọn lựa, cần cho việc quan sát. Tôi đã chọn vị trí, năm 1960, để nhìn rõ thân thể mình mai, lớp vải thô sơ quấn ngang vai người kẻ tặc Gandhi lãnh đạo nước Ấn-độ độc lập và nghèo khổ, năm 1962, để ghi nhớ cho kỹ mái tóc bạc, nụ cười tươi ẩn của người đã cầm đầu cuộc đồ tể của đồng minh vào bờ biển nước Pháp, người anh hùng của trận Đệ Nhị Thế chiến, mùa Hạ sáu mươi hai đã mệt mỏi khô héo sau hai nhiệm kỳ Tổng thống, ngồi cạnh Mamie như một ông già yếu đuối, bình thường và hạnh phúc. Tôi không thích những nhân vật lớn để đóng giữ những vai trò tác động khủng khiếp đến lịch sử, bởi, tôi nghĩ họ ít nhiều đã mang lại cho tôi những mừng rỡ và lo âu, những

hoân hoan và thống khổ vượt ra ngoài sự tìm kiếm của chính mình, ít nhiều đã đóng giữ vai trò của định mệnh, đã tước bỏ một phần đáng kể tự do mà tôi muốn gìn giữ như vàng bạc trong kho của người biển lận. Tại sao tôi đang ngồi học trong lớp, sư huynh Denis lại phải dắt chúng tôi, lũ bạn và tôi, ra bãi trống, nơi có những hầm trú ẩn lộ thiên của trường Puginier. Tại sao bầu trời đang yên lặng, từ dưới hầm, dựa lưng vào nhau, dựa lưng vào những cấu vẹo, xô đẩy, bề tay, thọc lét, nhìn lên đám mây trắng đi từ khu tiểu học, đến khu nội trú, bầu trời bình thản của những con quay, những tiếng cười, cuộc chơi chạy đuổi, bánh mì trứng ngày thứ Sáu, ông *frère* người miền Thượng, « *frère* mọi » đá vào dít những thằng đi tể, bầu trời cuốn sớ diêm đầu tháng, phần thưởng cuối năm, bầu trời đám mây trắng đi chậm chậm bỗng mọc lên một ngọn khói, mây đen từ dưới đất đi lên trời, bầu trời bình thản bỗng rung chuyển. Rồi tiếng nói của người lớn. Ở chợ Hàng Da. Cái gì ở chợ Hàng Da. Ở ga Hàng Cỏ. Cái gì ở ga

Hàng Cỏ. Những trái bom đầu tiên của cuộc Thế chiến đã nghe thấy đó đã nổ vào cửa trường, vào lớp học, vào con quay, vào những cầu véo, vào chuyển xe điện Hà-nội Hà-đông. Trường đóng cửa, xe điện đưa tôi về Hà - đông. Trường của thầy Cẩu ở giữa một khu đất trống, đồng rộng ở chung quanh là thế giới của những lò gạch, những buổi trốn học, những canh sóc đĩa vật dụng của cuộc đồ đạc là những hộp đựng kẹo ho đã cũ. Bom làm ngổn ngang, cháy đen chợ Hàng Da, làm gãy vụn một cánh ga Hàng Cỏ, làm đầy lùi về phía sau phố Hàng Đậu với những trò « bỏ túi », những tai nạn ở dốc cầu Long-biên, làm mờ đi phố Hàng Than, đường Hàng Cót, làm mọc lên những Xước ngang tàng, Khê đá bóng, ôi bóng quần đá chân đất như ảo thuật, bóng vừa chạm nhẹ đã vút đi như tên, chưa kịp chạm xuống mặt đất đã dính chặt vào chân dậm xuống rồi gầy lên, những hòn bi ngấm dấm, ngôi nhà của L.T. Thành, máy có nhớ ngôi nhà của T., ngôi nhà, trên con đường từ chợ Hà-đông đưa tới trường Văn Lang chạy bom, nằm bên phía trái của con lộ, nhà ba phía bao bọc bởi ruộng ngập nước, có lẽ là một thứ ao lớn, vì tao nhớ rõ là trên mặt có bèo tây và có nhiều chỗ khá sâu. Hai đứa đã lội bì bõm ở đó, để vòng ra phía sau nhà nhìn vào chiếc ghế ở gần cầu ao, nơi hàng ngày nàng ngồi đọc sách hay làm những công việc nội trợ. Máy có nhớ những Chủ nhật đi theo nàng vào nhà thờ Tin lành, quỳ ở sau lưng, đọc lầm lũi những

bài kinh không biết, cử động vụng về đuổi theo những nghi lễ tôn giáo lạ. Tao nghe nói đường nàng đi chết. Tại sao chết. Tự tử. Tại sao tự tử. Tao biết chắc là đưa em gái của nàng về sau trở thành ca sĩ, có một lúc nổi tiếng nhiều, kết hôn một thời gian với anh Hoài Bắc. Tao chưa có dịp nào hỏi anh Chương xem tại sao người con gái họ Hàn, thiên thần của những ngày tháng Hà-đông của bọn mình đó lại từ trần. Tại sao. Tại sao T. đã chết. Tại sao một buổi sáng, Hà-đông thức dậy với màu cờ khác. Tại sao súng nổ từng tràng, tao chạy trong đám người xô lấn, trong trại binh của quân Dương. Tại sao lại dọn nhà về Hà-nội và lại ở đường Quan Thánh mà không trở về Hàng Đậu. Tại sao nhà đang ở, từng đoàn quân Trung-hoa ghé vào nhìn ngó bốn phía, đi sông sộc vào từng gian phòng, tường đi qua, tường vào xin nước mà lại ngã lưng nằm kềnh trên sàn gạch bóng, gỡ cửa sò làm củi nấu cơm, cời những mảnh vải trắng quần chân vát lên thành cửa, mảnh vải trắng có lẫn máu và mủ, giặt nước trong cầu tiêu rồi cười khà khà thích thú. Tại sao giấy năm trăm con rồng đang tiêu rồi lại bỏ, tiền quan-kim đột nhiên hiện ra, đột nhiên biến đi, biếu tình đi xuống từ ngũ xã, dòn ngó ngôi biệt thự bị vây kín ở đường Ôn Như Hầu, báo Tré tháng tám, nhi đồng và trống. Rồi súng nổ trong một đêm, nổ suốt đêm, súng nổ làm biến mất nhi đồng, biến mất đường Quan Thánh, biến mất Hồ Gươm, làm hiện ra phủ Nam-sách,

Bắc - ninh Bắc - giang, thành Sơn-tây và sân vận động bị san thành bình địa, Văn-dinh và Chợ Đại, Đồng-quan và Cống-thần.

Trường học nào có ông Đoàn phú Tứ mái tóc bông bênh đọc *Màu thời gian*, đọc thơ Huy Cận. Ông thầy Việt văn Đoàn phú Tứ, *Màu thời gian*, *Lửa thiêng* hiện ra rồi biến đi như trong một cơn mơ. Tại sao trường đang học bỗng đóng cửa, thơ vừa yên giấc đã bị đánh thức hoảng dậy đề đi bộ, đi đi bộ, đi từ liên khu này sang liên khu khác, mũi non của miền Bắc chưa kịp yêu mến đã tới những bến đò Hà-dồng, gặp gỡ và lia bỏ.

Tôi không thể nói gì với những nhân vật lớn, không thể hỏi những người đã tác dụng không khiếp vào lịch sử điều gì. Eisenhower mặc dù nụ cười năm 1962 đã là một nụ cười của một ông già và bờ biển Normandie và những doanh trại ở bán doanh Anh-xi-lợi đã trở thành dĩ vãng không thể nói cho tôi biết tại sao lại nằm ở chợ Hàng Da, mà không chỉ nằm ở bên kia Gia-lâm, không đi xa hơn tới Bắc-kạn, làm họ mờ đi ngôi trường Puginier và ông frère mọi, bánh mì trứng thứ sáu, chuyện thánh cuối tuần, kinh linh mừng lúc về, kinh Lạy cha giờ học, làm mọc lên lò gạch, bóng uân, sóc đĩa, ngôi nhà ba phía xoèo mệnh mông. Thành, mây nhớ ông, có một lần, tao huyệt chân vào một cái hố sâu nào của ao bèo ó và nước vượt khỏi đầu, mây nư

lấy tay tao, hai đứa cười sảng sặc mặc kệ trống ngực đập mạnh. Tôi không thể hỏi người đã làm đổi thay cuộc Đệ nhị Thế chiến những điều đó. Không thể hỏi những người kế nghiệp Tôn Văn tại sao viên sĩ quan của đoàn quân Lư Hán, viên sĩ quan biết nói bập bẹ mấy câu tiếng Việt lại lấy Liên. Liên là Linh. Liên trở thành Linh. Lúc, chưa trở thành Linh, mỗi Chủ nhật Liên đứng ở cổng trại khoảng giữa đường Ngã tư Sở và Hà-dồng. Từ Hà-dồng tôi đạp xe ra đó, xe vành «đuaya ra», có cần đỡ tốc độ, có trục căng xích, xe đạp thật nhanh trên con đường đất sét mịn đất từ đường cái tới

cổng trại, rồi thẳng thật mạnh làm bật lên những tràng cười hân diện trợn lảo với những tiếng cười nhỏ hơn, thanh hơn, đẹp hơn một nghìn lần có thần phục và âu yếm. Tại sao viên sĩ quan mỗi ngày tới đón ba của Liên đi đầu và hai người bước lên xe cười khoái trá, đường đồng lúa. Tại sao má Liên gọi nàng là Linh không gọi là Liên nữa và nàng bắt đầu nhìn tôi buồn bã, nhìn trốn tránh, bất lực. Tôi nghĩ ông già gấp hai lần tuổi tôi, người đã vào đời ở Phụng-hóa mà tôi chưa đặt chân tới không thể cắt nghĩa được cho tôi biết tại sao viên sĩ quan lại mang Liên lên xe đi mất cùng với đoàn quân của tướng Lư Hán về bên kia biên giới nhường chỗ cho lính tráng của Leclerc. Vị lão tướng tốt nghiệp ở Trường Võ bị Bảo Định có thể nhìn thấy đầy đủ



hơn tôi nguyên nhân của cuộc chiếm đóng và rút lui của quân đội Trung-hoa, lý do làm cho Lư Hán được cử được thay thế Trương phát Khuê tiến vào quê hương tôi nhận sự buông súng của quân đội Nhật-bản, nhưng ông nào biết được gì về viên sĩ quan đã mang Liên đi. Những Chủ nhật kế tiếp tôi vẫu đạp xe tới trang trại đó, một lần sau cơn mưa cũng ngã xuống giải đất thật làm lem hết chiếc sơ mi trắng, sây sất ở đầu gối. Tại sao chẳng có Liên để mang tới nước nóng lau vết thương đáng chú tâm đó, mang tới những ly trà đường nóng để an ủi như những ngày tháng trước. Những nhân vật đã tác dụng vào lịch sử thật dễ ghét. Đó là những con lóc mù lòa bay ào ạt, mặc kệ nhà cột yếu, mặc kệ cây cỏ còn non. Tôi chẳng có gì để nói với những nhân vật. Ngôn ngữ để nói với họ là ngài nghĩ gì về cuộc rút quân của người Mỹ, vụ Maddox, sự kế tục Mao trạch Đông, không có chỗ nào cào sỏ mệnh của Liên, ngôi nhà của T., lò gạch Hà-dông, chiếc xe đạp vành «duya ra» buồn bã. Cho nên phải nhìn cho rõ. Tôi thích nhìn ngắm những nhân vật đó. Nhìn ngắm ở đó đi vắng. Nhìn rõ định mệnh. Sự phũ phàng. Sự mù lòa. Sự kiêu hãnh đáng thương hại và nỗi buồn bã che dấu. Để tìm kiếm con người.

Tiếng va chạm của một vật cứng lên sàn nhà, như tiếng gõ loan báo vỡ kịch bắt đầu trên sân sân khấu, giọng loan báo sang sảng, Tổng thống và Phu nhân, cánh cửa lớn

và màu vàng có chạm trổ mở rộng. Tướng giới Thạch từ một cái thang nào khoan thai đi xuống bước vào phòng, cặp bên tay Tướng Tổng Mỹ-linh, hai người cúi đầu một thước đáp lại những tiếng vỗ tay lễ độ chào đón. Tướng giới Thạch đi bằng những bước dài và nhẹ. Trĩ dạ Từ ghé vào tai tôi nói có một nhà báo nào đã mô tả họ Tướng tướng tinh của một con cọp. Nhà báo đó có lý. Cọp đi những bước dài, chậm và nhẹ, sự đón đợi khoan thai là thể chuẩn bị nhảy vọt lên sét nổ. Tướng giới Thạch đi con cọp đi. Tướng giới Thạch ngồi con cọp ngồi. Lưng dựa sâu vào lót ghế, chân dài duỗi thoải mái, tay tựa vào thành ghế còn thông xuống, thể bất động trong từng khoảnh thời gian dài. Tôi vẫn chú ý đến: khác biệt trong thế ngồi của những anh ngoại khờ và những kẻ chạy lơ lảo. Anh đàn em ngồi không yếm mắt nhìn lơ lảo, liếc ngang phía nhìn qua phía hữu, chân tay vu vẩy, lúc dựa lưng, chưa yên đã nghe người về phía trước để cổ thụ phục người đối thoại. Cái anh «chân mạng đế vương» thường lối ngồi bất động, từ đầu đến cuối tư thế của con cọp lắng nghe, chờ, biết chồm lên lao vút vào phía trước đúng lúc. Từ chỗ tôi nhìn thẳng, Cọp ở phía tả, Tướng Tổng Mỹ-linh ở phía hữu, nổi lên trên nền của tấm bình phong sặc sỡ. Ở hai bên của Cọp và nguỵ bạn đường của ông là tác giả Ngắm cánh hạc, Kawabata. Lâm n Đường, hai nhà văn Tây phương

hùng chức sắc của Văn bút Thế giới. Mái tóc của tác giả *Ngàn cánh hạc* điểm đen nhưng chưa bạc trắng. Đó là mái tóc dài, dễ bông bênh, có nhiều sợi xoăn hai bên thái dương. Mái tóc nhà văn Nhật-bản này có vẻ nét tương tự với mái tóc của tác giả *Mây và Thơ* say những gầy bồng chải. Tóc dày điểm bạc của Kawabata tương phản với những sợi đã trắng hẳn thừa thốt của Cọp tám mươi hai tuổi. Mái tóc của họ Lâm xanh tốt. Trung sự trái ngược nổi bật nhất giữa Lâm ngữ Đường, Kawabata và họ Tưởng là tâm thức, dáng dấp, phong độ. Những nhà văn lãnh tiếng của phương Đông, những người, với văn giới đã thuộc loại cao niên, vượt khỏi ngũ tuần, gọi kể bên nhà chính trị đã tiếp tục lên Tung Sơn hiện ra như những thanh niên nhỏ bé, rụt rè, vụng về và khờ khạo. Tác giả *Ngàn cánh hạc* vốn dĩ, bởi bản chất, là một người rụt rè và vụng về? Ông không phải là một người khờ khạo. Trung đúng là một người có tính tình rụt rè và vụng về, tôi nghĩ như thế. Ở Hội nghị Văn bút Á châu được tổ chức tại Đài-loan vào trung tuần tháng Bảy dương lịch này, người Á châu thứ nhì được trao tặng giải Nobel văn chương, sau Tagore, đã lược tiếp đón bởi những người tổ chức Hội nghị như một thượng khách. Ông di chuyển trên một xe riêng, không biết do tòa đại sứ Nhật-bản tại Đài-loan cung cấp hay do chính phủ Trung-hoa, hội Văn bút Trung-hoa mang lại, chắc chắn

tác giả *Ngàn cánh hạc* đi trên chiếc xe riêng đó, cũng như chắc chắn khi vào hội trường lần thứ nhất ông đã được các đại biểu vỗ tay hoan nghênh, khi đến bất cứ cuộc tiếp đón nào, tiệc tùng và du ngoạn, thăm viếng xã giao và hội họp, ông luôn ngồi ở chỗ danh dự. Cho nên nhà văn Nhật-bản đã làm thất vọng những người chờ đợi không ít khi ông đọc diễn văn. Kawabata nói bằng tiếng của quốc gia ông, người thông ngôn phiên dịch, ông nói chậm và nhỏ, giọng không xuôi chày, dấp dấp e dè, vụng dại. Có lẽ cũng nhận thức được giới hạn của khả năng hùng biện của mình, khả năng ứng đối của mình, nhà văn Nhật-bản đó tâm sự: « Nghề của tôi là nghề viết chứ không phải là nghề nói ». Lâm ngữ Đường chưa có vinh dự lãnh giải thưởng văn chương thế giới nổi tiếng nhất như tác giả *Ngàn cánh hạc*, dù tác phẩm của ông đã được văn giới thế giới biết tới trước nhà văn Nhật-bản, trái với Kawabata, ông có một khả năng hùng biện lớn, ông điều khiển những phiên họp với sự sáng suốt, khéo léo và cương quyết.

Những thảo luận, phát biểu ý kiến ở những phiên hội Văn bút Thế giới là những chuyển bay siêu thanh, những cuộc chạy đua tốc độ, mỗi người được nói năm phút. Một nhà văn đại diện Côte d'Ivoire đã ghi nhận rằng một người nghiêm chỉnh bước lên diễn đàn thưa quý bà và quý ông, tôi xin phép, rồi tôi xin chân thành cảm tạ lòng tốt của quý vị đã lắng nghe là đủ xong năm phút

quý báu. Cho nên, nhiệm vụ của người điều khiển phiên họp thường là nhiệm vụ nhắc nhở diễn giả dừng lại trong khuôn khổ thời gian, nhiệm vụ ngăn trở, cắt đứt cảm hứng. Những câu nói duyên dáng để sự ngăn trở khỏi trở thành phiên muộn, bất bình, sự cương quyết và sáng suốt cần thiết cho những phiên họp không trở thành vô tận. Họ Lâm, người tầm thước nhưng đầy đặn, có những khả năng đó, ít ra đó là điều tôi nhận thấy. Dù vậy, tuổi tác đã vượt ngũ tuần của ông, tầm thước trung bình nhưng kiên cố không làm ông ít dặt dề và vụng về hơn Kawabata cũng như những chức sắc của Văn bút Thế giới đang đàm đạo với Cọp. Tôi không nghĩ đó là sự khiếp hãi. Người làm văn nghệ nào có gì để chờ đợi, nào có gì để lo mất mát mà phải khiếp hãi khi đứng trước những tác lực. Và, những nhà văn ngoại quốc đối diện với những người quyền uy lớn ở một địa phương chẳng thể không ý thức được rằng quyền uy đó dù to lớn đến đâu cũng chẳng gây được ảnh hưởng gì trực tiếp và tức khắc đến cuộc đời mình. Nhưng đó, mỗi người tới đây, ngồi ở gian đại sảnh của ngôi nhà được thiết lập trong niềm tưởng nhớ người lãnh đạo Hưng trung Hội đã tới với một trời huyền thoại. Tướng giớ Thạch là một nhà độc tài khủng khiếp. Họ Tướng di chuyển trên sáu chiếc xe hơi buồng rèm đen kín để không cho thấy đích thực ngồi trên chiếc xe nào. Đài-loan, khi họ Tướng lui về đó như một thứ Tạ Tốn về Bồng hóa đảo đã là một giồng máu lớn. Những người bị tình nghi đều bị tàn sát. Họ Tướng là tổ chức cảnh sát, tổ chức mật vụ quy mô. Anh

vừa ho, tiếng ho đó đã được ghi âm. Anh vừa ngược mắt ao ước trong bóng tối, động tác đó đã được ghi nhận vào máy thu hình. Đó là một hoàng đế của một thời đại quý khừ còn trị vì trên một ngai vàng sơn một nước sơn dân chủ. Tướng giớ Thạch là vị cứu tinh của Đài-loan, người đã đưa hòn đảo thô sơ này trở thành một quốc gia phong phú, tiến được những bước dài trên con đường kỹ nghệ. Đó là người được yêu mến. Họ Tướng mỗi sáng đi dạo trong khu vườn của dinh Tổng thống Trung-hoa ở Đài-bắc không vệ sĩ, như một cụ già hiền lành dạo chơi giữa khí trời và cây cỏ. Cọp được yêu mến. Cọp bị thù ghét. Cọp đề một đời cho chủ nghĩa Tam Dân. Cọp là tâm điểm của tham nhũng và thối nát. Huyền thoại bay nhầy trong trí nhớ làm cho người bình thường, và nhà văn chẳng hạn phát đời sống vàng bạc và quyền hành cho ai, chẳng đe dọa ai bằng chết chóc, hãm hại, tiêu diệt, chẳng thể không là những người bình thường, huyền thoại làm cho mỗi người thường hơi khóp, hơi dè dặt, hơi không còn hoàn toàn là nó, không còn thoải mái trong đời sống, trong phản ứng, trong thái độ. Họ Tướng nói. Những nhà văn đối diện với ông nói. Những ngón tay lễ phép và rút rề quặp chặt vào những ngón tay để trên đùi. Những bàn tay xoa vào nhau. Những nụ cười làm vui lòng người đối thoại. Tôi bằng lòng về vị trí mà mình đã chọn lựa, vị trí không quá xa phương hại cho cuộc quan sát, không quá gần, rút lại, cũng làm phương hại cho cuộc quan sát, làm cho nhìn thấy người mà ta muốn nhìn ngắm như một nhân vật hơn là một người. Một nhân vật không còn là một người. Nó là người tù. Của chính nó.

(Còn tiếp)

NGUYỄN SA



nhật ký tập thể :

NGHỆ THUẬT XUỐNG ĐƯỜNG :



Nghệ - thuật xuống đường ở đây có nghĩa là thứ nghệ-thuật rời bỏ khung cảnh trang nghiêm khô cứng của những bảo tàng viện, rời bỏ không khí sang trọng của những phòng triển lãm, rời bỏ sự hiện diện lẻ loi ở những nhà sưu tập, để xuống đường, để chen chân với cuộc đời thường ngày. Tôi muốn nói tới Bích-chương, một trong những hình-thức tiêu-biểu của nghệ-thuật hiện-đại. Nảy mầm từ những nhu cầu linh-tinh của một sinh-hoạt thương-mại và thành thị bành-trướng nhanh chóng, bích chương ngày nay trong nhiều trường-hợp đã thật-sự có thể là một góp mặt cảm-động có tính-cách nghệ-thuật hơn là chỉ như một phương-tiện quảng-cáo. Thật không phải là một điều ngạc-nhiên khi nhiều nghệ-sĩ POP cho rằng họ tìm thấy trên những vách tường, những đường phố, đầy-dủ những yếu-tố tạo-hình và những vật-liệu để cho họ sáng-tạo.

Nguồn - gốc của bích - chương có thể được truy - tìm từ những thời-đại rất xa, nhưng bích-chương với hình thức quen-thuộc ngày nay đã chỉ được chú-ý và khai-thác mạnh-mẽ từ hồi đầu thế-kỷ này. Sự phát-triển của nghệ-thuật bích-chương đi song song với những tiến-bộ ở ngành ấn-loát và nhất là những biến-chuyển liên-tiếp của nghệ-thuật tạo-hình mới. Theo Lo Duca, nghệ-thuật bích-chương đã thật-sự phát-sinh ở Pháp. Với những Daumier, Gustave Doré, Gavarni, Horace Vernet, Toulouse-Lautrec, Bonnard, Vuillard, « tất cả những ấn-bản litho đều có cốt-cách của một tác-phẩm nghệ-thuật ». Khoảng những năm 1900, những mẫu bích-chương vẽ cho các rạp hát, xiếc, hòa tấu, các nhà xuất bản, đã không ngớt mang lại một sinh khí mới cho ngành nghệ thuật này. Đặc-biệt là những mẫu bích chương của Toulouse-Lautrec đã phản ánh một cách duyên dáng một phần đời sống của thành phố Paris một thời. Từ những đường cong bay lượn của kiến thức Art Nouveau tới những hình thể phóng túng của nghệ-thuật trừu tượng, chỗ đứng của bích chương đã được

xác định rõ rệt trong khung cảnh nghệ-thuật hiện đại. Và đó là một chỗ đứng đặc biệt: không phải chỉ như một khía cạnh của sinh hoạt thương mại thành thị, mà là một tiếng nói tạo hình có tính cách phổ biến, một thứ ký hiệu linh động của đời sống bấy giờ.

Trong những thập kỷ gần đây, ở Sài Gòn có hai cuộc triển lãm bích chương, đều do các cơ quan văn hóa ngoại quốc tổ chức. Một ở Trung tâm Văn hóa Pháp, gồm một số bích chương quan trọng từ Toulouse-Lautrec tới Paul Colin. Một ở Trung tâm Văn hóa Mỹ, gồm một số bích chương hiện đại của Mỹ. Số lượng khiêm tốn những bích chương được trưng bày trong hai cuộc triển lãm trên cũng đã cho thấy phần nào bước liên tục trong sự phát triển nghệ thuật bích chương. Một trong những cái duyên dáng ở những tác phẩm của Mucha, Chéret hay Toulouse-Lautrec là cái phong thái đặc biệt của kiểu thức *Art Nouveau* mà sự ca ngợi những đường cong bay lượn tự do đã mở ra một cảm thức mới cho quan niệm tạo hình giữa cái thực tại và cái trang trí. Cái duyên-dáng của kiểu-thức *Art Nouveau* ấy sẽ được dễ-dàng nhìn thấy lại nơi Phòng Triển-lãm Bích-chương hiện-đại Mỹ, mặc dầu cả một khoảng cách bao nhiêu phong-trào nghệ-thuật liên-tiếp thay đổi: từ những dạng-thức biểu-hiện, qua kiểu-thức lập-thể, qua những khuynh-hướng trừu tượng quá-khích nhất, qua những trường *Bauhaus*, *Dada* và Siêu-thực, tới những khám-phá của nghệ-thuật *OP*, của nghệ-thuật *POP* và của nghệ-thuật gọi là *tâm hoức* (psychedelic). Nhưng điều đáng lưu-ý ở đây không phải là nhìn lại một quán-niệm nào đó đã làm nảy sinh *Art Nouveau* nơi phong-trào *hippy* hay nơi kiểu-thức *tâm hoức*, nhớ lại hình-ảnh cái xe hơi hay cái khinh-khi-cầu hời đó qua cái phi-thuyền cầu-ký của David Schiller bấy giờ chẳng hạn, mà là ghi nhận một cốt-cách nào đó của nghệ-thuật bích-chương vẫn được giữ nguyên-vẹn trong suốt nửa thế-kỷ qua. Những kiểu-thức, những màu sắc hình-thể không ngớt thay đổi, nhưng cái tinh-thần - nếu có thể gọi như thế - xử dụng những kiểu-thức, những màu sắc hình-thể ấy vẫn nắm trọn vẹn nơi cái ham-hỗ một ngôn-ngữ hình-thể có tác-dụng trực-tiếp với thị-giác của đám đông.

Cái tinh - thần đó đưa người làm bích - chương tới vai trò của một nhà đạo-diễn của đường phố, vì nghệ thuật bích chương quả là một nghệ thuật được quan - niệm từ đời sống đường phố. Và sự thành công của nó là ở chỗ phải đánh thức được cái hứng thú thị giác tách rời khỏi những yếu-tố vật chất sơ khởi, những yếu-tố của thương-mại chẳng hạn. Trong viễn tượng đó, những biến thể của kiểu thức và kỹ thuật - những chủ đích quảng

đạo thương mại, coi như một yếu tính sơ khởi của bích chương, có thể bị quên lãng hầu — chỉ là đáp ứng hiển nhiên cho những đòi hỏi giống như ở bình diện nghệ thuật tạo hình mà một thói quen nào đó đã gọi là *thuần túy*. Với phong trào bích chương hiện đại, bích chương không còn chỉ ở ngoài đường phố mà xâm nhập vào tận những căn phòng ấm cúng, sự kiện này vừa cho thấy một đồng nhất tính của nghệ thuật tạo hình trong bao nhiêu kỹ thuật riêng lẻ, vừa nhắc lại một bản chất vẫn dính liền đời sống của nghệ thuật: bích chương trong căn phòng là vang bóng của đường phố như một thiên nhiên mới, hay thật ra chính là những vang bóng liên tiếp của tương quan con người và khung cảnh, mà hình ảnh cảm động lâu bền có lẽ là những hình vẽ không bao giờ phai trên vách đá, ý hiệu tập thể của đời sống hàng ngày, vốn dĩ là những đường phố sơ khai.

NGUYỄN ĐỒNG

● TUỔI TRẺ VIỆT-NAM : TUỔI NHẤT CHỈ MÀI CHẾT ĐỂ NÓI NÊN LỜI.



Thân gửi M., C., và J.,

Tôi đã gặp các bạn lúc mới ra tù. Nhìn M. cộc cạch trên chiếc áo-bay-lết cũ, chạy chỗ này chỗ nọ giúp đỡ mấy cơ quan từ thiện V.N. trước khi lên đường qua mấy nước bạn vận động xin giúp đỡ thêm quỹ cho trường xã hội. M. nói có lẽ tôi sẽ bị trục xuất vĩnh viễn khỏi V.N., và nếu điều bất hạnh này xảy ra thì M. sẽ trở về nước tiếp tục học hành và cũng đồng thời vận động cho hòa bình V.N.

C. nghe nói ở đây đã được mấy năm, hồi tôi mới vào tù. C. cũng như M., nhưng C. không may mắn là người Nhật-bản như M., gần giống người V.N. nên dễ gây cảm tình và có thể đi đây đi đó ít bị ai dòm ngó. C. có mớ tóc vàng và màu da trắng của người Âu, nên vấn đề hòa đồng với người V.N. hơi khó khăn. C. cũng đến đây mang nhiều hoài bão của tuổi trẻ trời Âu muốn làm những việc gì giúp ích được cho dân tộc tôi, ước mong chuộc lại những lỗi lầm xa cũ của thế hệ thực dân trước.

Tôi cũng quen biết J. nữa. J. cũng như C., đã đến đây từ miền

Mỹ châu xa xôi với những ước vọng của tuổi trẻ mong muốn hàn gắn ngay, trong thế hệ này, những bạo tàn do chính người da trắng tạo ra trên xứ sở chúng tôi.

Cả ba bạn đều xuất thân từ những gia đình trung lưu, trầm lặng và dè dặt nhất của xã hội kỹ thuật. Các bạn đến đây với một tâm tình, với một nỗi niềm thao thức, mong đem tuổi trẻ mình góp phần phụng sự một cái gì cao cả. Cả ba bạn đều nói tiếng Việt rành rõi và chịu khó học hỏi để hòa mình vào nếp sống V.N. Các bạn đều đến đây đúng lúc cuộc chiến tranh đang tàn phá dân tộc tôi vào cái độ ghê gớm nhất. Cuộc nội chiến Quốc Cộng sản có giữa người Việt, lúc đó lại cộng thêm sự can thiệp vũ lực của ngoại bang. Đồng thời tại các đô thị miền Nam đang trải qua một cuộc xung đột trầm trọng do những mâu thuẫn từ bên trong giữa những phe phái gọi là quốc gia. Tôi nói vào cái lúc các bạn tới V.N., vào cuối năm 1966. Lúc đó tôi còn ở trong tù, tiếp theo cuộc đấu tranh đẫm máu và nhiều âm mưu đối gạt.

Các bạn nói rằng, lúc ban đầu mới qua đây, các bạn cứ định mình chỉ làm những công tác xã hội, tìm cách hàn gắn vết thương do chiến tranh gây lên đây đây là đủ rồi. Nhưng vào lúc này, thì chính các bạn đã tự thú rằng, mọi việc làm ở đây cuối cùng đều có tính cách chính trị, đầu cho mình có muốn tránh nó, nó cũng đeo đẳng bám víu mình mãi. Phát khởi đi từ ý hướng hòa bình, với những ý tưởng đầy tính cách nhân đạo, mà cả truyền thống lâu dài đất nước các bạn đã hấp thụ cho, các bạn tưởng rằng với thiện chí, với ý hướng hướng thiện để phụng sự là đủ rồi. Để rồi các bạn mới nhìn thấy nhân sinh quan mình đồ vỡ dần, và cuối cùng phải có thái độ chính trị, phải hành động chính trị.

M. đã không được tái cấp chiếu khán vào nước vì tích cực vận động cho các phong trào hòa bình V.N. C. cũng trở về luôn bên kia trời Âu và khó mà trở lại với hồ sơ đen ghi hành vi có hại cho chính quyền miền Nam. Và J. cũng vừa mới lên đường về nước luôn, sau một cuộc biểu tình nổi lên khát vọng hòa bình. Những người bạn nào ra đi cũng tạo nhiều luyến tiếc, nhất là các bạn, những người đã quá tha thiết với dân tộc đau khổ này. Nhưng riêng tôi, tôi lại vui mừng khi nhìn thấy chính tâm tình của các bạn đã hoàn toàn đổi thay. Các bạn không còn ngạc nhiên nhìn anh em V.N. chúng tôi tranh đấu, nhiều lúc có tính cách bạo động nữa, như hồi mới qua đây. Các bạn đã thú nhận là đã am hiểu được tại vì sao tuổi trẻ V.N. luôn luôn phải nổi loạn, phải liên tục đấu tranh.

Các bạn xuất thân từ giới trung lưu của những nước thanh bình, thuộc cái đa số thâm lặng, không dễ dàng chấp nhận ngay được những cuộc xuống đường biểu tình mà đa số các bạn cho là quá khích, tại ngay nước nhà các bạn.

Nhưng tuổi trẻ tại nước các bạn, ở Nhật, ở Âu Mỹ chỉ mới đứng lên bày tỏ nổi bất bình của mình, với những lý do hoàn toàn thuộc về tinh thần, thuộc về đạo đức chống kháng lại một xã hội tiêu thụ vô nhân, đang kèm kẹp con người hiện đại và siết cổ luôn các dân tộc nghèo. Và các bạn đã phải nhìn nhận rằng tuổi trẻ V.N. hoàn toàn có lý khi phải đứng dậy. Vì trong hoàn cảnh bản thân bị áp bức, bị nền văn minh da trắng tàn bạo áp chế như thế này mà không đứng dậy, là cả một sự hèn nhát, ích kỷ và có tội đối với dân tộc và nhân loại nữa. Tại vì sao? Tại vì ngoài cái việc tuổi trẻ V.N. bị áp bức về mặt tinh thần, đạo đức cũng giống y như tại Âu Mỹ, với guồng máy tư bản vô đạo, chế độ thối nát già nua, tuổi trẻ V.N. còn có các vấn đề cấp thiết, phải đấu tranh làm chấm dứt cuộc chiến phi nhân và diệt chủng, phải đòi được quyền tự quyết cho dân tộc V.N., phải đòi công bằng nhân đạo cho mọi người, mọi dân tộc trên thế giới, đòi chấm dứt nạn nước lớn dựa vào cường lực, nền văn minh độc tôn bá đạo của chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa tay sai thực dân người bản xứ.

Tôi cũng đã có dịp phân tích cho các bạn thấy, khi các bạn ngạc nhiên vì sao miền Nam V.N. lại có lắm vấn đề nan giải, và người đó thì tại sao vong ngoại quá vậy, nào thân Tây, thân Mỹ, thân Nhật, nào tham nhũng, thối nát,... Chắc các bạn lúc này không còn ngạc nhiên khi tôi giải bày cho các bạn thấy rằng, miền Nam đã từng tích lũy bao nhiêu là nợ bản của bao chế độ. Bọn đốc phủ sứ, bọn lại căng tay sai thực dân Pháp, bọn cầu cạnh Nhật, những kẻ quyết tâm phung sự bất cứ loại ngoại bang nào có súng đạn, có tiền bạc. Nhưng mặt khác các bạn cũng đã nhìn thấy miền Nam cái hùng với hàng trăm năm lịch sử đấu tranh kháng Pháp, với những cuộc đấu tranh to lớn vang dậy thế giới suốt mấy năm qua. Và tôi nghĩ rằng xã hội này càng rửa nát bao nhiêu thì trái lại nó lại càng phát sinh nhiều hoa quả tốt đẹp bấy nhiêu. Thật tiếc quá cho các bạn, những hoa quả tươi tốt đó các bạn không có dịp được gặp, hay gặp rất ít. Chúng nằm trong bóng tối, khó mà nhìn tận mắt nhưng có mặt khắp nơi.

Và chắc là hôm nay, vào những ngày cuối cùng của các bạn

trên đất nước này, các bạn đã gặp mặt được một số ít tuổi trẻ ưu tú đó của V.N., giữa lòng các đô thị. Nhưng các bạn gặp họ quá trễ, phải không các bạn. Vì đã mấy năm rồi, các bạn đâu có nhìn thấy họ, gần gũi với họ, mà chỉ gặp toàn bọn giả nhân giả nghĩa, nhân danh tuổi trẻ V.N., trong các loại hội đoàn lấy tiền Mỹ đi pít-nít, lấy tiền chính quyền đi làm việc từ thiện nửa chừng. Các bạn đã gặp bọn tuổi trẻ giả mạo V.N. này tại các cơ sở sang trọng nằm tại trung tâm các đô thị xa hoa. Chứ đâu phải như ngày hôm nay, tại các đường phố đầy hơi lựu đạn cay, tại các cuộc họp mặt ca hát trên sân đất nghèo nàn, hoặc tại các trại công tác khu cô nhi chiến tranh cơ cực...

Các bạn đã gặp, như lời thơ anh T.T.L. :

tuổi xuân Việt-nam

tuổi làm lịch sử

tuổi Nhất chi Mai chết để nói nên lời

tuổi thanh niên đứng dậy kêu đòi

Độc lập Hòa bình

Công bằng Nhân đạo

(...)

tuổi thiếu nữ Việt-nam

trương ngọn cờ oanh liệt

lao mình vào giữa phố phường đông

(...)

Và còn nhiều nữa, tuổi trẻ nổi loạn V.N. khắp rừng già, đồng lúa, giữa lòng đô thị. Tuổi trẻ V.N., tuổi Nhất chi Mai chết để nói nên lời...

Thân mến,

HOÀNG THÁI NGUYỄN

Viết nhân mùa nhập học khóa mùa Thu của M., C. và J.





tài liệu :

Ảnh hưởng của thuốc khai quang tại miền Nam Việt-nam

Bà PHẠM CAO DƯƠNG

I. LỊCH TRÌNH KHAI QUANG Ở VIỆT-NAM :

Từ cuối năm 1961, một nhóm cố-vấn quân sự Hoa-kỳ bắt đầu thí nghiệm dùng máy bay rải các hóa chất để khai quang cây cỏ hai bên đường và sông ngòi ở miền Đông Saigon.

Mục đích của việc khai quang này là làm cho hai bên đường và hai bên bờ sông được trống trải, Việt-cộng không có chỗ ẩn nấp để phục kích quân đội đồng minh.

Diện tích khai quang trong thời kỳ này không biết rõ là bao nhiêu nhưng kết quả được coi là hữu hiệu về phương diện quân sự.

Tháng Giêng năm 1962, nhà cầm quyền Việt-nam Cộng-hòa và giới chức Hoa-kỳ cùng ra thông cáo thực hiện chương trình kế hoạch khai quang để *bảo vệ các trục giao thông và cải thiện kinh tế quốc*

gia. Theo kế hoạch này thì 100 km đường từ Biên-hòa ra Vũng-tàu được khai quang đầu tiên (1). Nhà cầm quyền Việt-nam Cộng-hòa cũng tuyên bố sẽ rải thuốc khai quang lên cả các đồng khoai, sản của Việt - cộng trên vùng cao nguyên để triệt nguồn lương thực của quân du kích Cộng-sản. Công tác này không được một số giới chức Hoa-kỳ tán thành vì họ e ngại Hoa-kỳ phải chịu trách nhiệm về một cuộc chiến tranh hóa học và sinh thực học (chemical and biological warfare).

Giáo sư Roger Hilsman, trước là Giám đốc Tinh báo và Nghiên cứu ở Bộ Quốc phòng, hiện là Giáo sư ở Đại học Columbia, sau khi đi khảo sát vấn đề này ở Việt-nam về đã tuyên bố : « Việc khai quang gây bất lợi về chính - trị »

(1) *New York Times*, tháng Giêng năm 1962.

mà kết quả về quân sự không rõ ràng (2). Ông đã dẫn chứng lời Đại tá Serong, đại diện quân đội Hoàng gia Úc nói rằng: Nếu chưa khai quang thì Việt-cộng núp dễ nhưng khi khai quang rồi thì họ sẽ có một xạ trường (field of fire) tốt.

Đầu năm 1966, một nhóm gồm 29 khoa học gia Hoa-kỳ dưới sự hướng dẫn của Tiến sĩ John Edsall, Giáo sư sinh thực hóa học ở Đại học Harvard đã kêu gọi Tổng thống Johnson cấm dùng thuốc khai quang ở Việt-nam và cho rằng sự sử dụng các hóa chất đó là man rợ bởi vì chúng không được lựa chọn cẩn thận. Cuối mùa Hè năm đó, để hỗ trợ cho sự kêu gọi trên, 22 khoa học gia Hoa-kỳ, trong đó có bảy nhân vật được Giải thưởng Nobel, đã gửi một bản kiến nghị yêu cầu Tổng thống Johnson ra lệnh ngưng khai quang ở Việt-nam. Cũng vào cuối năm đó, Tiến sĩ Edsall và Tiến sĩ Matthew S. Meselson, đều là Giáo sư sinh thực vật ở Đại học Harvard, đã lấy được chữ ký của 5.000 khoa học gia hưởng ứng kiến nghị trên.

Các kiến nghị trên đây không được sự hưởng ứng của nhà cầm quyền Hoa-kỳ vì năm 1966 diện tích khai quang tăng gấp hai năm 1966 và mùa màng cũng bị thiệt hại gấp đôi năm 1966. Sở dĩ như vậy vì theo Bộ Tư lệnh Liên quân do tướng Maxwell Taylor cầm đầu thì khai quang là thứ khí giới hữu ích lớn lao về quân sự.

II. KỸ THUẬT KHAI QUANG :

A) Thuốc khai-quang :

Công tác nghiên cứu thuốc khai quang đã được thực hiện từ Thế chiến thứ II ở Trung tâm Nghiên cứu Chiến tranh Sinh Thực vật thuộc Camp Detrick, Maryland — Hoa - kỳ. Sau chiến tranh, nhiều chất khai quang do Trung tâm trên tìm ra đã được một số nông gia dùng trong các công việc phá rừng và các loại cây cỏ xấu.

Các hợp chất thông dụng là :

1) *Hợp chất vàng cam* : 2,4-D và 2,4,5-T :

Cấu tạo : gồm các chất n-butyl esters của acit 2-4 dichlorophenoxyacetic (thường gọi là 2,4 - D) và acit 2,4,5 - trichlorophenoxyacetic (thường gọi là 2,4,5 - T) theo tỷ lệ 1/1.

Hình thức thực dụng là 4,1 và 4,4 Lb/gallon.

Cách sử dụng : 3 gallons một mẫu Anh (Acre), dùng không pha loãng, thường rắc thêm lần thứ hai.

Tác dụng chính : chống lại thảo mộc ở rừng.

Mức độ nhiễm độc của các hóa chất này đối với súc vật và con người có lẽ đáng kể nên Bộ Canh nông Hoa-kỳ, Cơ quan Quản trị Thực phẩm và Thuốc men, Sở Phụ trách Cá và Hoang sinh đều đã

(2) R. Hilsman. *To move a Nation*, Columbia, USA 1962.

không cho bán và sử dụng thuốc này.

Loại thuốc này nhà cầm quyền chỉ cho rắc tại vùng rừng Việt-nam. Hóa chất này ít đọng trên mặt đất, sau khi rắc thuốc một thời gian ngắn (một tuần hay một tháng) thuốc hết ảnh hưởng. Trong hai chất trên thì 2,4-D được dùng nhiều hơn vì rẻ hơn. Hợp chất vàng cam thường dùng để khai quang hai bên đường xe và hai bên các trục lộ chính, và các bụi cây trong các đồng nuôi gia súc. Chất 2,4,5-T đặc biệt rất có hiệu lực đối với loại cỏ lớn trong rừng.

Từ năm 1915 đến năm 1963, Hoa-kỳ sản xuất từ 917.000 pounds đến 115 triệu pounds. Đến năm 1963, lượng hóa chất đã dùng nhiều đến 271 o/o so với năm trước.

Năm 1960, có đến 3 o/o diện tích Hoa-kỳ được rắc loại thuốc này. Có lẽ vì việc dùng hóa chất loại này quá phổ thông ở Hoa-kỳ nên việc dùng khai quang ở Việt-nam không được báo chí nói đến nhiều. Hợp chất này cũng được dùng ở Puerto Rico và Thái-lan trước khi dùng ở Việt-nam Cộng hòa.

2) Hợp chất đỏ tía :

Cũng gồm các hóa chất như hợp chất vàng cam nhưng thay đổi ít nhiều phân tử và được dùng để tẩy thế loại trên.

3) Hợp chất trắng :

Cấu tạo : Gồm 4 phần Tri-iso-

proponolamine, muối của 2,4-D, trộn với một phần acid 4-amino-3,5,6-trichloropicolinic pha nước (cũng gọi là chất Picloram hay Dowco «Tordon», vì do công ty Dow sản xuất, hợp chất tương tự gọi là «Tordon - 101 »).

Hình thức thực dụng : 2 hay 0,54 Lb/gallon.

Cách sử dụng : 3 gallons trên một mẫu Anh, không pha loãng.

Tác dụng chính : Hợp chất này dùng để phá rừng giống như hợp chất vàng cam nhưng hợp chất này đọng ở trên mặt lâu hơn nên có hiệu lực dài hơn.

Tiến sĩ Arthur W. Galston, Giáo sư Sinh vật học ở Đại học đường Yale đã mô tả chất Picloram tương tự như DDT và một bài trong cuốn sách «Down to Earth» của công ty Dow Chemical Company ấn hành đã viết rằng từ 80 đến 86, 5 o/o chất này đọng lại trên đất đai trong vòng 477 ngày sau khi rắc thuốc.

4) Hợp chất xanh lơ : là acid cacodylic pha loãng trong chứa 54 o/o arsenic.

Cấu tạo : chất này gồm 6 phần sodium dimethyl arsenate và 1 phần acid dimethyl arsenic pha với nước (cũng gọi là acid cacodylic hay Ansul có vì do công ty Ansul sản xuất).

Hình thức thực dụng là 3,1 Lb/gallon.

Cách sử dụng : đem dùng không pha 3 gallons/1 mẫu Anh.

Tác dụng chính : để phá các đồng lúa và hoa màu.

Theo sách chỉ dẫn về Hóa chất « Merk Index » thì chất này là một độc được. Chất này chỉ được dùng trong vùng mà Bộ canh nông Hoa-kỳ cho phép để phá các hoa màu xấu.

Chất này đã được dùng ở Việt-nam 7,5 lần nhiều hơn tỷ lệ cho phép dùng ở Hoa-kỳ và đã xử dụng đến 5.000 tấn để xịt trên ruộng lúa và các cánh đồng thảo mộc.

B) Phương pháp rắc thuốc :

Việc khai quang ở Việt-nam do phi đoàn đặc nhiệm « 12th Air Commando Squadron » của không quân Hoa-kỳ — xuất phát từ Biên-hòa và xử dụng phi cơ chuyên chở cỡ lớn C-119. Mỗi phi cơ chở được một thùng chứa đến 1.000 gallons. Mỗi khi có công tác khai quang, thuốc khai quang được đựng trong những thùng chứa

lớn này và xịt xuống từ độ cao 150 feet, dưới áp suất 36 Nozzle trên cánh và thân phi cơ.

Mỗi phi cơ ngoài viên hoa tiêu và phu hoa tiêu còn có một chuyên viên ngồi ở đuôi máy bay để điều chỉnh máy rải thuốc. Mỗi phi cơ rải được 1.000 gallons trong 5 phút (3 gallons một mẫu Anh). Trong tình trạng khẩn cấp có thể rải hết trong vòng 30 giây.

Nhà cầm quyền quân sự mệnh danh chiến dịch khai quang là Chiến dịch Hades (Operation Hades) hay Operation Ranch Hand. Đối với dân chúng, người ta gọi là « chương trình phá hủy lương thực địch » (food-denial program).

III. DIỆN TÍCH VÀ KHU VỰC KHAI QUANG :

A) Diện tích khai quang :

Từ năm 1962 đến 1969, diện tích khai quang đã được thực hiện như sau :

DIỆN TÍCH RỪNG VÀ RUỘNG LÚA ĐÃ KHAI QUANG (3) (đơn vị là Acre)

Năm	Tổng số diện tích	Diện tích rừng	Diện tích lúa và hoa màu
1962	5.600	4.900	700
1963	24.900	24.700	200
1964	93.900	83.500	10.400
1965	221.500	153.600	65.900
1966	845.200	741.200	104.000
1967	1.707.700	1.486.400	221.300
1968	1.370.800	1.267.100	63.700
1969	1.000.000	778.688	221.312

B) Khu vực khai quang :**1) Khai quang rừng sát :**

Rừng sát là nơi cây thưa và thấp nhưng ở gần các trục giao thông, được coi là mục tiêu khai quang chiến thuật.

Khu vực bị khai quang mạnh nhất là *Đặc khu Rừng Sát*. Khu vực này nằm ở hai bên bờ sông Soai-rap và sông Lòng-tảo, hai thủy lộ chính để tàu bè đi từ Vũng - tàu vào thương cảng Saigon.

Chương trình khai quang Rừng Sát, bắt đầu từ năm 1966 và liên tiếp trong hai năm 1967, 1968. Đến cuối tháng Giêng năm 1968 đã có 460km² Rừng Sát bị khai quang. Người ta đã dùng trực thăng bay cao 300m để khai quang rừng này.

Rừng sát ở bán đảo Cà mau cũng bị khai quang nhưng bằng máy bay C. 123 và bay cao 700m. Việc khai quang bán đảo Cà mau cũng để bảo vệ đường giao thông từ Đông hải vào vịnh Thái lan bằng sông Ông Đốc.

2) Khai quang rừng già :

Rừng già là nơi Việt-cộng lợi dụng cây cối cao và dày để lập các chiến khu nên là mục tiêu khai quang chiến lược.

Các khu vực khai quang nằm trong chiến khu C và D của Việt-cộng. Chiến khu C nằm ở phía Tây Bắc Saigon giữa biên giới Việt - Kampuchea và sông Bé ; chiến khu D nằm ở phía Đông Bắc Saigon, giữa sông Bé và sông

Đồng nai.

Chiến khu C bị khai quang vào khoảng 920km² và chiến khu D vào khoảng 1.920km² (4).

Việc khai quang các chiến khu này thực hiện bằng máy bay C.123.

Các khu vực khoai và sắn bị khai quang, cũng nằm ở các khoảng trống của hai chiến khu này.

IV. ẢNH HƯỞNG CỦA THUỐC KHAI QUANG ĐỐI VỚI SINH MÔI (ÉCOLOGIE) TẠI NAM VIỆT-NAM :

A. Ảnh hưởng của sự khai quang đối với khí hậu :

Nếu có sự thay đổi rộng lớn về thảo mộc (rừng, đồng cỏ) hay đất bị trơ trụi cây cỏ thì có thể làm khí hậu thay đổi (diện tích nhả hơi nước giảm, không khí ít hơi nước khó có mưa). Tình trạng này sẽ gây ảnh hưởng rõ rệt nếu xảy ra trong vùng khô hạn nhưng ở Việt-nam Cộng-hòa vì không khí có ẩm độ cao, mưa nhiều, nên ảnh hưởng của việc

(3) - Từ 1962 đến 1968 theo tài liệu của American Association For the Advancement of Science (Thư gửi Ông Giám đốc Viện Khảo cứu Bộ Canh nông)

- Năm 1969 theo Thomas White Side, *Defoliation*, «The New Yorker» ngày 7 tháng 2 năm 1970.

(4) F. H. Tschirley, *Defoliation in Việt-nam*, Tạp chí «Science», ngày 21-2-1969.

khai quang đối với khí hậu coi như không đáng kể.

B) Ảnh hưởng của thuốc khai quang đối với đất đai :

Mối quan tâm chính của việc khai quang là đất đai bị hóa đá ong.

Đá ong là do sự biến thể của đất có tỷ lệ oxyt sắt và oxyt nhôm cao mà ra.

Đá ong được bành trướng mau khi có các yếu tố sau :

- Khí hậu nóng và mưa nhiều.
- Địa thế bằng phẳng (bản hình nguyên chẳng hạn).
- Đất đai phải ở vùng thoát nước tốt. Thường là đất bồi nhưng đặc biệt phải có tỷ lệ sắt cao.
- Mực nước lên xuống đều đặn và mực nước về mùa khô phải thật thấp.
- Điều kiện địa chất chắc chắn và phải có từ lâu.

Ở Việt-nam, 30% đất đai có khuynh hướng đá ong hóa (5). Nhiều nơi tại Việt-nam, đất đỏ cũng thường cứng lại khi bị khô và mềm ra khi bị ẩm. Đó là tính chất của đá ong.

Có hai loại đá ong thường thấy ở Việt-nam Cộng-hòa là :

a) *Đá ong lỗ (Wormhole laterite)* : thường cứng lại thành từng lớp dày từ 0,30 đến 10m ở vùng thoát nước. Loại đá ong này mẫu từ đỏ đến nâu, có nhiều lỗ thông nhau (nước thấm qua rất mau). Loại này thấy nhiều ở các vùng bậc thềm sông Cửu long, cả vùng đất rừng cũng như vùng đất đã

cây cấy.

b) *Đá ong sỏi (Pellet laterite)* : không bị cứng lại và trông như có những cục nhỏ, thường thấy trong vùng đất có nhiều sắt và nhôm. Loại đất này có những mảnh sỏi ở giữa các vật liệu gồm các hạt mịn như loại cát thạch anh có lẫn sắt. Đất này khi ẩm hóa thành đất sét.

Đá ong cục thấy ở trong vùng cao nguyên đá huyền-vũ, vùng đất có nhiều sắt ở bậc thềm sông Cửu long, cao nguyên Ban-mê-thuôt, sườn phía Tây cao nguyên Pleiku, từng khu nhỏ chung quanh tỉnh lỵ Quảng-ngãi. Đá ong cục còn thấy ở Bồng-sơn và Qui-nhơn.

Việc hóa đá ong trong tình trạng bình thường rất lâu. Nếu đất bị khai quang không có gì che chắn nắng mặt trời và gió, sự hóa đá ong sẽ mau hơn.

Ở các khu chung quanh các trại Lực lượng Đặc biệt Thiện ngôn, Katum, Tống lê Chân, Bù đắp, các nơi đã bị khai quang, đất đai bị hóa đá ong rất nhiều (6). Việc khai quang làm cho đất bị trơ trụi nên bị xam thực mau hơn. Ngoài ra, thuốc khai quang cũng làm chết một số vi sinh vật ở trong đất mà có lợi cho sự trồng trọt.

Trong các chất khai quang,

(5) J. F. Taranik và E. J. Cording, « Laterite and its engineering properties », Theo F. H. Tschirley, sách đã dẫn, trang 781.

(6) F. H. Tschirley, sách đã dẫn, tr. 781.

hợp chất trắng không làm chết các vi sinh vật, song các vi sinh vật cũng không thể gia tăng khi đất bị rắc loại thuốc này.

Người ta tính rằng một pound thuốc khai quang làm mất từ 10.000 pound đến 100.000 pound chất hữu cơ.

C) Ảnh hưởng của thuốc khai quang trên thực vật :

1) Ảnh hưởng của thuốc khai quang đối với rừng sát :

Rừng sát ở Việt-nam Cộng-hòa chiếm chừng 280.000 mẫu tây, nhiều nhất ở vùng cửa sông Đồng-nai và vùng Cà-mau.

Thảo mộc ở rừng sát gồm các cây Đước, Vẹt, Dà, Mắm, Bần, Cốc, Dừa nước và Chà là.

Trong số các cây trên có nhóm Đước, Vẹt, Dà là quan trọng hơn cả (7).

Từ năm 1961 người ta đã dùng hợp chất vàng để khai quang vùng cửa sông Đồng-nai trên một diện tích 40.500 mẫu Tây. Kết quả là đến 90% cây bị chết (8). Từ năm 1962, người ta thực hiện việc khai quang trên vùng Cà-mau, hai bên bờ sông Ông Đốc (không rõ diện tích).

Tại hai vùng trên, các loại cây bị trụi lá và người ta dự trù phải 20 năm sau mới có thể tái lập tình trạng cũ (9).

2) Ảnh hưởng của thuốc khai quang đối với rừng già :

Rừng già (hay dày) ở Việt-nam Cộng-hòa chiếm phần lớn diện tích miền Đông Nam phần và cao

nguyên miềm Nam.

Rừng già ở Nam phần có các cây gỗ chính như Dầu, Sao, Dầu con rái, Dầu song nòng, Gõ, Cẩm xe, Bàng lằng, Vấp.

Rừng già ở Trung phần có các loại gỗ như Lim, Giẻ, Dầu, Chò chỉ, Kiền kiền, Dáng hương (10).

Các khu vực rừng già bị khai quang là chiến khu C và chiến khu D. Diện tích bị khai quang tới 8.140 km² (11).

Đối với các rừng già ở Việt-nam, công tác khai quang bằng máy bay rắc 3 gallons/một mẫu Anh chỉ làm chết một số cây. Một số khác bị rụng lá và rừng chỉ thưa bớt đi một thời gian. Độ vài năm sau rừng cây lại có tình trạng như cũ (12).

Tại nhiều nơi, nhất là các chỗ gần trục lộ và đồn bót, khi lá cây mọc lại người ta lại phải khai quang lần thứ hai.

Ở vùng trại của Lực lượng Đặc biệt Katum, người ta khai quang bằng hợp chất trắng ngày 9-11-1966 và tái khai quang hợp chất

(7) Thái công Tung, *Hiện trạng và triển vọng trong sự xử dụng đất đai tại miền Nam Việt-nam*, Sở Thông-tin và Quảng bá Nông nghiệp, Saigon 1965, tr. 22.

(8) Thomas White-Side, sách đã dẫn, tr. 37.

(9) F.H. Tschirley, sách đã dẫn, tr. 782.

(10) Thái Công Tung, sách đã dẫn, tr. 20.

(11) F.H. Tschirley, sách đã dẫn, tr. 783.

(12) F. H. Tschirley, sách đã dẫn, tr. 783.

vàng cam ngày 23-9-1967. Tỷ lệ cây chết ở đây cao nhất.

Tuy nhiên ở đó đất đai cũng chưa trơ trụi hẳn, có nhiều loại cỏ không chết sau khi khai quang và một số khác chỉ hồng lá rồi lá khác lại tiếp tục mọc ra.

3) *Ảnh hưởng của thuốc khai quang đối với rừng tre:*

Rừng tre ở Việt-nam Cộng-hòa thấy ở Phước-long (Bắc sông Bé) và Kontum. Diện tích rừng tre ở miền Cao-nguyên chừng 100.000 mẫu tây (13).

Tre còn mọc lẫn với các khu rừng khác, tại các khu rừng thưa hay dày, nhất là nơi thổ dân đã đốt rừng làm rẫy.

Tre đặc biệt không bị tàn phá khi khai quang. Bởi vậy Tschirley đã lo ngại viết: « Mối nguy hiểm nhất của sự khai quang liên tiếp ở Việt-nam là các rừng bị tre xâm lấn » (14).

4) *Ảnh hưởng của khai quang đối với các đồn điền cao su:*

Năm 1966, công tác khai quang đã gây thiệt hại nặng cho đồn điền Michelin ở Tây Bắc Saigon. Tiền bồi thường cho đồn điền này lên đến một triệu Mỹ-kim (15). Năm 1967 quỹ bồi thường lên đến 3.600.000 Mỹ - kim (16) phần lớn cho thiệt hại vì lý do khai quang.

Thiệt hại về khai quang bay cả sang đến Kampuchea. Ngày 2-6-1969, chính phủ Kampuchea phản đối chính phủ Hoa - kỳ đã rắc thuốc khai quang ở Tây-ninh và để thuốc bay sang Kampuchea làm tổn hại cho các đồn điền cao

su và vườn cây Kampuchea (17). Họ đòi bồi thường 8,5 tỷ Mỹ-kim cho 24.000 mẫu Anh cây cối thiệt hại.

Hai phái đoàn Hoa-kỳ đã được gửi sang Kampuchea (một chính thức và một do chính phủ Kampuchea mời) để điều tra. Họ cho biết 1/3 số cây cao su bị tổn hại và sự sản xuất cao su sẽ bị sút giảm đến 20 năm. Từ tháng Năm đến tháng Mười một năm 1969, sản lượng cao su ở các đồn điền này đã giảm từ 350/o đến 400/o.

5) *Ảnh hưởng của thuốc khai quang đối với lúa và hoa màu:*

Mục đích của công tác khai quang cũng nhằm vào việc phá hoại các khu vực sản xuất, lương thực của địch, thường là các đồng khoai sắn nằm lẫn giữa rừng già và rừng thưa. Tuy nhiên thuốc khai quang cũng bay sang các đồng lúa và hoa màu của những làng nằm ở ven rừng. Những cây rất nhạy cảm với thuốc khai quang như:

— Cây có múi: Cao su, chuối, mít, khoai mì.

— Cây rừng: Dương liễu.

(13) Thái Công Tung, sách đã dẫn, tr. 21.

(14) F. H. Tschirley, sách đã dẫn, tr. 784.

(15) Thomas White-Side, sách đã dẫn, tr. 36.

(16) Thomas White-Side, sách đã dẫn, tr. 37.

(17) Theo phái đoàn Điều tra Hoa-kỳ thì dường như máy bay khai quang đã bay ngang vùng này — White-Side, tr. 38.

Những hoa màu kém nhạy cảm với thuốc khai quang như:

- Dừa (trừ dừa nước).
- Đậu phộng.
- Đậu nành.

Nhiều nơi lúa và khoai sắn bị hết hoàn toàn. Có những chỗ bị ảnh hưởng ít, lá cây bị quăn lại và sản lượng coi như không đáng kể.

D) Ảnh hưởng của thuốc khai quang đối với động vật:

1) Ảnh hưởng đối với người:

Cuối năm 1969, một số nhà sinh thực vật học Hoa-kỳ đã nêu ra sự nguy hại cho con người do thuốc khai quang gây ra nhất là loại 2,4,5-T. Họ cho rằng thuốc này đã làm giảm việc sinh nở và gây ra bệnh ung thư (18). Theo kết quả của Viện Ung-thu quốc-gia Hoa-kỳ, cơ quan được nhà nước thuê nghiên cứu vấn đề này thì thuốc 2, 4, 5-T không gây ra bệnh ung-thu cho các sinh vật (19). Kết quả này không được các nhà khoa học tin tưởng lắm vì đó là do cơ quan của chính phủ.

Kết quả của các cuộc điều tra được giữ mật song đầu năm 1970, Bộ Quốc phòng Hoa-kỳ tuyên bố sẽ cấm dùng thuốc 2,4,5-T ở các khu vực có dân chúng.

Theo quan điểm của Tòa Bạch cung thì: «Việc nuốt phải một số trọng thuốc khai quang cao có thể gây ra một số triệu chứng bất thường».

Theo công cuộc nghiên cứu của

một số các nhà sinh thực vật học khác thì:

«Với bất kỳ lượng thuốc nào, vào người bằng đường nào cũng sinh ra cái quái thai như: không mắt, méo mắt, bề khâu cái, to gan, hư thận v.v...»

Các nhà khoa học đã thí nghiệm với các loại thỏ và chuột thì nếu trộn một số lượng thuốc 2,4,5-T độ 21,5 mg/1 kg và 46,4 mg/1 kg (20) với 500/0 mật ong và cho ăn liền từ ngày thứ sáu đến ngày thứ mười lăm sau ngày thụ thai thì 800/0 hư thai, số còn lại thì sinh quái thai.

Nếu ăn phải với một lượng nhỏ hơn thì vẫn sinh quái thai.

Song kết quả này lại bị nhà cầm quyền Hoa-kỳ cho là «không thể so sánh người với chuột và thỏ được».

Cố vấn Khoa học của Tổng thống Nixon khuyên chỉ nên dùng chất 2,4,5-T với tỷ lệ từ 3/4 pound cho một mẫu Anh thì sẽ không gây nguy hại.

Thuốc khai quang sẽ theo nước mưa chảy xuống sông. Nước máy dùng ở Saigon lấy từ sông Đồng-nai có một phần nước ở chiền

(18) Báo cáo của Tiến sĩ Lee Dubridge - Cố vấn Khoa học của Tổng thống Nixon (không được công bố nhưng báo chí nói rằng có người được nghe thấy ông ta trình bày như vậy).

(19) Thomas White-Side, sách đã dẫn, tr. 40

(20) 21,5 mg cho 1 kg trọng lượng súc vật thí nghiệm.

khu C và chiến khu D chảy về qua sông Bé, tất bị nhiễm độc là mối e ngại lớn cho dân Saigon nhất là với các phụ nữ có thai.

Tình trạng này còn nguy hiểm hơn cho dân chúng ở ven rừng nếu uống phải nước sông vì tỷ lệ thuốc còn rất cao.

Thuốc khai quang có thể bay về rơi trên các mái nhà ở các vùng Biện-hòa, Hồ-nai, Bình - dương, Tây - ninh... Nếu hứng nước mưa trên mái đó để uống và nấu cơm thì tỷ lệ thuốc lại cao hơn nữa.

2) Ảnh hưởng đối với cá và cầm thú :

— Việc khai quang ở các vùng rừng sát ngập nước khiến cho cá ở trong vùng này bị chết hay bỏ đi nơi khác.

Tình trạng này đã khiến số cá nước ngọt bị giảm đi từ 64.714 tấn năm 1966 xuống 54.300 tấn năm 1967 (21):

— Đối với các thú rừng người ta chưa rõ ảnh hưởng sau các vụ khai quang ra sao.

Bà PHẠM CAO DƯƠNG

(21) Tài liệu của Agency of International Development qua F. H. Tschiley, sách đã dẫn, tr. 782.

TÌM ĐỌC :

Cơn lốc

tiểu thuyết của ĐÌNH PHỤNG TIẾN

Bên trong

tiểu thuyết của THẢO TRƯỜNG

Cô vũ nữ xứ Izu

truyện của KAWABATA YASUNARI

(Bản Việt-văn : Huyền Không)

nhà xuất bản trình bày



điểm sách:

VIỆT LÝ TO NGUYÊN

của Kim-Định, An Tiêm xb, 1970, 436 trang, 380đ.

« Nho giáo là của Việt-nam, còn Tàu mới chính là dân học mượn viết nhờ ». Đó là khẳng quyết của tác giả Kim Định trong cuốn sách mới xuất bản gần đây nhất.

Kim Định là bút hiệu của Linh mục Lương Kim Định, giảng viên môn Triết học Đông phương (Trung-hoa) tại các Đại học Văn khoa Saigon và Vạn-Hạnh và *Việt lý tổ nguyên* là tác phẩm sắp hàng thứ 10 trong một loạt 12 tác phẩm mà phần lớn đã được xuất bản. Chính khối lượng tác phẩm này đã nâng Kim Định lên hàng một trong những tác giả có nhiều sách biên khảo nhất xuất bản trong thời gian gần đây.

Chủ đích : Người đọc có thể ghi nhận được nơi Kim Định nỗ lực phát khởi một cuộc hành trình trở lại khám phá nền văn hóa nước nhà ngay từ những tác phẩm đầu của ông. Nhưng rõ rệt nhất là qua cuốn *Việt lý tổ nguyên* được xem như là một công trình khảo cổ khác thường, không chỉ ngừng lại trong lĩnh vực khảo cổ nhưng phóng tầm mắt ra xa, bên ngoài, bên trên, bên dưới khảo cổ, lịch sử với mục đích rút ra những nét chủ yếu, căn bản ngầm chứa và sẽ còn trường tồn với dân tộc. Cũng có thể gọi đây là một tác phẩm *triết lý lịch sử* hay đúng hơn *triết lý bằng lịch sử* (nhưng không phải là *sử triết*).

Cuốn sách dày trên 400 trang chia làm ba phần, tổng cộng 22 chương, bàn từ những vấn đề rất « xa xưa » như *nguồn gốc văn hóa Việt-nam, nguồn gốc Việt-Hoa*. . đến những vấn đề hiện đại như *tại sao Trung-cộng đã thắng thế ?...*

Huyền-sử : Tác giả bắt đầu đưa chúng ta trở lại thời huyền sử, tiền sử, khi dân tộc Việt còn lang thang đây đó ở mãi tận miền Bắc Trung - hoa. Sử dụng phương pháp phân tích ý nghĩa,

cơ cấu huyền thoại và huyền sử cũng như phép tán chữ, chiết tự kết hợp với quan niệm vô thức tập thể kiểu Jung, cộng thêm vào những thành quả của khoa khảo cổ học, tác giả cho rằng «lãnh thổ cũ Việt-nam nằm sâu trong nước Tàu» (tr. 67) và ngay từ khởi thủy, quan hệ văn hóa giữa Việt-nam và Trung-hoa đã vô cùng mật thiết (tr. 78).

Việt Nho : Từ đó, tác giả đã phá quan niệm «sai lầm» thờ biến thường xem Nho giáo như là một sản phẩm của Trung-hoa, là công cụ khổng chế nhân dân của đẳng cấp cầm quyền, thống trị Trung-hoa. Thực ra, Nho giáo có một căn bản nhân dân rất lâu đời và rộng rãi mà phần đóng góp của Việt tộc chúng ta là «công đầu» và «căn bản hơn hết» (tr. 99). Phần đóng góp nòng cốt này thể hiện qua sự hình thành của sáu Kinh: Dịch, Thi, Thư, Lễ, Nhạc, Xuân Thu mà sau này, Khổng-tử, người thường được suy tôn như là ông tổ của đạo Nho cũng nhận là mình chỉ «thuật nhi bất tác». Nói khác, sáu Kinh nền tảng của đạo Nho chính là sản phẩm của «nền văn học Việt Nho» (tr.108). Kinh Dịch chẳng hạn chính là nền móng của nền văn hóa Việt; bằng chứng là «các danh hiệu Việt-nam hoàn toàn mang tính cách lưỡng diện như Bồ Cái và các thể chế thói tục như truyện trầu cau v.v...» (tr.111).

Riêng Kinh Thư (cũng còn gọi là Thượng Thư hay Thượng Cồ) thì đã có thuyết cho rằng, tác giả thiên Hồng Phạm — một thiên chủ yếu của Kinh này — ông Vũ, là «một người nếu không gốc Việt thì cũng đã Việt hóa hầu hết», đã từng «lấy vợ Việt và khi chết cũng chôn ở đất Việt là Cối-kê» (tr. 112).

Còn Kinh Lễ, vẫn theo tác giả, «vẽ lại cái lý tưởng sinh hoạt của xã hội Việt tộc ta xưa» (tr. 120).

Kinh Thi : Cũng là một «quyền kinh điển của Việt-tộc» (tr. 125), nhưng rồi về sau đã bị bọn Hán Nho xuyên tạc đi rất nhiều «khiến tôi nóng mặt sừng sừng mỗi khi đọc các chủ sở của lũ Hán Nho» (tr. 125). Ta cũng có thể nói «kinh Thi phản chiếu khá trung thực đời sống tình ái phượng Nam của Việt tộc» (tr. 130).

Kinh Nhạc và Kinh Vũ cũng là những sản phẩm của văn hóa Việt tộc nhưng sau này đã bị bọn Hán Nho càn thiệp danh mất đi.

Nói chung, quyền lợi đẳng cấp, vì bọn Hán Nho đã ra sức bôi nhọ, «đánh dìm» những Kinh Điển tinh túy nói trên bằng cách xuyên tạc hay chen vào những yếu tố nguy trung, ngu hiếu, chuyên chế, phò vua quan v.v... Một hành động cướp công nhân dân, biến

Kinh Điền từ chỗ là những tinh túy của dân gian thành công cụ bóc lột, nô lệ và biện hộ cho một tầng lớp.

Nho giáo đích thực thân dân vì do dân mà ra, bởi dân mà có. Nho « là căn bản của nền quốc học Việt-nam, và nhờ Nho đi tức cũng là nhờ gốc rễ của mình, là bỏ mất những huyết quản tiếp sức sống cho mình » (tr. 157). Đây chính là thăm trạng của cái học hiện đại.

Nho giáo là của Việt-nam, còn Tàu mới chính là dân học mượn viết nhờ. Câu khẳng định trên thoát nghe ai cũng cho là vô lý, ngược đời, nhưng sẽ chẳng còn gì kỳ lạ nữa khi biết thêm rằng : Tàu chỉ là chủ của Nho giáo tự đời Tần Hán mà thôi. Trước đó thì chính chủ là Việt-nam (tr. 163). Và Khổng-tử, người thường được coi là ông tổ của đạo Nho, là một « Việt sĩ » (tr. 253). Ngài là một trong những phát ngôn viên trung thực hơn hết của nền văn hóa Nho Việt », nên « khước từ Khổng-tử là liều mình khước từ cái hồn Lạc Việt, khước từ cái cơ sở tinh thần đã duy trì nước ta tự ngày khai quốc cho mãi tận nay ». (tr. 326).

Ba ý tưởng lớn : Đọc toàn bộ cuốn sách, chúng ta thấy có ba ý tưởng lớn vận hành song song : *một là* vấn đề dòng giống Lạc Việt ; *hai là* ý tưởng coi Nho giáo chính là văn hóa dân tộc nên phải được gọi là Việt Nho, sản phẩm của nền văn hóa nông nghiệp Việt ; *ba là* nỗ lực nhân diện khuôn mặt nền văn hóa đó trong suốt quá trình hình thành và đấu tranh để trường tồn. Sự nhận mặt này rất cần thiết cho việc phát hiện những nét đặc trưng của văn hóa dân tộc.

Tác giả đã nỗ lực khôi phục nền văn hóa dân tộc hầu trăm cái lỗ hổng đang làm phân hóa dân tộc bằng cách định lại giá trị của Nho giáo ; quan niệm Nho giáo không phải là một sản phẩm ngoại lai, ngoại nhập, của Trung-ho : nên đã lỗi thời, cần xa lánh. Trái lại, Nho giáo chứa đựng những giá trị phổ biến của con người đại ngã tâm linh, có giá trị siêu thời gian siêu không gian, cho hết mọi người thuộc mọi địa vực và thời đại. Chính tổ tiên, ông cha chúng ta đã góp phần kiến tạo ra nó ngay từ buổi đầu lập nước, lại là nền văn hóa gần cận với chúng ta lâu hơn hết. Nho giáo vì chứa đựng những giá trị nhân bản trường cửu nên vẫn còn thích hợp và đáp ứng được với yêu cầu văn hóa của nhân dân ta trong giai đoạn hiện tại, miễn là ta hiết trở về nguồn để dãi lọc nó khỏi những bụi bặm thời gian.

Độc đáo : Một người bạn đã có lần nói với tôi : « Cái thứ triết lý của Kim Định thực lười thôi ». Điều này có nghĩa là có sẽ khá nhiều người không đồng ý với quan điểm, lập trường cũng như phương pháp giải thích của tác giả được bày tỏ qua hơn 400 trang sách này. Nhưng, cũng có người coi Kim Định như là « một trong những người minh giải Triết Đông độc đáo nhất hiện nay ở miền Nam ». Tôi đồng ý phần nào với ý kiến sau này. Lỗi tán chữ, chiết tự hay chơi chữ của Kim Định có thể đã đưa tác giả đến những kết luận khá phiêu lưu và đầy thiên kiến, nhưng cũng đã mang lại nhiều lý giải đáng ngạc nhiên và thích thú.

Người đọc cũng thấy tác giả đã cố gắng chiếu dọi vào quá khứ dân tộc một tia nhìn mới, lạ — tuy không dám đoán chắc là xác đáng — chứng tỏ tác giả đã biết vận dụng một cách sáng tạo những tư liệu mà ông có trong tay. Trước « phong trào » tìm về dân tộc, khôi phục văn hóa dân tộc hiện nay, chắc chắn những người quan tâm đến vấn đề không thể bỏ qua quan điểm của Kim Định từng được trình bày nhiều lần trước đây, cũng như hiện nay, qua tập *Việt lý tổ nguyên*, và sau này qua 3 tác phẩm « *Lạc thư minh triết* », « *Vấn đề quốc học* » và « *Triết lý cái đình* » mà tác giả đã hứa sẽ cho ra mắt người đọc trong vòng niên khóa 70-71 này.

Tuy nhiên, điều mà người đọc lấy làm tiếc là suốt đọc cuốn sách, tác giả đã xen vào nhiều đoạn có tích cách ý thức hệ, không mấy cần thiết. Chẳng hạn : « Mác-xít là một ý hệ trưởng giả theo nghĩa là sách vở, phản khoa học, mơ mộng về ngày chung thẩm và độc tài, do đó duy trì và phát triển cùng cực các sản phẩm của xã hội quý phái là giai cấp đấu tranh... Vậy nên từ trong bản chất Mác-xít chỉ là ý hệ nhằm đào sâu thêm hố chia li mà thôi chứ không sửa chữa lại được cái hồng của triết cổ điển » (tr. 158-159). Hoặc : « Marx, Engels, Trotsky, Staline tất cả đều khinh bỉ nông dân và cho là nông dân chỉ còn giúp lịch sử tiến bộ bằng một việc cuối cùng là phải bị tiêu diệt » (tr. 290)...

Người đọc đón mong trong những tác phẩm hứa hẹn sẽ mất một ngày gần đây, những khám phá và đóng góp quan trọng hơn nữa cho văn hóa nước nhà.



● **TRÌNH BÀY số 2 bị tịch thu :**

Cành "Sân" Quận X "Đô" thành "Sai-săng" ngày 18-8-1970 hồi 9 giờ đã tới Tòa soạn Tạp chí **TRÌNH BÀY** để tịch thu số báo thứ 2 theo lệnh của Tổng trưởng Nội vụ VNCH.

Lý do mà nhà cầm quyền miền Nam VN đưa ra để tịch thu là trong số báo nói trên có đăng bài « Máu chúng ta một rừng biểu ngữ » (một bài thơ) « đã phổ biến luận điệu có tính cách xáo động quần chúng gây hoang mang dư luận, phương hại đến trật tự công cộng ».

● **Kỷ niệm Nguyễn Du, năm thứ 206 :**

Lễ kỷ niệm năm thứ 206 sinh nhật Nguyễn Du sẽ được Văn phòng Phủ Quốc vụ Khanh đặc trách Văn-hóa tổ chức trọng thể vào tối thứ Năm 10-9-1970, tức mùng 10 tháng 8 năm Canh tuất tại trường Quốc gia Âm nhạc và Kịch nghệ Saigon. Được biết Trung tâm Văn Bút Việt-nam sẽ phụ trách phần trình bày thần thế và sự nghiệp Nguyễn Du, Hội Văn hóa Bình dân sẽ đảm nhiệm phần phụ diễn, và Đoàn ca kịch Bích Thuận sẽ trình diễn một vở hát bội Kiều.

● **Văn hóa và chính trị :**

« Guồng máy đại học sẽ càng ngày càng tẻ vì do những viên chức của

Chính phủ điều hành, và tôi cũng mong làm cho nó ngày càng tẻ như vậy... Đại học là một bộ máy của Chính phủ, một mảnh vụn của xã hội tư bản... » Trong lá thư bảo đảm ông Bộ trưởng Quốc gia Giáo dục Pháp gởi cho bà Judith Miller, Giáo sư Triết học tại Đại học Vincennes đề báo cho bà này biết ông bắt buộc phải chấm dứt nhiệm vụ của bà ở Đại học, ông không có can đảm nhắc đến câu nói trên của bà Miller. Ông cũng không có can đảm nhắc đến những lý do thái hời hợt những lý do đó không liên quan gì đến nghề nghiệp. « Quyết định trên bắt nguồn từ cấp rất cao. Người ta đã không trừng phạt một tội trạng nghề nghiệp mà là một tội trạng về tư tưởng, » bà Miller tuyên bố với báo chí.

Bà Judith Miller trong niên học vừa qua đã phụ trách giảng dạy hai lớp về những vấn đề thuộc ý thức hệ: lớp thứ nhất nghiên cứu về thành phố Turin, những cuộc tranh đấu của công nhân và vai trò của sinh viên trong các cuộc tranh đấu đó; lớp thứ hai, « Giai đoạn thứ ba của chủ nghĩa mác-lê: chủ nghĩa Mao trạch Đông », đã bị xem như có tính cách « khiêu khích ». Bà đã

chống đối những kẻ hiện đang cầm quyền ở Đại học Vincennes, mà bà gọi là chính quyền, bất hợp tác với thứ hội đồng hỗn hợp không đại diện cho nguyện vọng chung của sinh viên lẫn giáo sư, và quyết liệt đá kích hành động can thiệp của cảnh sát vào Đại học, nhất là trong kỳ bầu cử vừa qua. Bà tuyên bố rất đồng ý về sự liên kết giữa hai phong trào sinh viên và phong trào công nhân, vì đó là yếu tố thành công.

Michel Foucault, người đã không hề chứng tỏ một tí thiện cảm nào với Marx trong tác phẩm « Les Mots et les Choses » (Từ ngữ và Sự vật), là vị Giáo sư Đại học đầu tiên hỗ trợ cho bà khi bà chủ trương « dạy Triết học không phải để đào tạo giáo sư mà là để tạo ra những con người biết đấu tranh cho cách mạng. »

Trước đó, vào khoảng giữa tháng mười một năm ngoái, một giáo sư Thạc sĩ Triết học người Pháp là ông Benjamin Fabre dạy tại Đại học Santiago trong khuôn khổ hợp tác văn hóa ở Chili (châu Mỹ La-tinh) đã bị chính quyền xứ này bắt giam vì đã che chở cho một sinh viên thuộc phe khuynh tả cách mạng Chili đang bị truy nã về tội « đánh cướp một nhà băng trong thành phố ». Được tự do tạm vào dịp cuối năm sau khi bị tra tấn, giáo sư Fabre bị cáo về tội chứa chấp kẻ gian và có thể lãnh tối đa là 40 ngày tù. Người ta đã nghĩ là với tội trạng trên có thể ông Fabre sẽ được trắng án ở tòa sơ thẩm. Thế nhưng chỉ còn mấy tháng nữa là Chili sẽ tổ chức bầu cử

Tổng thống, và giới quân đội đã lợi dụng không khí bầu cử để làm áp lực mạnh. Ủy viên Chính phủ, bất kể những kết luận của dự thẩm, đã đòi đến mười ba tháng khổ sai. Rốt cuộc tòa dân sự bị tước mất quyền xử đề giao cho tòa quân sự. Mặc dầu đã cải tội danh ra đồng lõa, giáo sư Fabre vẫn được trắng án. Chánh phủ Pháp đã định gọi ông về nước, và cũng định có biện pháp với một giáo sư khác là ông Pierre Kalfon, vì đã bênh vực ông Fabre, nghĩa là đã « thiếu cái phần dè dặt mà một vị giáo sư Pháp ở ngoại quốc phải có ». Các biện pháp trên tuy vậy đã không được áp dụng.

Mới đây, người ta cũng bàn tán nhiều về vụ hai giáo sư Pháp Jean-Pierrec Depris (dạy toán ở trung học Pascal, Đà-nẵng) và André-Marcel Menras (dạy ở trung học Lê quý Đôn, Saigon) bị một đám đông ở Saigon ném đá và bị chánh quyền bắt giữ khi hai ông treo lên tượng lính Thủy quân Lục chiến trước trụ sở Hạ viện để treo một lá cờ Mặt trận Giải phóng miền Nam V.N. thật lớn. Depris và Menras, cũng như giáo sư Fabre ở Chili, đến Việt-nam dạy học trong khuôn khổ hợp tác văn hóa, và vụ treo cờ Mặt trận công khai như vừa xảy ra đã làm cho chánh phủ Pháp vô cùng bối rối.

● Gọi giầy nói cho điều hâu :

Tạp chí *Avant-Garde*, một trong những tạp chí tiến bộ và đẹp nhất ở Hoa-kỳ, trong bài « Tội lỗi của các phụ huynh điều hâu », số 11, đã

có sáng kiến đăng những nhận xét của coa cháu các vị « điều hầu » trong chính quyền Nixon. Dĩ nhiên tất cả các thanh niên trên đều không có thiện cảm với việc làm của ông cha mình. Trong số 12, số mới nhất, tạp chí này vừa phát minh ra một hình thức chống chiến tranh mới mà họ đặt tên là « Gọi giấy nói cho điều hầu ». Ban chủ biên tạp chí này cho rằng việc Nixon chấm dứt « xâm lăng » Căm-bốt và rút quân ra khỏi xứ này chứng tỏ chánh quyền đã biết nghe những phong trào chống chiến tranh ở Hoa-kỳ. Để chánh quyền có thể tiếp tục nghe lời dân chúng, tạp chí đã khổ công sưu tầm số điện thoại riêng và trực tiếp của tất cả các con « điều hầu » đang lãnh đạo xứ này, và yêu cầu dân chúng ngay buổi tối nhận số báo, hoặc cuối tuần, hãy cố gọi giấy nói (vì đây là vấn đề sống chết, theo tờ báo này) cho một con « điều hầu » nào đó để trình bày những ý nghĩ của mình về cuộc chiến tranh này. « Hãy nói cho họ biết là ta đã chán ghét và xấu hổ vì cuộc chiến tranh, muốn nó chấm dứt TỨC KHẮC! Chính quyền bảo là họ muốn nghe chúng ta, vậy chúng ta hãy rót cho đầy lỗ tai họ — ... » Sau khi gọi đầy nói, dân chúng cũng được yêu cầu viết lại những gì xảy ra trong cuộc nói chuyện và gửi đến tòa báo. Những tài liệu này sẽ được đăng trên *Avant - Garde* số tháng Chín 70.

Danh sách « điều hầu » được sắp thành 3 trang lớn, với 54 tên, xếp theo mẫu tự ABC. Đứng đầu số là

tên ông Spiro T. Agnew, Phó Tổng thống Hoa-kỳ.

● Hòa bình :

Ở Việt-nam người ta phải trả một giá rất đắt, được gọi là vô giá, để được nói đến Hòa bình. Ở Gia-nã-đại, ở Luân-đôn, ở Ba-lê, John Lennon không phải mất một xu nhỏ nào để chờ vô cho Hòa bình. Thế nhưng để có thể dán đầy những tấm bích chương với hàng chữ « Chiến tranh chấm dứt nếu các bạn muốn » tại nhiều quốc gia trên thế giới, anh đã phải bỏ ra một triệu rưỡi quan. John Lennon là một trong bốn ca nhạc sĩ Beatles đã được Nữ hoàng Anh trao tặng huy chương vinh dự nhất của Hoàng gia Anh, và một mình anh đã gởi trả lại vì không muốn thỏa hiệp với một chế độ mà anh lên án là « không khác gì phát-xít ». Anh nói : « Đời sống của giai cấp công nhân ở đây chưa có một tiến triển nào ». Ba trăm chẹn lúa mì mà anh và cô vợ Nhật Yoko Ono (điều khắc gia khá tiếng tăm trong giới nghệ thuật mới, và cũng là điện ảnh gia) đã trồng và gởi cho các nhà lãnh đạo quốc gia trên thế giới như một biểu tượng di tim. Hòa bình đã không được đón nhận như anh mong muốn — ngoại trừ ở nhiều nước Phi châu. Cuối năm ngoái anh đã nói về vấn đề Hòa bình suốt nửa tiếng đồng hồ trên đài truyền hình Hy-lạp, nơi mà anh nhận xét là « cũng còn có một số người thật sự là người ». Chống mọi hình thức áp bức ở Anh, kẻ cả về phương diện nghệ thuật (16

tấm thạch bản của anh mô tả đêm tân hôn Yoko - Lennon bị đẹp khỏi phòng tranh và người tổ chức triển lãm đã phải hầu tòa hồi tháng Tư vừa qua), giúp đỡ tiền bạc cho phong trào Da đen bất bạo động ở Anh, anh là kẻ rất gai mắt đối với Klu Klux Klan, vốn không thích và đã từng xuyên tạc lời tuyên bố tự cho mình «nổi danh hơn Chúa» của anh. Anh đã hai lần từ chối qua trình diễn ở Hoa-kỳ với thù lao lần thứ nhì là bốn triệu đô la, nhưng ngược lại đã hô hào Elvis Presley và Bob Dylan qua hát ở Gia-nã-đại trong những Đại hội Hòa bình do anh tổ chức «để giúp các nước kém mở mang».

John Lennon tôn sùng Phật, Chúa, Mahomet. Anh tin ở Chúa như một nguồn sinh lực có thể chuyển thành sức mạnh cho hoạt động. Gần ba mươi tuổi, anh nói với giới trẻ: «Tôi mang một lá cờ và tôi có thể trao lá cờ cho những người khác.»

● Hát cho đồng bào tôi nghe :

Hội Sinh viên Sáng tác vừa cho

in và 1 tuần lễ sau lại cho tái bản tập nhạc «Hát cho đồng bào tôi nghe», một công trình tập thể của Tôn thất Lập, Miên đức Thắng, Nguyễn xuân Tân, Hải Hà, Nguyễn văn Sanh, Trương quân Vũ, Vương Luân, Trần long Ân, Nguyễn kim Ngân, Võ đức Dũng, Trương quốc Khánh, Trần nhật Nam, La hữu Vang, Nguyễn Dân, Nguyễn tuấn Kiệt, Nguyễn la Nghi, Lê Nguyễn — những sinh viên tranh đấu. Tập nhạc gồm một số bài đã được sáng tác ngoài đường, trong chợ, trong tù, trên các sân cỏ Đại học, một số bài khác, trong mấy năm trước đã được anh Tôn thất Lập đem «Hát cho dân tôi nghe», và một số bài đã đưa anh Miên đức Thắng ra tòa. «Con người không thể thoát ra ngoài giòng sông của xã hội, vận mệnh của Đất Nước thì văn nghệ không tách ra khỏi nhân gian, không xa lìa quần chúng» — đó là một đoạn trong bài tựa của anh Huỳnh tấn Mầm.

N.T.H.

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO DẪN TRÊN TẠP CHÍ TRÌNH BÀY

1 trang ruột	:	mỗi kỳ	:	3.000đ.
1/2 trang ruột	:	mỗi kỳ	:	1.500đ.
1/3 trang ruột	:	mỗi kỳ	:	1.000đ.

Đặc biệt trừ 50 % cho tất cả các quảng cáo liên hệ tới sách báo.

Phong trào chống độc đoán...

(tiếp theo trang 13)

giữa lúc tài phiệt Axel Springer đang biến loạn trước những tên trọc phú trong Hội Hải Ngoại (Übersee Klub), thì một thiếu nữ xinh đẹp đã lên vào và ngẹn ngào hét lớn: «Hãy trưng dụng Springer!». Trưng dụng Springer, các sinh viên đã làm như vậy «theo cách của họ», một tuần lễ trước đó, tại Hội Chợ Sách Báo ở Frankfurt, khi họ đem đốt và xé hết các ấn phẩm Springer. Bầy nhà xuất bản đã theo các tác giả của họ chấp nhận nguyên tắc tẩy chay quảng cáo cho báo chí tài phiệt này và sinh viên Bá-linh cũng đã hứa sẽ phá hoại tất cả báo của Springer khi những báo này phát hành ở Bá-linh. Khẩu hiệu «Hãy trưng dụng Springer!» là một lời tố cáo sự đồng lõa giữa giai cấp lãnh đạo với cơ quan doanh nghiệp Springer, đồng thời cũng là một tiếng chuông thức tỉnh các sinh viên, đẩy họ đến gần hơn với những công nhân nạn nhân của sự vô thức mà thủ phạm vẫn là bọn thư lại trong các nghiệp đoàn tay chân của tài phiệt. Bắt nguồn từ sự thức tỉnh đó, các sinh viên xã hội khởi sự làm những tờ báo sản phẩm chung của công nhân và sinh viên xã hội, với những nội dung đấu tranh dựa trên những tin tức cụ thể của cả hai giới, cùng lúc có thể giúp công nhân chính đốn việc tổ chức và liên lạc đoàn thể độc lập với các tên đầu sỏ nghiệp đoàn cũ. Rudi Dutschke, Hans Jürgen Krahl (2) và Wolfgang Iefèvre là những sinh viên tiên phong trong số những thanh niên trí thức xã hội đã dùng thứ ngôn ngữ của dân chúng, đã phải hành động thay cho «giai cấp vô sản» và hướng dẫn hành động của anh em công nhân. Tạo cho được một sự phối hợp và cộng tác chặt chẽ giữa các nhà máy với nhau là

một việc không phải dễ, bởi vì đó chính là chặng đường khởi hành của giai cấp công nhân cách đây gần một trăm năm. Bởi vậy, điều duy nhất mà người ta thấy rõ — giữa tình trạng kỹ nghệ hóa và máy móc hiện nay — là không thể đặt tin tưởng vào một chương trình «xã hội» nào, hay vào một bảo đảm dân chủ nào, mà chỉ hành động trực tiếp chống thứ uy quyền vô lý trong các nhà máy, trong các trường học, là có thể làm cho người ta thấy được cần phải thay thế xã hội theo đường lối tư bản bằng một xã hội theo chủ nghĩa xã hội, trong đó mọi người sản xuất, dù là công nhân hay sinh viên, đều phải có tiếng nói liên kết với những quyết định có tính cách xã hội và kinh tế. Và chắc hẳn chính vì lý thuyết hành động trực tiếp đó, vì mối đe dọa lớn đối với một xã hội đang Mỹ hóa đó, mà Rudi Dutschke, tác giả «Những bài viết về chính trị», đã lãnh ba viên đạn trên đầu ngày 11 tháng Tư 1968 ở Kufurstendamm, trung tâm thành phố Berlin — vụ mưu sát đã gây một cuộc biểu tình vĩ đại chung quanh tòa nhà của cơ quan báo chí Springer, nơi mà sinh viên mặc nhiên cho là tổng hành dinh của lực lượng địch, biểu tượng của cái xã hội mà Rudi muốn đánh bại. Ba mươi tuổi, đã từng «lội nền dân chủ xuống đường», Rudi Dutschke không những tượng trưng cho sự phục hưng lý tưởng cách mạng Đức ngày trước, mà còn là hình ảnh đấu tranh mà lớp trẻ đi sau anh còn nhiều thì giờ để cố vượt qua — bằng hành động trực tiếp.

NGUYỄN HỒNG

(1) Xem Đất Nước số 18, trong bài «V.N., Thế giới thứ Ba và công cuộc chống đối tại các thủ phủ».

(2) Xem Trình Bày, số 2, trang 82.